

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU
TƯ QUỐC TẾ**

Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy

Ngành: Kế Toán

Chuyên ngành: Kế toán tài chính

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Anh Thư

Sinh viên thực hiện: Mai Hương Dương

MSSV: 21031003 Lớp: DH21KC

Bà Rịa-Vũng Tàu, tháng 01 năm 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHOA KINH TẾ - LUẬT

**PHIẾU GIAO ĐỀ TÀI
ĐỒ ÁN/ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm Quy định về việc tổ chức, quản lý các hình thức tốt nghiệp ĐH, CĐ ban hành kèm theo Quyết định số 386/QĐ-ĐHBRVT ngày 04/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học BR-VT)

Họ và tên sinh viên: Mai Hương Dương . Ngày sinh: 01/04/2003

MSSV : 21031003 **Lớp:** DH21KC

Địa chỉ : Thôn Phước Hiệp, Xã Tân Hòa, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

E-mail : hduong01430@gmail.com.....

Trình độ đào tạo : Đại học.

Hệ đào tạo : Chính quy.

Ngành : Kế toán.

Chuyên ngành : Kế toán tài chính.

1. Tên đề tài: Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Đầu tư Quốc tế.

2. Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Anh Thư.....

3. Ngày giao đề tài: 02/12/2024

4. Ngày hoàn thành đồ án/ khoá luận tốt nghiệp: 10/01/2025

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 10 tháng 01 năm 2025
SINH VIÊN THỰC HIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

I. Thông tin chung:

- Họ và tên sinh viên: Mai Hương Dương. MSSV: 21031003
- Lớp: DH21KC
- Đề tài: Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP DV và Đầu Tư Quốc Tế
- Họ và tên giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Anh Thư
- Tổng quát về ĐA/KLTN:
 - + Số trang: 115. Số chương: 04
 - + Số bảng số liệu: 02
 - + Số tài liệu tham khảo: 07

II. Nhận xét về ĐA/KLTN

2.1. Nhận xét về hình thức: Đúng quy định

2.2. Tính cấp thiết của đề tài:

Nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước, các doanh nghiệp tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: tự làm chủ tài chính và chịu trách nhiệm về lĩnh vực kinh doanh của mình. Vì vậy, hiệu quả kinh tế là vấn đề quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Do đó, để một doanh nghiệp tồn tại, phát triển và giữ vững được vị thế của mình trên thương trường thì mối quan tâm hàng đầu của các nhà kinh doanh là đặt hiệu quả chất lượng làm tiêu chí hoạt động sản xuất kinh doanh, hầu đem lại lợi nhuận tối ưu cho doanh nghiệp.

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tình hình phát triển hay thất bại của doanh nghiệp. Kế toán về xác định kết quả KD sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của DN

2.3. Mục tiêu và nội dung

2.3.1. Mục tiêu

Với mục tiêu nghiên cứu công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc Tế nhằm hiểu rõ hơn về công tác kế toán

cũng như hoạt động kinh doanh của công ty qua đó đưa ra những khuyến nghị cũng như những đóng góp giúp công ty ngày càng phát triển hơn.

2.3.2. Nội dung

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh
- Phân tích thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, tăng hiệu quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

2.4. Tổng quan tài liệu và tài liệu tham khảo:

- Chế độ kế toán doanh nghiệp: Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

(Website: <https://ketoanthienung.net/he-thong-tai-khoan-ke-toan-theo-thong-tu-200-moi-nhat.htm>)

- Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

- Giáo trình Kế toán tài chính 1,2,3.

- Thư viện trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

(Website: <http://thuvienso.bvu.edu.vn>)

2.5. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp luận để phân tích cơ sở lý luận
- Phương pháp phân tích để phân tích các nghiệp vụ phát sinh, trình tự ghi sổ kế toán và cách thức lưu chuyển chứng từ
- Phương pháp mô tả để diễn tả các chỉ số, các sổ sách kế toán

2.6. Kết quả đạt được

Phân tích thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế từ đó đánh giá được:

- Quy trình tổ chức kế toán kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.
- Hệ thống chứng từ, tài khoản, và phương pháp ghi sổ kế toán áp dụng.
- Các vấn đề tồn tại trong công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

2.7. Kết luận và đề nghị:

Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, tăng hiệu quả kinh doanh tại Công Ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

2.8. Tính sáng tạo và ứng dụng:

Các giải pháp có thể áp dụng tại đơn vị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, tăng hiệu quả kinh doanh tại CP DV và Đầu Tư Quốc Tế

2.9. Các vấn đề cần bổ sung, chỉnh sửa:

- Lỗi chính tả

III. Phần nhận xét tinh thần và thái độ làm việc của sinh viên

Tích cực, ham học hỏi và tinh thần cầu tiến

IV. Đánh giá

1. Điểm: 9.5/10 (làm tròn đến một chữ số thập phân)

2. Đề nghị Được bảo vệ: X

Không được bảo vệ: ☐

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

ThS. Nguyễn Thị Anh Thư

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, khóa luận tốt nghiệp với đề tài “ Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế” được tiến hành một cách minh bạch, công khai. Toàn bộ nội dung và kết quả được dựa trên sự cố gắng cũng như sự nỗ lực của bản thân cùng với sự giúp đỡ không nhỏ từ đơn vị thực tập và cô hướng dẫn Th.S Nguyễn Thị Anh Thư. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trình bày trong khóa luận này hoàn toàn do tôi thực hiện.

Nội dung của khóa luận có tham khảo và sử dụng một số thông tin, tài liệu từ các nguồn sách, tạp chí được liệt kê trong danh mục các tài liệu tham khảo.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm với cam đoan trên.

Vũng Tàu, tháng 1 năm 2025

Sinh viên thực hiện

Mai Hương Dương

LỜI CẢM ƠN

Sau bốn tháng thực tập tại Công ty TNHH Dịch vụ Tài chính Kế toán Thuế Rồng Việt, đó là cơ hội giúp em tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức đã học. Ngoài ra, đây cũng là cơ hội giúp em kết nối những kiến thức lý thuyết sách vở với thực tế và nâng cao vốn kiến thức chuyên môn.

Lời cảm ơn đầu tiên em xin phép gửi đến ban lãnh đạo Công ty TNHH Dịch vụ Tài chính Kế toán Thuế Rồng Việt cùng với các chị tại phòng ban kế toán đã tiếp nhận và nhiệt tình chỉ dạy, tạo điều kiện thuận lợi cho em khảo sát thực tế và nắm bắt kinh nghiệm bổ sung vào bài báo cáo.

Tiếp theo, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám hiệu trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu, quý thầy cô tại khoa Kinh tế - Luật đã tạo cơ hội cho em thực tập tại công ty và nỗ lực giảng dạy, truyền đạt kiến thức quý báu cho em trong những năm qua.

Tiếp theo, em xin gửi đến giáo viên hướng dẫn em đó là Th.s Nguyễn Thị Anh Thư, người đã trực tiếp hướng dẫn em thực hiện khóa luận và hoàn thành tốt bài khóa luận này trong thời gian qua cô đã giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình em thực tập những gì em cần hỏi thì cô đều giải đáp rất nhanh và dễ hiểu

Vì thời gian và kiến thức thực tế của em còn hạn hẹp nên bài báo cáo không tránh khỏi những sai sót. Hy vọng nhận được đánh giá và góp ý từ thầy cô và các bạn để em rút kinh nghiệm và hoàn thành tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 12 năm 2024

Sinh viên thực hiện

Mai Hường Dương

MỤC LỤC

MỤC LỤC	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG, HÌNH ẢNH.....	viii
LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	1
3. Đối tượng nghiên cứu	1
4. Phạm vi nghiên cứu	1
5. Phương pháp nghiên cứu	2
6. Kết cấu đề tài.....	2
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ	3
1.1. Giới thiệu chung về Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.....	3
1.2. Ngành nghề hoạt động chính	3
1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.....	4
1.4. . Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế	5
1.4.1. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	7
1.5. Đặc điểm chung về lĩnh vực hoạt động của công ty	9
1.6. Các đặc điểm về công tác kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế	9
TÓM TẮT CHƯƠNG 1	10
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	11
2.1. Các khái niệm liên quan trong kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.....	11
2.1.1. Doanh thu	11
2.1.2. Chi phí	11
2.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	11
2.2. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp	12
2.2.1 Vai trò	12
2.2.2. Nhiệm vụ.....	12
2.2.3. Ý nghĩa.....	13
2.3. KẾ TOÁN DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	14
2.3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	14
2.3.1.1. Khái niệm	14
2.3.1.2. Nguyên tắc và điều kiện để ghi nhận doanh thu	14
2.3.1.3. Tài khoản sử dụng	15
2.3.1.4. Chứng từ sử dụng	16
2.3.1.5. Sơ đồ hạch toán.....	17
2.3.1.6. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu.....	17

2.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
2.3.2.1. Khái niệm	21
2.3.2.2. Tài khoản sử dụng	21
2.3.2.4. Sơ đồ hạch toán.....	22
2.3.2.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	24
2.4. KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	24
2.4.1. Khái niệm	24
2.4.2. Nguyên tắc hạch toán	24
2.4.3. Tài khoản sử dụng	25
2.4.4. Chứng từ sử dụng	25
2.4.5. Sơ đồ hạch toán.....	25
2.5. KẾ TOÁN GIÁ VỐN BÁN HÀNG	27
2.5.1. Khái niệm	27
2.5.2. Nguyên tắc hạch toán	27
2.5.3. Tài khoản sử dụng	28
2.5.4. Chứng từ sử dụng	29
2.5.5. Sơ đồ hạch toán.....	30
2.5.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	31
2.6. KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	32
2.6.1 Khái niệm	32
2.6.2. Nguyên tắc hạch toán	32
2.6.3. Tài khoản sử dụng	33
2.6.4. Chứng từ sử dụng	33
2.6.5. Sơ đồ hạch toán.....	34
2.6.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	35
2.7. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	36
2.7.1. Khái niệm	36
2.7.2. Nguyên tắc hạch toán	36
2.7.3. Tài khoản sử dụng	37
2.7.4. Chứng từ sử dụng	38
2.7.5. Sơ đồ hạch toán.....	39
2.7.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu	40
2.8. KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC	40
2.8.1. Khái niệm	40
2.8.2. Nguyên tắc hạch toán	41
2.8.3. Tài khoản sử dụng	42
2.8.4. Chứng từ sử dụng	42
2.8.5. Sơ đồ hạch toán.....	43
2.8.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu.....	44

2.9. CHI PHÍ KHÁC.....	44
2.9.1. Khái niệm	44
2.9.2. Nguyên tắc hạch toán	45
2.9.3. Tài khoản sử dụng	45
2.9.4. Chứng từ sử dụng	46
2.9.5. Sơ đồ hạch toán.....	46
2.9.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu.....	48
2.10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	48
2.10.1. Khái niệm	48
2.10.2. Nguyên tắc hạch toán	49
2.10.3. Tài khoản sử dụng	50
2.10.4. Chứng từ sử dụng	51
2.10.5. Sơ đồ hạch toán.....	51
2.10.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu	53
2.11. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	54
2.11.1. Khái niệm	54
2.11.2. Nguyên tắc hạch toán	54
2.11.3. Tài khoản sử dụng	55
2.11.4. Chứng từ sử dụng	56
2.11.5. Sơ đồ hạch toán.....	56
2.11.6. Công thức xác định kết quả kinh doanh.....	58
2.11.7. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ.....	58
TÓM TẮT CHƯƠNG 2	60
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ.....	61
3.1. KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ.....	61
3.1.1. Doanh thu của công ty.....	61
3.1.2. Tài khoản sử dụng	61
3.1.3. Chứng từ sử dụng	61
3.1.4. Trình tự ghi sổ.....	62
3.1.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	62
3.2. KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	65
3.2.1. Doanh thu hoạt động tài chính	65
3.2.2. Tài khoản sử dụng	65
3.2.3. Chứng từ sử dụng	65
3.2.4. Trình tự ghi sổ.....	65
3.2.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	66
3.3. GIÁ VỐN BÁN HÀNG	67
3.3.1. Giá vốn hàng bán của công ty.....	67

3.3.2. Tài khoản sử dụng	67
3.3.3. Chứng từ sử dụng	67
3.3.4. Trình tự ghi sổ.....	67
3.3.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	68
3.4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	68
3.4.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty	68
3.4.2. Tài khoản sử dụng	68
3.4.3 Chứng từ sử dụng	68
3.4.4. Trình tự ghi sổ.....	68
3.4.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	69
3.5. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	72
3.5.1. Chi phí hoạt động tài chính tại công ty	72
3.5.2. Tài khoản sử dụng	72
3.5.3. Chứng từ sử dụng	72
3.5.4. Trình tự ghi sổ.....	73
3.5.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	73
3.6. CHI PHÍ KHÁC.....	74
3.6.1. Khái niệm	74
3.6.2. Tài khoản sử dụng	74
3.6.3. Chứng từ sử dụng	74
3.6.4. Trình tự ghi sổ.....	74
3.6.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	75
3.7. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỒ DANG	76
3.7.1. Khái niệm	76
3.7.2. Tài khoản sử dụng	76
3.7.3. Chứng từ sử dụng	76
3.7.4. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023	76
3.8. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	77
3.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	77
3.8.2. Tài khoản sử dụng	77
3.8.3. Chứng từ sử dụng	77
3.8.4. Kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh	77
3.9. PHÂN TÍCH TỔNG QUÁT CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY	80
TÓM TẮT CHƯƠNG 3	85
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ.....	86
4.1. NHẬN XÉT	86

4.1.1. Ưu điểm	86
4.1.2. Nhược điểm.....	88
4.2. GIẢI PHÁP VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ	89
4.2.1. Giải pháp 1: Hoàn thiện công tác sắp xếp và lưu trữ chứng từ.....	89
4.2.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện về bộ máy hoạt động.....	90
4.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và chi phí.....	92
4.2.4. Giải pháp 4: Tuyển thêm nhân sự kế toán để chuyên trách theo dõi về các nghiệp vụ công ty phát sinh.....	94
4.3. Những kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.....	94
TÓM TẮT CHƯƠNG 4	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98
PHỤ LỤC	99

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Diễn giải
BDS	Bất động sản
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
BVMT	Bảo vệ môi trường
CKTM	Chiết khấu thương mại
DN	Doanh nghiệp
FIFO	Nhập trước – xuất trước
GGHB	Giảm giá hàng bán
GTGT	Giá trị gia tăng
ISIC	International Services And Investment Corporation
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TT-BTC	Thông tư/Bộ Tài Chính
TTĐB	Thuế tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG, HÌNH ẢNH

Tên sơ đồ, bảng, hình	Số trang
Danh mục sơ đồ	
Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	4
Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy kế toán công ty	5
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	7
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 511	17
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 521	22
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 515	26
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hạch toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên TK 632	30
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 642	34
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 635	39
Sơ đồ 2.7 Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 711	43
Sơ đồ 2.8. Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 811	47
Sơ đồ 2.9. Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 821	52
Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 911	57
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 511	62
Sơ đồ 3.2. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 515	65
Sơ đồ 3.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 632	67
Sơ đồ 3.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 642	69
Sơ đồ 3.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 635	73
Sơ đồ 3.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 811	75
Danh mục bảng	
Bảng 3.1. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	80
Bảng 3.2. Bảng so sánh số liệu 2021, 2022 và năm 2023	81
Danh mục hình ảnh	
Hình 4.1. Mẫu báo cáo chi phí theo năm.	91
Hình 4.2. Mẫu báo cáo chi phí bình quân theo năm.	91
Hình 4.3. Mẫu báo cáo chi phí theo tháng – quý.	92
Hình 4.4. Mẫu báo cáo quản trị doanh thu theo từng tháng	92

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước, các doanh nghiệp tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: tự làm chủ tài chính và chịu trách nhiệm về lĩnh vực kinh doanh của mình. Vì vậy, hiệu quả kinh tế là vấn đề quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Do đó, để một doanh nghiệp tồn tại, phát triển và giữ vững được vị thế của mình trên thương trường thì mỗi quan tâm hàng đầu của các nhà kinh doanh là đặt hiệu quả chất lượng làm tiêu chí hoạt động sản xuất kinh doanh, hầu đem lại lợi nhuận tối ưu cho doanh nghiệp.

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tình hình phát triển hay thất bại của doanh nghiệp. Kế toán là công cụ phục vụ quản lý hữu hiệu và thật sự cần thiết. Từ đó, doanh nghiệp sẽ phát hiện ra những mặt hạn chế trong công tác kinh doanh và rút ra kinh nghiệm cần thiết để giải quyết những bài toán kinh doanh phức tạp, đồng thời vạch ra kế hoạch chiến lược cho phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Nhận thức được tầm quan trọng đó mà em đã quyết định chọn đề tài ***“Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế”*** để tìm hiểu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Tìm hiểu về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.

Tìm ra các ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.

Đưa ra các nhận xét và giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

3. Đối tượng nghiên cứu

Công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.

4. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.

Thời gian nghiên cứu: Năm 2023

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu các tài liệu thu thập được trong quá trình thực tập tại đơn vị: tài liệu về cơ cấu tổ chức và các tài liệu làm cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

Phương pháp quan sát, tiếp cận thực tế để tìm hiểu về các công việc hàng ngày của nhân viên kế toán.

Phương pháp phân tích: Dựa trên số liệu thu thập tại đơn vị tiến hành phân tích, so sánh các số liệu để phục vụ bài nghiên cứu.

6. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận nội dung bài gồm có 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về Công Ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

Chương 2: Cơ sở lý luận về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

Chương 3: Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

Chương 4: Một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

1.1. Giới thiệu chung về Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế

- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế được thành lập vào ngày 11/06/2018
- Công ty được thành lập và hoạt động kinh doanh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502364895 do Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo cấp ngày 12/06/2018
- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế
- Tên quốc tế: INTERNATIONAL SERVICES AND INVESTMENT CORPORATION.
- Tên viết tắt: ISIC
- Mã số thuế doanh nghiệp: 3502364895
- Địa chỉ công ty: Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành Phố Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Bùi Thị Thu Thủy – Giám đốc công ty

1.2. Ngành nghề hoạt động chính

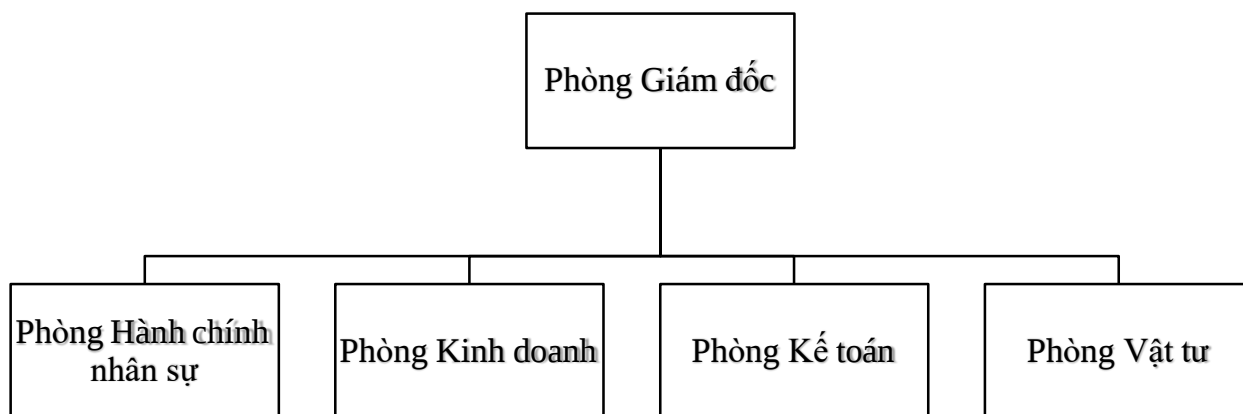
Công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng và có quyền tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Có bộ máy quản lý, điều hành, các phòng ban riêng do Công ty qui định.

Các lĩnh vực hoạt động của công ty

- In ấn, dịch vụ liên quan đến in.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện và lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Lập trình máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, sửa chữa thiết bị liên lạc và sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng.

1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế



Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế)

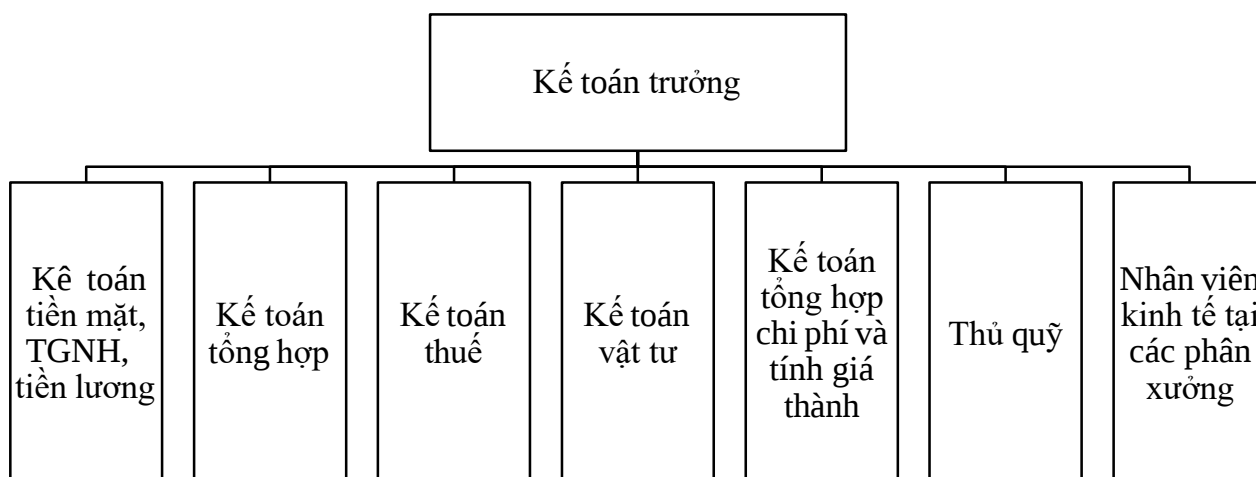
❖ Chức năng của từng phòng ban

- Giám Đốc: Là người đại diện theo pháp luật của công ty, là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
- Phòng Hành chính nhân sự: Chức năng của phòng là tham mưu cho Giám đốc thực hiện công tác hành chính, nhân sự, quản lý văn phòng, đáp ứng nhu cầu cần thiết về vật tư, trang thiết bị, phương tiện cho hoạt động của Công ty. Nhiệm vụ của phòng là quản lý điều hành công tác hành chính - tổng hợp, văn thư, lưu trữ và bảo mật theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty.
- Phòng Kế toán: Có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý và tổ chức, thực hiện công tác Tài chính - Kế toán - Thống kê trong toàn Công ty. Nhiệm vụ của phòng Kế toán là thực hiện công tác kế toán trong toàn Công ty theo pháp lệnh kế toán - thống kê và Quy chế Tài chính của Công ty, thực hiện phương thức hạch toán kế toán thống nhất trong toàn Công ty. Đầu mối thu thập thông tin về nghiệp vụ Kế toán - Thống kê; hướng dẫn các bộ phận liên quan trong Công ty về trình tự lưu chuyển chứng từ kế toán theo đúng quy định. Tổng hợp và báo cáo Tài chính định kỳ, trích lập và sử dụng các quỹ của

Công ty theo quy định hiện hành, đảm bảo tính pháp lý của số liệu trong báo cáo. Thực hiện kịp thời các khoản thu nộp nghĩa vụ vào ngân sách, các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty, thực hiện đối chiếu; thu hồi công nợ một cách thường xuyên. Đề xuất các phương án giảm thiểu rủi ro trong công tác Tài chính - Kế toán.

- Phòng Vật tư: Có chức năng tham mưu, phân tích, tổng hợp, đưa ra đề xuất kiến nghị phù hợp với công tác quản lý vật tư. Bộ phận này cũng có chức năng tổ chức việc thực hiện công tác quản lý vật tư trong doanh nghiệp. Nhiệm vụ của phòng lập kế hoạch vật tư để xác định chính xác lượng vật tư cần mua sắm hay cần dự trữ trong năm và lập kế hoạch vật tư cụ thể cho năm đó. Bảo quản chất lượng vật tư tiến hành bố trí, sắp xếp vật tư trong kho hợp lý, khoa học, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát. Quản lý việc dự trữ vật tư trong kho và quản lý việc cung ứng và sử dụng vật tư.

1.4. . Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế



Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy kế toán công ty

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế)

❖ Chức năng của từng bộ phận

- Kế toán trưởng: Người đứng đầu bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm toàn diện về công tác kế toán, báo cáo tài chính và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, thuế. Kế toán trưởng cũng tham gia vào việc lập kế hoạch tài chính và quản lý rủi ro tài chính cho công ty. Xây dựng tổ chức, quản lý hệ thống bộ máy kế toán. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc liên quan đến kế toán trong công ty.

- Kế toán tiền mặt, TGNH, tiền lương: Nhiệm vụ của bộ phận này là quản lý tiền mặt ghi nhận và kiểm soát các khoản thu, chi bằng tiền mặt trong doanh nghiệp, đảm bảo tất cả các giao dịch đều có chứng từ hợp lệ (phiếu thu, phiếu chi), kiểm tra quỹ tiền mặt. Lưu

trữ chứng từ lưu trữ và sắp xếp các chứng từ liên quan đến tiền mặt một cách khoa học để dễ dàng truy xuất khi cần thiết. Quản lý các khoản vay, tiền gửi ngắn hạn. Tính toán tiền lương, theo dõi công nợ với người lao động. Thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm và lập báo cáo tiền lương.

- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm ghi nhận và kiểm tra số liệu từ các kế toán viên, tổng hợp báo cáo tài chính. Kiểm tra, đối chiếu các số liệu kế toán chi tiết và lập các báo cáo theo yêu cầu.

- Kế toán thuế: Theo dõi và tính toán các nghĩa vụ thuế, lập và nộp các báo cáo thuế đúng quy định.

- Kế toán vật tư: Quản lý nhập xuất tồn kho vật tư, kế toán ghi nhận nhập kho vật tư, theo dõi xuất kho và kiểm tra ghi nhận tồn kho. Lập báo cáo liên quan đến vật tư báo cáo nhập – xuất – tồn kho, báo cáo chi phí vật tư. Kế toán sẽ phải kiểm kê vật tư định kỳ kế toán vật tư tham gia vào quá trình kiểm kê vật tư tại kho, đối chiếu số liệu kiểm kê với sổ sách kế toán để phát hiện sai lệch (nếu có) và đưa ra biện pháp xử lý. Sau khi kiểm kê, kế toán vật tư lập biên bản kiểm kê vật tư, ghi nhận tình hình thực tế về số lượng, chất lượng, từ đó có báo cáo cho lãnh đạo để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

- Kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành: Chịu trách nhiệm tính toán giá thành sản xuất, phân bổ chi phí sản xuất và kiểm tra lãi lỗ theo từng đơn hàng hoặc dự án.

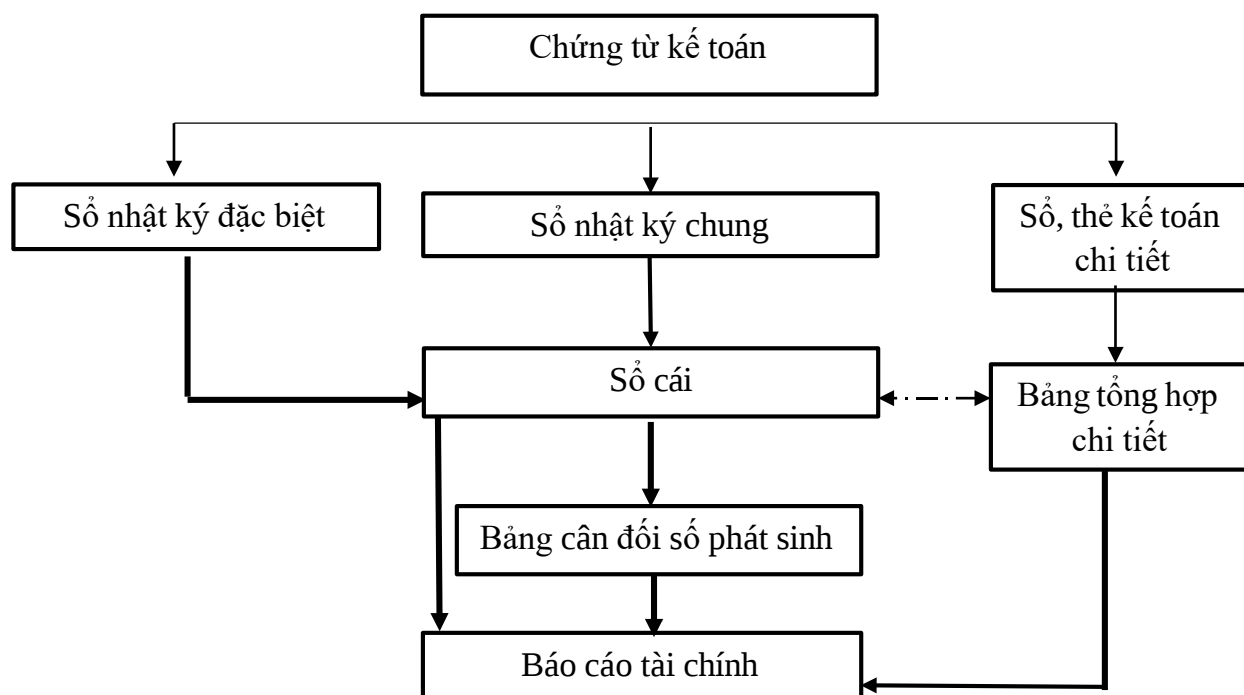
- Thủ quỹ: Là người chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt và các chứng từ có giá trị trong doanh nghiệp, đảm bảo an toàn, chính xác và minh bạch trong việc thu, chi. Nhiệm vụ là quản lý tiền mặt tại quỹ, thực hiện thu, chi tiền mặt, kiểm kê và báo cáo tồn quỹ, quản lý các loại tài sản có giá trị khác và chấp hành các quy định pháp luật và nội quy của công ty.

- Nhân viên kinh tế tại các phân xưởng: Là người chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các hoạt động kinh tế, tài chính liên quan trực tiếp đến sản xuất trong các phân xưởng của doanh nghiệp. Đảm bảo các nguồn lực tài chính, vật tư, lao động được sử dụng hiệu quả và hỗ trợ lãnh đạo phân xưởng trong việc lập kế hoạch sản xuất cũng như kiểm soát chi phí. Nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chi phí sản xuất, quản lý vật tư và nguyên liệu, theo dõi và đánh giá hiệu quả sản xuất và hỗ trợ quản lý nguồn nhân lực ghi nhận và kiểm soát chi phí lao động trong phân xưởng, đảm bảo chi trả lương và các khoản phụ cấp cho công nhân theo đúng quy định và kế hoạch. Tính toán thưởng/phạt: Dựa trên năng

suất và hiệu quả làm việc của công nhân, nhân viên kinh tế hỗ trợ tính toán các khoản thưởng hoặc phạt để đảm bảo chính sách khuyến khích sản xuất của doanh nghiệp.

1.4.1. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Việc áp dụng phương thức kế toán này xuất phát từ đặc điểm của Công ty là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, phức tạp, đòi hỏi quá trình hạch toán phải đầy đủ, kịp thời, chính xác, kết hợp với trình độ nghiệp vụ của những cán bộ kế toán vững vàng, đồng đều và nhiều kinh nghiệm. Hình thức kế toán Nhật ký chung giúp cho công việc ghi chép kiểm tra, đối chiếu số liệu không bị dồn khối, đáp ứng yêu cầu nắm bắt thông tin kịp thời của lãnh đạo doanh nghiệp.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng: $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

❖ Trình tự lập, kiểm tra và luân chuyển chứng từ:

Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung vào bộ phận kế toán doanh nghiệp. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng

những chứng từ kế toán đó ghi sổ kế toán. Cuối cùng sẽ được lưu trữ, bảo quản và sau khi hết hạn lưu trữ đối với từng loại chứng từ, nó sẽ được hủy.

❖ **Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán bao gồm các bước sau:**

Bước 1 : Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán.

Bước 2 : Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán hoặc trình giám đốc doanh nghiệp ký duyệt.

Bước 3 : Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán.

Bước 4 : Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

Diễn giải:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở Sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

❖ **Trình tự kiểm tra chứng từ kế toán:**

Thứ 1: Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các chỉ tiêu, các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán.

Thứ 2: Kiểm tra tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đã ghi trên chứng từ kế toán, đối chiếu chứng từ kế toán với các chứng từ liên quan.

Thứ 3: Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán.

1.5. Đặc điểm chung về lĩnh vực hoạt động của công ty

Công ty hiện tại đang kinh doanh các mặt hàng như:

- In ấn, dịch vụ liên quan đến in.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện và lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Dịch vụ liên quan đến viễn thông

Các nhà cung cấp của công ty bao gồm:

- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Phát
- Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu THN

Công ty thường nhận được những đơn đặt hàng qua các công ty khách hàng như:

- Chi Nhánh Tổng Công Ty Trục Thăng Việt Nam - Công Ty TNHH Trục thăng Miền Nam
- Công Đoàn Cơ sở Liên doanh Việt - Nga VIETSOVPETRO
- Bộ Chỉ Huy Quân Sự Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- VIETTEL Bà Rịa Vũng Tàu-Chi nhánh Tập Đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
- Liên Doanh Việt - Nga VIETSOVPETRO

1.6. Các đặc điểm về công tác kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.

- Chế độ kế toán công ty áp dụng hiện nay theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp giá gốc
- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung
- Kỳ kế toán: 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm
- Nguyên tắc tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ
- Phương pháp xác định giá hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- Hệ thống sổ áp dụng
- + Các sổ kế toán chi tiết: Sổ chi tiết hàng hóa, sổ cái

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

- Ở chương 1 em đã giới thiệu khái quát về công ty và các ngành nghề công ty đang hoạt động và các đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty và tổ chức bộ máy kế toán ở công ty
- Qua những phân tích ở chương 1, ta có thể thấy hoạt động của công ty khá ổn định, tuy vừa trải qua những năm dịch đầy khó khăn nhưng công ty vẫn kinh doanh ổn định, nhưng để Công ty kinh doanh tốt hơn nữa và bộ phận quản lý nắm bắt rõ tình hình của công ty từ đó đưa ra những phương hướng hoạt động hợp lý, phù hợp với công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận
- Tiếp theo chương 2 em sẽ trình bày các cơ sở lý luận, những vấn đề cơ bản về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Việc hiểu rõ và sử dụng cơ sở lý luận áp dụng vào thực tế để hiểu rõ doanh nghiệp và giúp ích doanh nghiệp như: Giúp việc theo dõi quản lý việc thu mua, nhập, xuất, bảo quản nguyên vật liệu một cách dễ dàng và hiệu quả. Từ đó, áp dụng những biện pháp cụ thể nhằm theo dõi kịp thời biến động.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

2.1. Các khái niệm liên quan trong kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

2.1.1. Doanh thu

- Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Thu nhập khác.
- Các khoản làm giảm trừ doanh thu gồm có:
 - Chiết khấu thương mại.
 - Giảm giá hàng bán.
 - Hàng bán bị trả lại.
 - Ngoài ra còn có các loại thuế như: Thuế TTDB; Thuế XK; Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

2.1.2. Chi phí

- Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định
- Phân loại chi phí bao gồm:
 - Giá vốn hàng bán.
 - Chi phí bán hàng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Chi phí tài chính.

2.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Theo Điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC và Điều 96 thông tư 200/2014/TT-BTC kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Biểu hiện của kết quả kinh doanh là số lãi (hoặc số lỗ).

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.
- Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận thuần = Lợi nhuận gộp + (doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính) – (chi phí bán hàng + chi phí quản lý DN)
- Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần + Lợi nhuận khác
- Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN.

2.2. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp

2.2.1 Vai trò

- Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- Từ kết quả hoạt động kinh doanh ta có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao để nâng cao được doanh thu cho doanh nghiệp giảm chi phí đến mức thấp nhất.

Đối với một doanh nghiệp nói chung, tổ chức công tác bán hàng và xác định kết quả bán hàng có vai trò quan trọng từng bước hạn chế được sự thất thoát hàng hoá, phát hiện được những hàng hoá chậm luân chuyển để có biện pháp xử lý thích hợp nhằm thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn. Các số liệu mà kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cung cấp cho doanh nghiệp giúp doanh nghiệp nắm bắt được mức độ hoàn chỉnh về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng từ đó tìm những biện pháp thiếu sót mất cân đối giữa khâu mua - khâu dự trữ và khâu bán để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2.2.2. Nhiệm vụ

- Để hoạt động bán hàng của đơn vị có hiệu quả, đem lại lợi nhuận ngày càng cao, các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh phải xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong đó có kế hoạch bán sản phẩm một cách khoa học, thực hiện tính toán đầy đủ, chính

xác các khoản chi phí, doanh thu và kết quả bán hàng nhằm đánh giá hoạt động bán hàng. Muốn vậy, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh phải làm tốt những nhiệm vụ sau:

- Ghi nhận doanh thu, chi phí đầy đủ và chính xác: Theo dõi doanh thu từ các hoạt động tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ và các khoản thu khác. Phản ánh đúng chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ (giá vốn hàng bán, chi phí quản lý, chi phí bán hàng).
- Tính toán chính xác, kịp thời đầy đủ kết quả tiêu thụ.
- Phản ánh và giám sát kế hoạch tiêu thụ, tính toán và phản ánh chính xác kịp thời doanh thu bán hàng.
- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch tiêu thụ thành phẩm. Báo cáo kịp thời tình hình xuất – nhập – tồn hàng hóa, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ, việc thu tiền bán hàng tránh bị công ty khác chiếm dụng vốn.

2.2.3. Ý nghĩa

➤ Công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quản lý doanh nghiệp, với những ý nghĩa cụ thể như sau:

- Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp đo lường mức độ hiệu quả của các hoạt động sản xuất, tiêu thụ và quản lý. Đánh giá mức độ sinh lời của từng sản phẩm, dịch vụ hoặc thị trường, từ đó đưa ra các chiến lược cải tiến.
- Cung cấp thông tin cho việc ra quyết định số liệu về doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Là cơ sở để ban lãnh đạo đưa ra các quyết định đúng đắn như điều chỉnh giá bán, phân bổ nguồn lực, hay phát triển sản phẩm mới, giúp doanh nghiệp phát hiện và khắc phục kịp thời những vấn đề gây thất thoát doanh thu hoặc gia tăng chi phí.
- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và minh bạch tài chính kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp tuân thủ đúng các quy định về thuế, kế toán và báo cáo tài chính. Cung cấp thông tin minh bạch và đáng tin cậy cho các bên liên quan như cổ đông, ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước.
- Hỗ trợ xây dựng chiến lược dài hạn dựa vào kết quả kinh doanh của các kỳ trước, doanh nghiệp có thể lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tài chính phù hợp cho tương lai, phân tích xu hướng kinh doanh qua từng giai đoạn để định hướng chiến lược phát triển bền vững.

2.3. KẾ TOÁN DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

2.3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.3.1.1. Khái niệm

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu phát sinh từ giao dịch, sự kiện được thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán cho thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

2.3.1.2. Nguyên tắc và điều kiện để ghi nhận doanh thu

➤ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam, việc ghi nhận doanh thu phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa hoặc dịch vụ cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn quyền quản lý hàng hóa như chủ sở hữu hoặc kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ.

Xác định doanh thu phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán cơ bản như sau:

- Cơ sở dồn tích: Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền, do vậy doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.
- Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp (Chi phí có liên quan đến doanh thu).
- Thận trọng: Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2.3.1.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” không có số dư cuối kỳ và có 6 cấp tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111 “Doanh thu bán hàng hóa”
- TK 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm”
- TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”
- TK 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”
- TK 5117 “Doanh thu kinh doanh bất động sản”
- TK 5117 “Doanh thu khác”

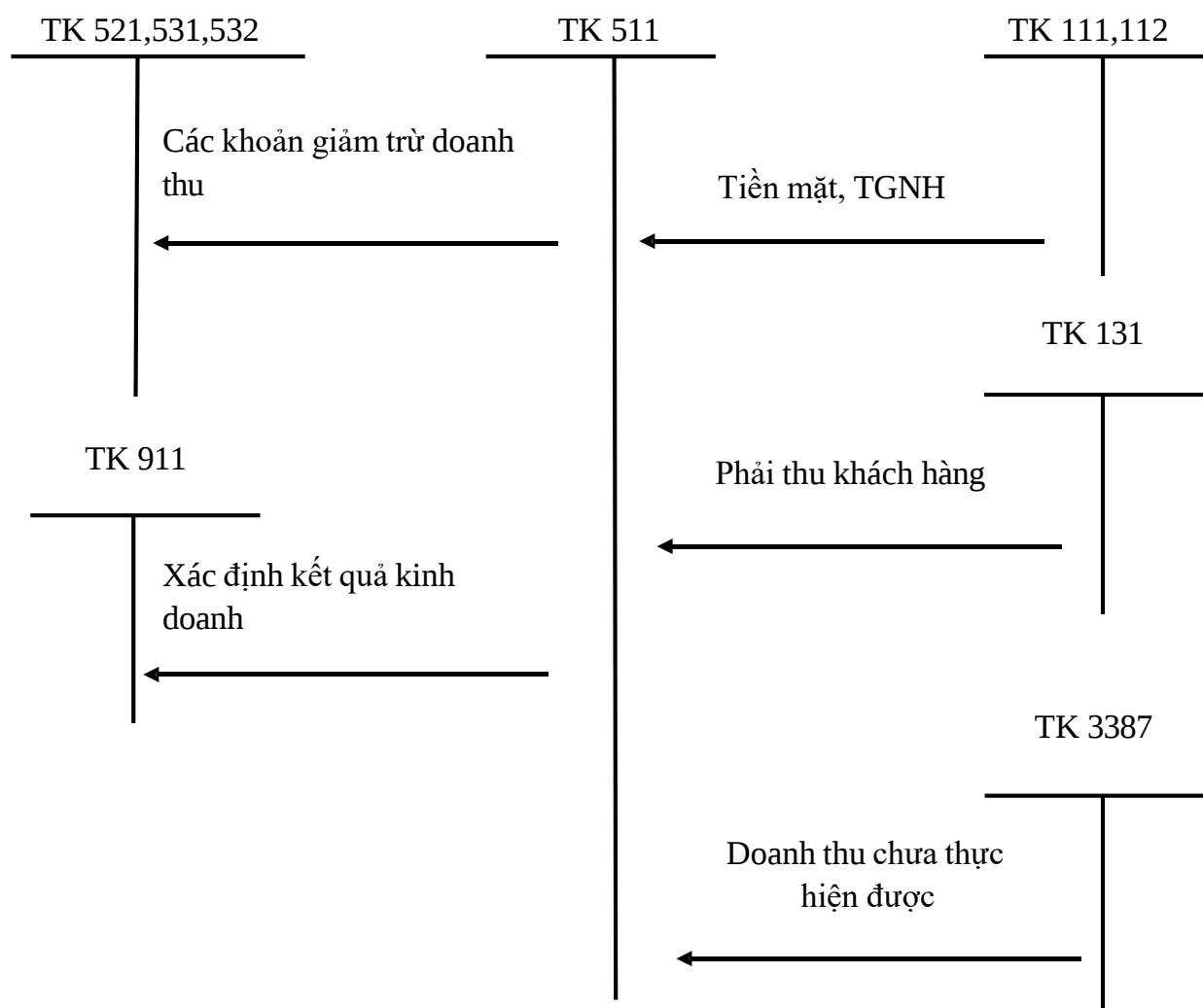
Kết cấu tài khoản 511: TK 511 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có
Tài khoản này cuối kỳ không có số dư		

**2.3.1.4. Chứng từ sử dụng**

- Đơn đặt hàng
- Hóa đơn bán hàng
- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Bảng kê hàng gửi đi bán
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Sổ kế toán: Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản, sổ nhật ký chung, sổ nhật ký chứng từ, sổ nhật ký bán hàng

2.3.1.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 511

(Nguồn: Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.3.1.6. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

(1) Doanh thu của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm), hàng hoá, dịch vụ đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp (chi tiết từng loại thuế) được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2) Trường hợp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

- Ngoài việc ghi sổ kế toán chi tiết số nguyên tệ đã thu hoặc phải thu, kế toán phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán để hạch toán vào tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

(3) Khi bán hàng hoá theo phương thức trả chậm, trả góp:

- Khi bán hàng trả chậm, trả góp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay chưa có thuế, ghi :

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá bán trả tiền ngay chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3331, 3332).

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (chênh lệch giữa tổng số tiền theo giá bán trả chậm, trả góp với giá bán trả tiền ngay).

Định kỳ, ghi nhận doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi trả chậm, trả góp).

(4) Trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế:

- Kế toán phản ánh giá vốn hàng bán bao gồm giá trị sản phẩm, hàng hóa được bán và giá trị sản phẩm, hàng hóa, thiết bị phụ tùng thay thế, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có các TK 153, 155, 156.

- Ghi nhận doanh thu bán hàng (vừa bán sản phẩm, hàng hóa, vừa bán sản phẩm, hàng hóa, thiết bị phụ tùng thay thế), ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(5) Khi cho thuê hoạt động TSCĐ và cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, kế toán phản ánh doanh thu phải phù hợp với dịch vụ cho thuê hoạt động TSCĐ và cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư đã hoàn thành từng kỳ. Khi phát hành hoá đơn thanh toán tiền thuê hoạt động TSCĐ và cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (nếu chưa nhận được tiền ngay)

Nợ các TK 111, 112 (nếu thu được tiền ngay)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

(6) Trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

- Kế toán ở đơn vị giao hàng đại lý:

- Khi xuất kho sản phẩm, hàng hoá giao cho các đại lý phải lập Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý. Căn cứ vào phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý, ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có các TK 155, 156.

- Khi hàng hoá giao cho đại lý đã bán được, căn cứ vào Bảng kê hoá đơn bán ra của hàng hoá đã bán do các bên nhận đại lý hưởng hoa hồng lập gửi về kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131. (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Đồng thời phản ánh giá vốn của hàng bán ra, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hàng gửi đi bán.

- Số tiền hoa hồng phải trả cho đơn vị nhận bán hàng đại lý hưởng hoa hồng, ghi:

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng (hoa hồng đại lý chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 131.

- Kế toán ở đơn vị nhận đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng:

- Khi nhận hàng đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về toàn bộ giá trị hàng hoá nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi hàng hoá nhận bán đại lý đã bán được, căn cứ vào Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng và các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh số tiền bán hàng đại lý phải trả cho bên giao hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Định kỳ, khi xác định doanh thu hoa hồng bán hàng đại lý được hưởng, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi trả tiền bán hàng đại lý cho bên giao hàng, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112.

(7) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ trừ vào doanh thu thực tế trong kỳ để xác định doanh thu thuần, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

(8) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

2.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

2.3.2.1. Khái niệm

- Khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh nghiệp sẽ áp dụng các phương pháp giảm trừ doanh thu khác nhau tùy theo từng chế độ kế toán.
- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, và hàng bán bị trả lại.
 - Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
 - Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
 - Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém chất lượng, sai quy cách, chủng loại.

2.3.2.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu” không có số dư cuối kỳ và có 3 cấp tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5211 “Chiết khấu thương mại” – Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá cho khách hàng khi mua hàng với số lượng lớn
- TK 5212 “Hàng bán bị trả lại” – Tài khoản này phản ánh doanh thu của hàng bán bị trả lại
- TK 5213 “Giảm giá hàng bán” – Tài khoản này phản ánh số tiền giảm giá hàng bán do kém phẩm chất, sai qui cách hay khách hàng mua với số lượng lớn

- Nội dung kết cấu TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào khoản thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.		- Kết chuyển toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại vào TK 511.
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
TK 521 không có số dư cuối kỳ		



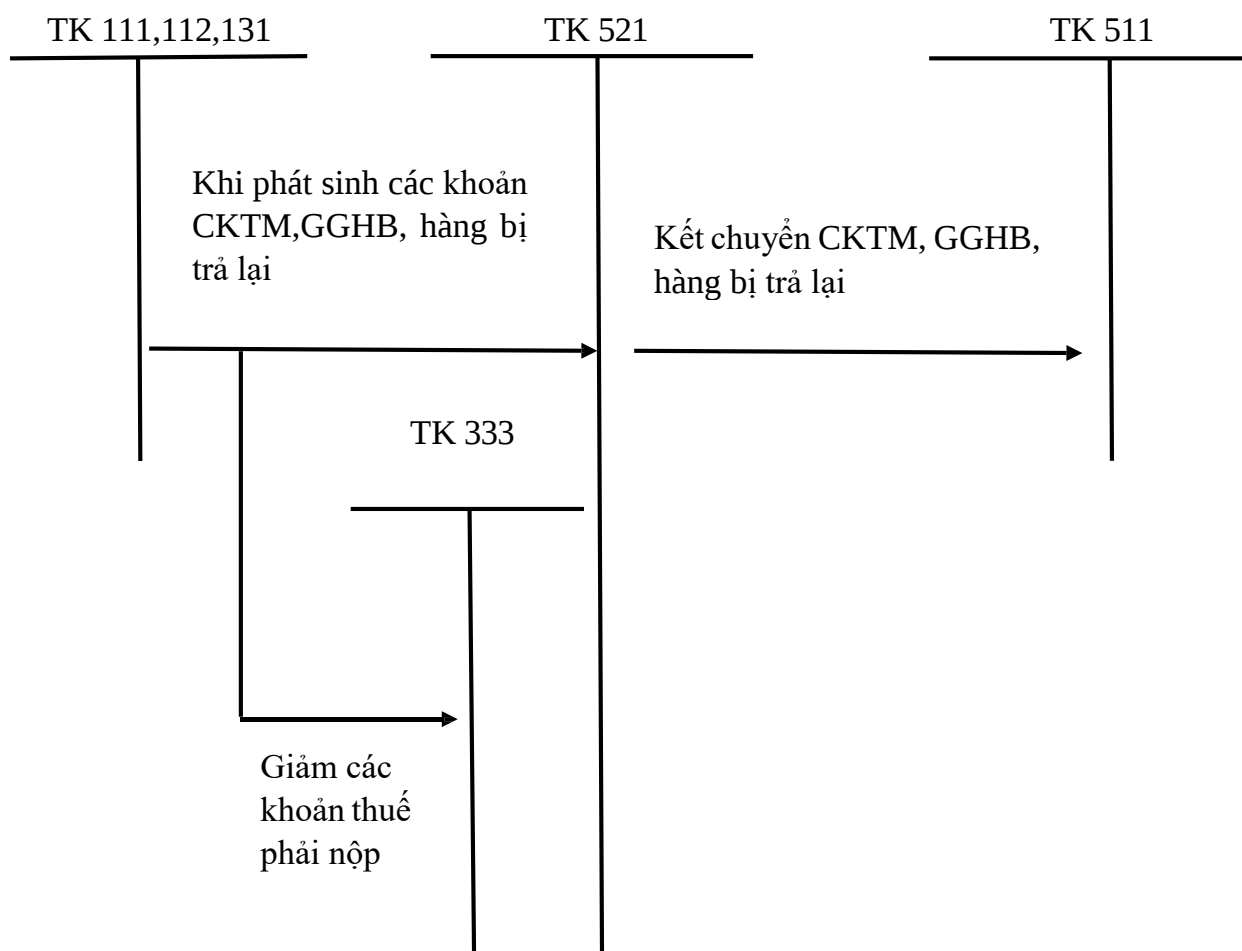
2.3.2.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Biên bản trả hàng
- Sổ sách: Sổ chi tiết các tài khoản, sổ nhật ký chung, sổ cái

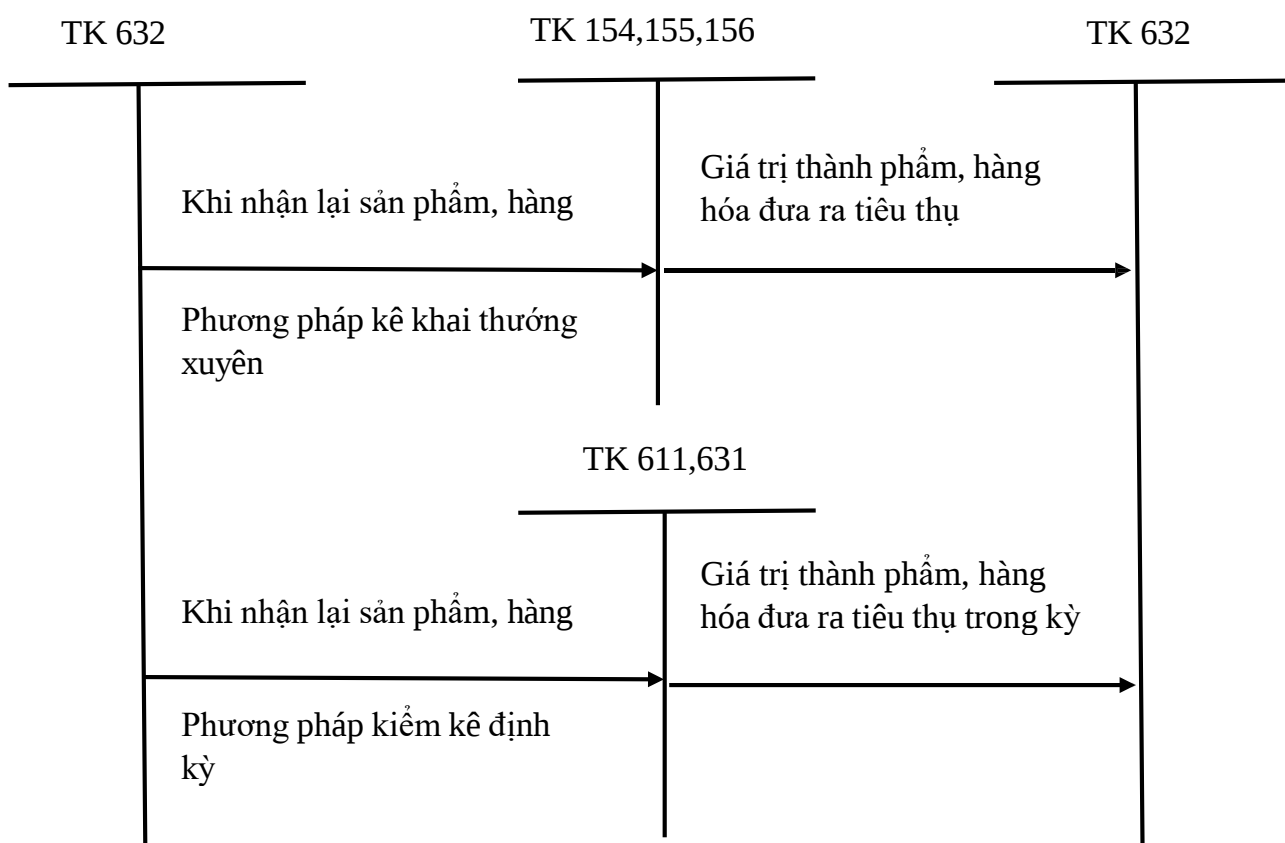
2.3.2.4. Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 521

(Nguồn: Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)



Kế toán khi nhận lại sản phẩm, hàng hóa



2.3.2.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

(1) Số tiền CKTM phát sinh được bên bán chấp nhận, ghi:

Nợ TK 5211 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131 – Tổng số tiền thanh toán.

(2) Hàng bán bị trả lại đã xác định tiêu thụ

- Nhập lại kho.

Nợ TK 155,156 – Trị giá sản phẩm, hàng hóa nhận lại

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

- Thanh toán với khách hàng giá trị hàng trả lại

Nợ TK 5212 – Giá trị hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131 – Tổng giá trị hàng trả lại

- Phản ánh chi phí liên quan đến hàng bán bị trả lại

Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng

Có TK 111,112 – Tổng số tiền thanh toán

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bị trả lại

Nợ TK 515 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5212 – Hàng bán bị trả lại

(3) Số tiền các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận, ghi:

Nợ TK 5213 – Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131 – Tổng giá trị thanh toán

(4) Cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5213 – Giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

2.4. KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

2.4.1. Khái niệm

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

2.4.2. Nguyên tắc hạch toán

- Đối với hoạt động mua, bán chứng khoán kinh doanh, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác

định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước, giá bán được tính theo giá trị hợp lý của khoản nhận được. Trường hợp mua, bán chứng khoán dưới hình thức hoán đổi cổ phiếu.

2.4.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” không có số dư cuối kỳ.

- Nội dung kết cấu TK 515

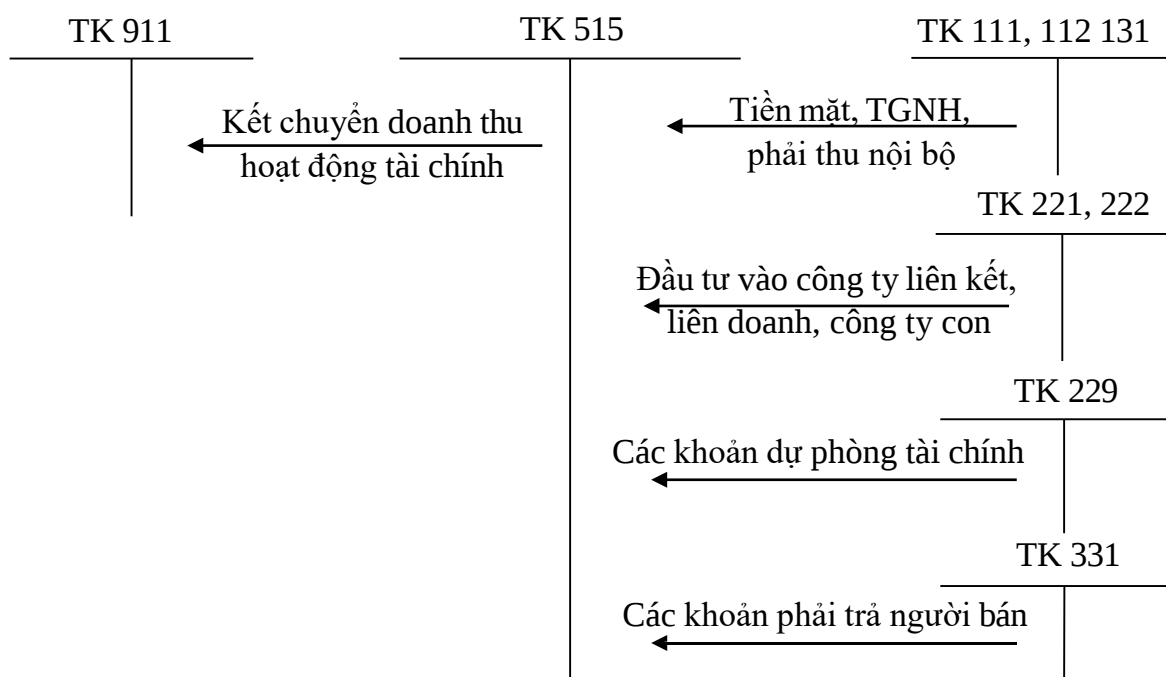
Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
Tài 515 cuối kỳ không có số dư		



2.4.4. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có
- Giấy báo Nợ
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo lãi ngân hàng
- Phiếu tính lãi
- Các chứng từ gốc khác có liên quan

2.4.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 515

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.4.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

(1) Khi thu hồi thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,131 —Trị giá tài sản nhận về

Có TK 222 – Đầu tư vào công ty liên kết

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

(2) Khi nhận thông báo chia cổ tức, lợi nhuận, xác định khoản lãi khi cho vay vốn, kế toán ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

(3) Số tiền chiết khấu được hưởng do thanh toán mua hàng trước thời hạn người bán chấp nhận, kế toán ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

(4) Định kỳ, xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm và trả góp trong kỳ, kế toán ghi

Nợ TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

(5) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào tài khoản 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán làm bút toán kết chuyển

Nợ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.5. KẾ TOÁN GIÁ VỐN BÁN HÀNG

2.5.1. Khái niệm

- Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm đã bán được (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Giá vốn hàng bán bao gồm chi phí của tất cả các mặt hàng có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sản xuất hoặc mua hàng hóa, dịch vụ đã được bán.
- Các phương pháp tính giá vốn bán hàng:
 - Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)
 - Phương pháp thực tế đích danh
 - Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
 - Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ

2.5.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.
- Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...
- Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ.
- Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào

giá vốn hàng bán.

- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nêu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

2.5.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 632 “Giá vốn bán hàng” không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”.

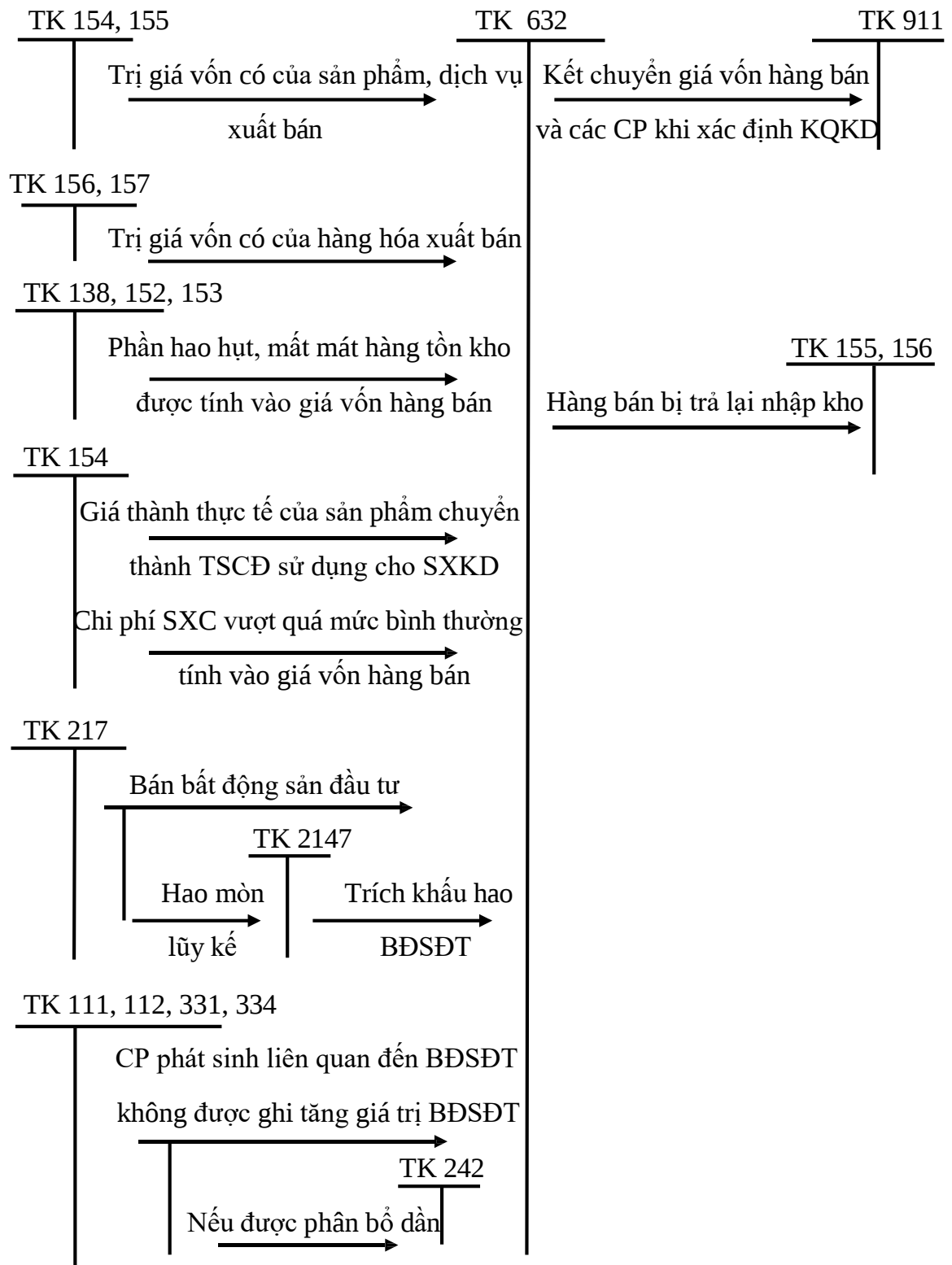
Nội dung kết cấu TK 632

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
TK 632 không có số dư cuối kỳ		

2.5.4. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho, phiếu xuất vật tư
- Đơn đặt hàng
- Bảng kê xuất kho sản phẩm
- Sổ chi tiết giá vốn bán hàng
- Các chứng từ gốc khác có liên quan

2.5.5. Sơ đồ hạch toán



2.4. Sơ đồ hạch toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên TK 632

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.5.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

(1) Khi xuất bán các sản phẩm, hàng hóa (kể cả sản phẩm dùng làm thiết bị, phụ tùng thay thế đi kèm sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có các TK 154, 155, 156, 157.

(2) Phản ánh các khoản chi phí được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán:

- Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường thì kế toán phải tính và xác định chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho một đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ (không tính vào giá thành sản phẩm số chênh lệch giữa tổng số chi phí sản xuất chung cố định thực tế phát sinh lớn hơn chi phí sản xuất chung cố định tính vào giá thành sản phẩm) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

Có TK 627 - Chi phí sản xuất chung.

- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ (-) phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có các TK 152, 153, 156, 138 (1381).

- Phản ánh chi phí tự xây dựng TSCĐ vượt quá mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

(3) Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua hàng, kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của hàng tồn kho để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số hàng tồn kho chưa tiêu thụ, số đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ các TK 111, 112, 331.

Có các TK 152, 153, 154, 155, 156 (giá trị khoản CKTM, GGHB của số hàng tồn kho chưa tiêu thụ trong kỳ)

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (giá trị khoản CKTM, GGHB của số hàng tồn kho đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá trị khoản CKTM, GGHB của số hàng tồn kho đã tiêu thụ trong kỳ).

(4) Sản phẩm, hàng hóa gửi bán đã xác định tiêu thụ, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 157 – Hàng gửi đi bán

(5) Nhập lại kho hoặc gửi lại kho của khách hàng số hàng hóa bị trả lại, ghi:

Nợ TK 156,157 – Trị giá hàng hóa nhập lại kho

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

(6) Cuối kỳ, khi phân bổ chi phí thu mua cho hàng hóa, kế toán ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 1562 – Chi phí mua hàng hóa

(7) Cuối kỳ, kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

2.6. KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

2.6.1 Khái niệm

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp và một số chi phí khác.

2.6.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng

theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tuỳ theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm các tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý ở doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

2.6.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ và TK 642 có 8 TK cấp 2:

- TK 6421: “Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp”
- TK 6422: “Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423: “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424: “Chi phí khấu hao TSCĐ”
- TK 6425: “Thuế, phí, lệ phí”
- TK 6426: “Chi phí dự phòng”
- TK 6427: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6428: “Chi phí bằng tiền khác”

- Nội dung kết cấu TK 642

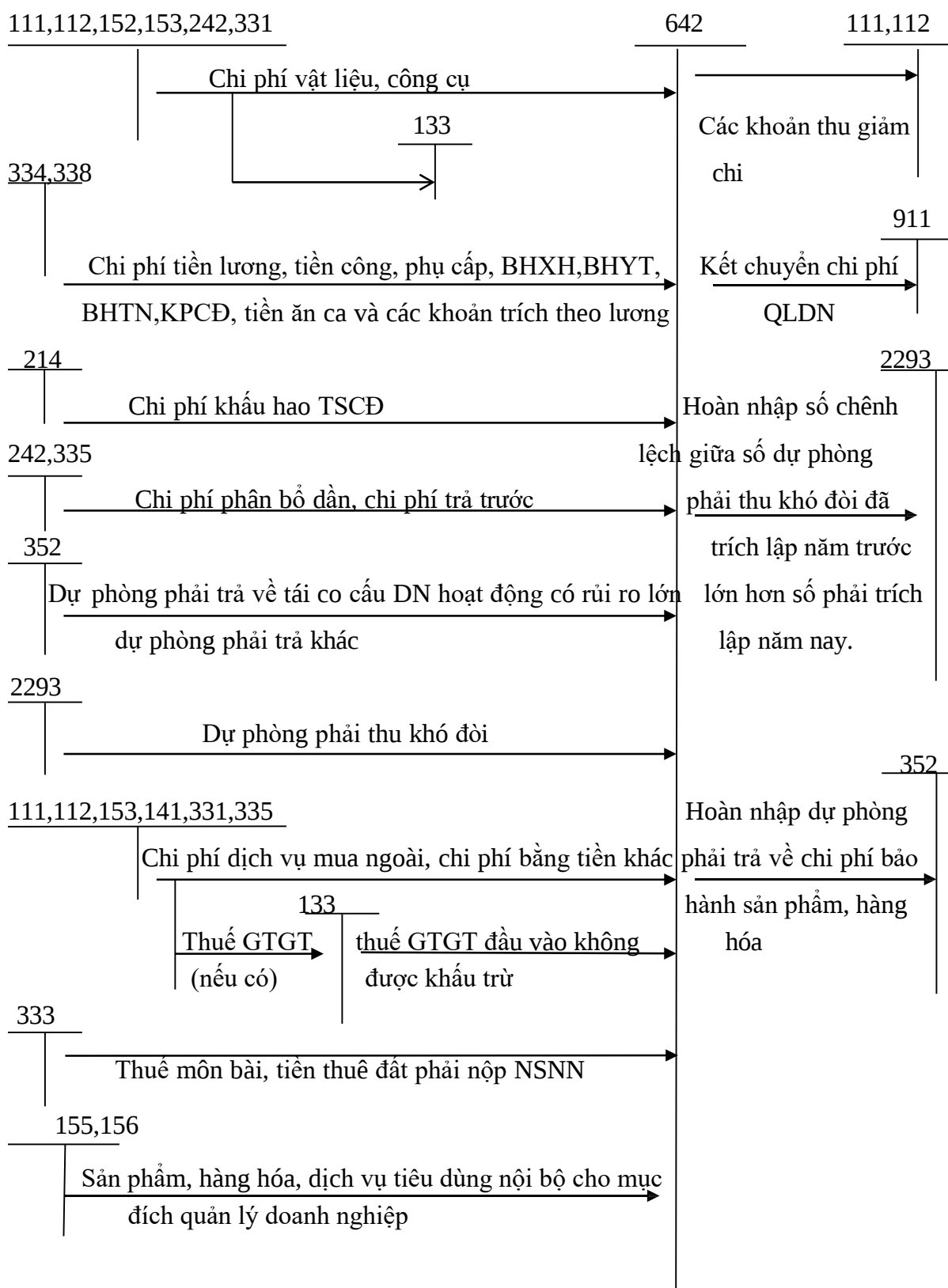
Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.	- Các khoản được ghi giảm CP QLDN. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí QLDN vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ		

2.6.4. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Sổ cái, sổ chi tiết TK 642

2.6.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 642

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.6.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

(1) Tính tiền lương và phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý

Nợ TK 642 – Chi phí QLDN (6421)

Có TK 334 – Phải trả công nhân viên

Có TK 338 – Các khoản trích theo lương

(2) Khấu hao TSCĐ ở bộ phận QLDN

Nợ TK 642 – Chi phí QLDN (6424)

Có TK 214 – Hao mòn TSCĐ

(3) Trị giá đồ dùng văn phòng xuất dùng hoặc mua sử dụng ngay tại bộ phận QLDN

Nợ TK 642 – Chi phí QLDN (6423)

Nợ TK 133 (nếu có) – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,131,153,331,242

(4) Thuế, phí, lệ phí phải nộp

Nợ TK 642 – Chi phí QLDN (6425)

Có TK 111,112

(5) Các chi phí để phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung toàn DN như: Chi phí tiếp tân, tiếp khách thuộc công tác phí, in ấn tài liệu,...

Nợ TK 642 – Chi phí QLDN (6428)

Nợ TK 133 (nếu có) – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,131

(6) Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng chung cho bộ phận QLDN như: điện, nước, điện thoại, tiền thuê nhà,...

Nợ TK 642 – Chi phí QLDN (6427)

Nợ TK 133 (nếu có) – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,131

(7) Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 642 – Chi phí QLDN

2.7. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

2.7.1. Khái niệm

- Là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính bao gồm:

- Chi phí tham gia quá trình liên doanh – liên kết các khoản lỗ do liên doanh
- Lỗ do đầu tư chứng khoán
- Lỗ do mua – bán ngoại tệ
- Giá trị BĐS đem bán trong hoạt động kinh doanh BĐS, chi phí phát sinh trong quá trình bán BĐS
- Khoản trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán

2.7.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái..

- Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

- Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

- Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x)

với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem quy định chi tiết tại phần hướng dẫn tài khoản 343 - Trái phiếu phát hành).

- Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.7.3. Tài khoản sử dụng

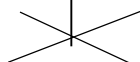
Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 635 “Chi phí tài chính” không có số dư cuối kỳ

Tài khoản sử dụng TK 635 “Chi phí tài chính”

- Nội dung kết cấu của TK 635:

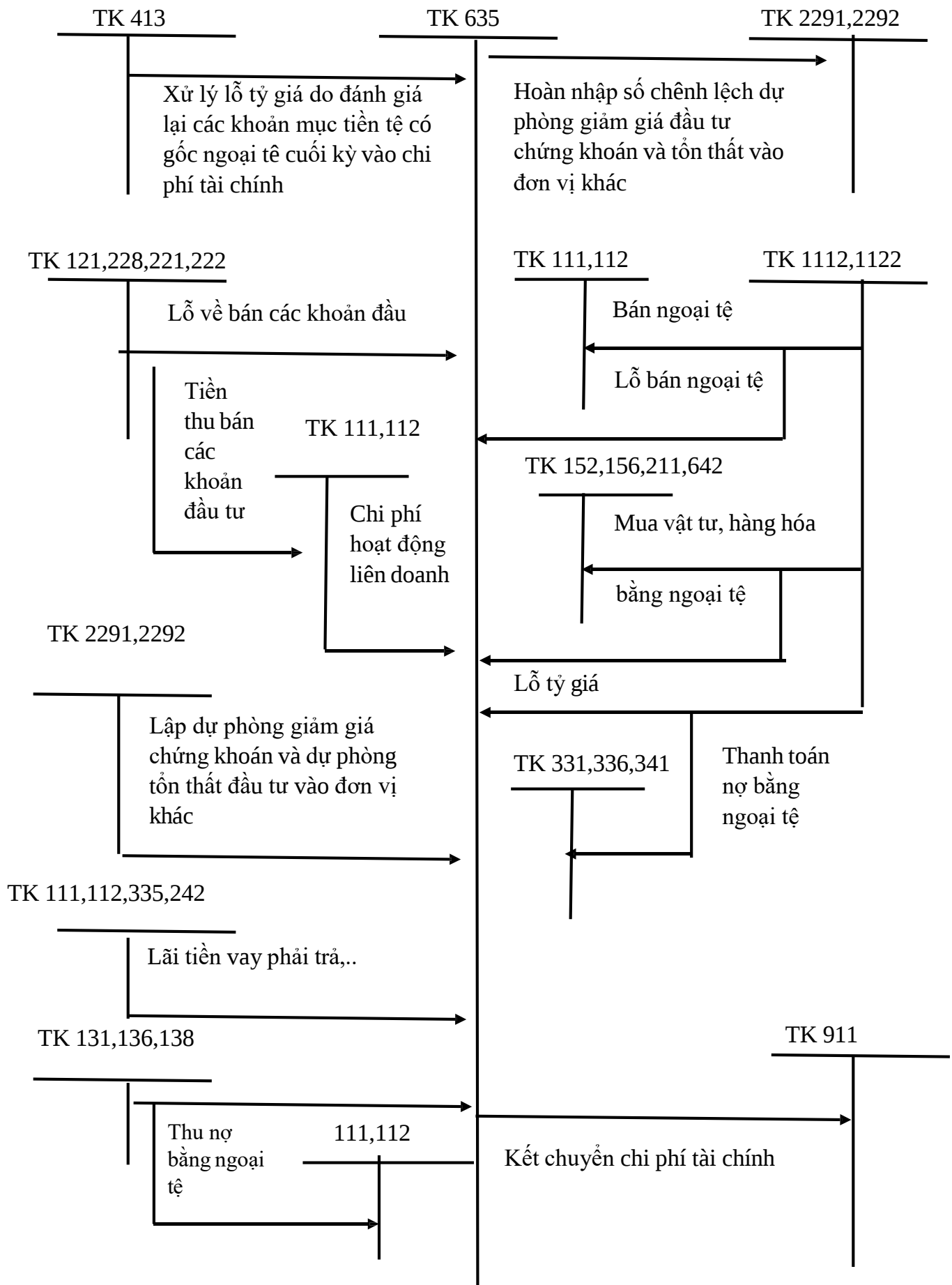
Nợ**TK 635****Có**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh bên Nợ	Tổng phát sinh bên Có
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ	

**2.7.4. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu tính lãi
- Giấy báo ngân hàng
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Sổ chi tiết, sổ cái TK 635

2.7.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.6. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 635

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.7.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

(1) Khi thu hồi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết nếu phát sinh lỗ

Nợ TK 111,112,131 – Khoản phải nhận về

Nợ TK 635 – Lỗ khi thanh lý khoản đầu tư

Có TK 222 – Đầu tư vào công ty liên kết

(2) Chi phí liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh như: Tiền lãi vay góp vốn, các chi phí khác phát sinh,...

Nợ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 133 (nếu có) – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112 – Chi phí thực tế phát sinh bằng tiền

(3) Lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Nợ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 229 – Dự phòng giảm giá đầu tư

(4) Chiết khấu thanh toán cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền mua hàng trong thời hạn được hưởng chiết khấu thanh toán

Nợ TK 111,112 – Số tiền thực tế nhận được

Nợ TK 635 – Chiết khấu cho khách hàng

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

(5) Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí hoạt động tài chính vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

2.8. KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC

2.8.1. Khái niệm

- Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên.

- Là những khoản thu góp nhằm tăng VCSH từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; các khoản tiền thưởng của khách

hàng; thu nhập do nhận tặng; biếu bằng tiền; các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị sót lại quyền ghi sổ kế toán, mới phát hiện ra năm nay, cuối năm kết chuyển chênh lệch giữa sổ đã tính trước và các khoản thực tế đã chi thuộc nội dung tính trước; các thu nhập khác.

2.8.2. Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự)
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Khi có khả năng chắc chắn thu được các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, kế toán phải xét bản chất của khoản tiền phạt để kế toán phù hợp với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc:

- Đối với bên bán: Tất cả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được từ bên mua nằm ngoài giá trị hợp đồng được ghi nhận là thu nhập khác.
- Đối với bên mua: Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán. Các khoản tiền phạt khác được ghi nhận là thu nhập khác trong kỳ phát sinh, ví dụ: Người mua được quyền từ chối nhận hàng và được phạt người bán nếu giao hàng không đúng thời hạn quy định trong hợp đồng thì khoản tiền phạt phải thu được ghi nhận là thu nhập khác khi chắc chắn thu được. Trường hợp người mua vẫn nhận hàng và số tiền phạt được giảm trừ vào số tiền phải thanh toán thì giá trị hàng mua được ghi nhận theo số thực phải thanh toán, kế toán không ghi nhận khoản tiền phạt vào thu nhập khác.

2.8.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 711 Thu nhập khác” không có số dư cuối kỳ

Tài khoản sử dụng TK 711 “Thu nhập khác”

- Nội dung kết cấu của TK 711

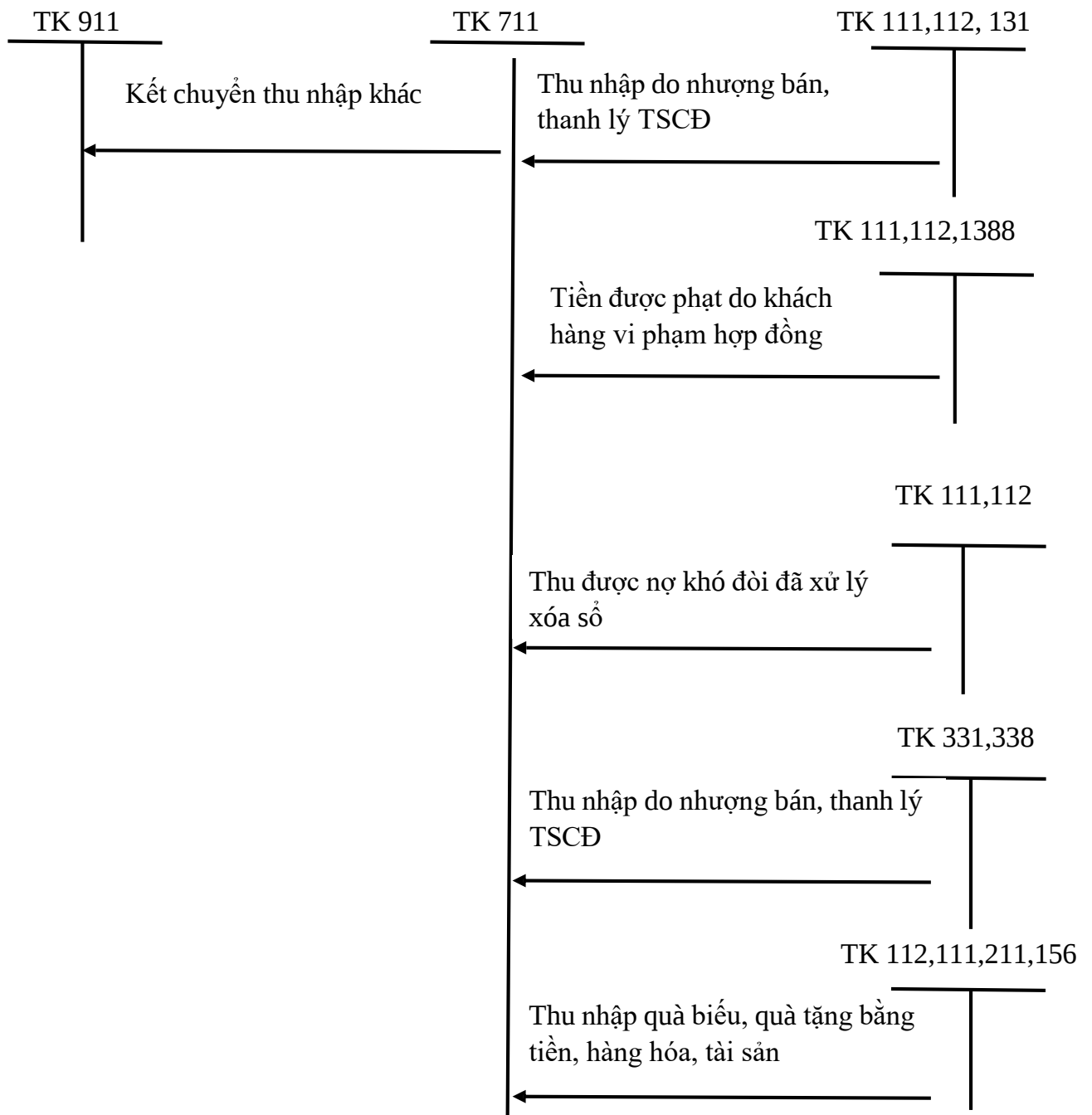
Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911: Xác định kết quả kinh doanh		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

2.8.4. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng

- Sổ chi tiết, sổ cái TK 711

2.8.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.7 Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 711

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.8.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

(1) Kế toán thu nhập khác phát sinh nhượng bán, thanh lý TSCĐ; đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 111,112,131 - Tổng thanh toán

Có TK 711 – Thu nhập khác (thu nhập chưa thuế)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

(2) Phản ánh các khoản tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,138 – Số tiền phạt

Có TK 711 – Thu nhập khác

(3) Khi truy thu các khoản nợ khó đòi nay đã xử lý xóa sổ, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112 – Thu hồi bằng tiền

Có TK 711 – Thu nhập khác

(4) TH được giảm thuế GTGT phải nộp, nếu số thuế GTGT tăng giảm trừ vào số thuế GTGT phải nộp được tính vào thu nhập khác trong kỳ

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 711 --Thu nhập khác

(5) Cuối kỳ, kế toán tính và phản ánh số thuế GTGT tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của số thu nhập khác, kế toán ghi:

Nợ TK 711 --Thu nhập khác

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

(6) Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh", kế toán ghi:

Nợ TK 711 – Thu nhập khác

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.9. CHI PHÍ KHÁC

2.9.1. Khái niệm

- Là các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

2.9.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp

2.9.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 811 “Chi phí khác” không có số dư cuối kỳ
Tài khoản sử dụng TK 811 “Chi phí khác”

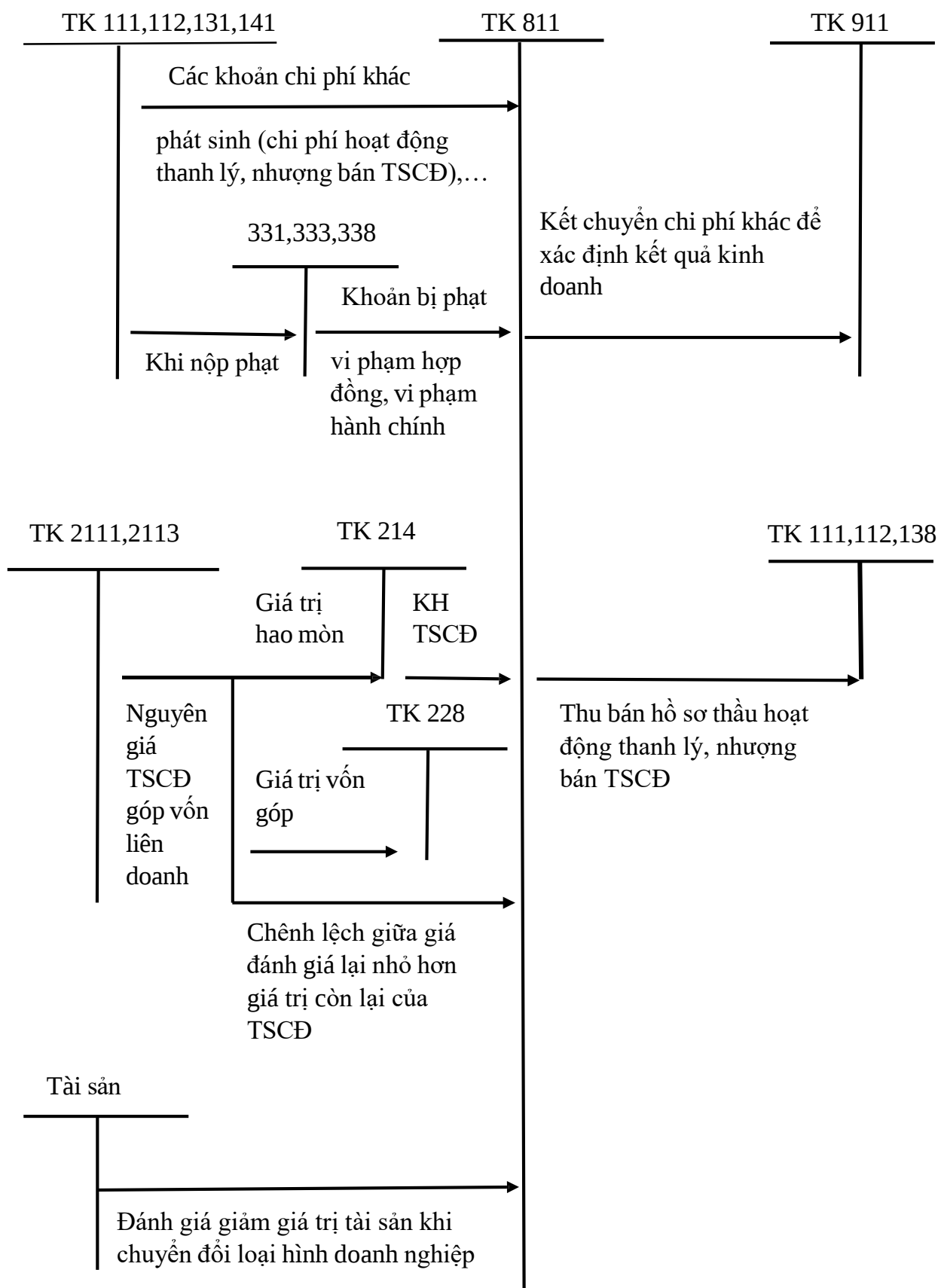
- **Nội dung kết cấu của TK 811**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có	
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

2.9.4. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ ngân hàng
- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ gốc khác có liên quan

2.9.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.8. Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 811

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.9.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

(1) Phản ánh chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ, ghi giảm TSCĐ dùng vào sản xuất kinh doanh đã nhượng bán, thanh lý, kế toán ghi

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá trị còn lại)

Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ

Có TK 211,213 – Nguyên giá TSCĐ

(2) Các khoản chi phí khác phát sinh cho hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 811 – Chi phí khác

Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112 – Tổng số tiền thanh toán

(3) Hạch toán các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính, kế toán ghi:

Nợ TK 811 – Chi phí khác

Có TK 111,112

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (3339)

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác

(4) Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 811 – Chi phí khác

2.10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

2.10.1. Khái niệm

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của mỗi kỳ.

Công thức tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	= Thu nhập chịu thuế	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
---	-----------------------------	----------	---

2.10.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:

- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Nguyên tắc kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số

thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm phát hiện sai sót.

- Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố theo quy định của Chuẩn mực kế toán – “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.
- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.
- Nguyên tắc kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định chi phí thuế thu nhập hoãn lại theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”.
- Kế toán không được phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
- Cuối kỳ, kế toán phải kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

2.10.3. Tài khoản sử dụng

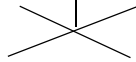
Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ, tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

Tài khoản sử dụng TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- TK 8211 – “Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- TK 8212 – “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

Nội dung kết cấu của TK 821

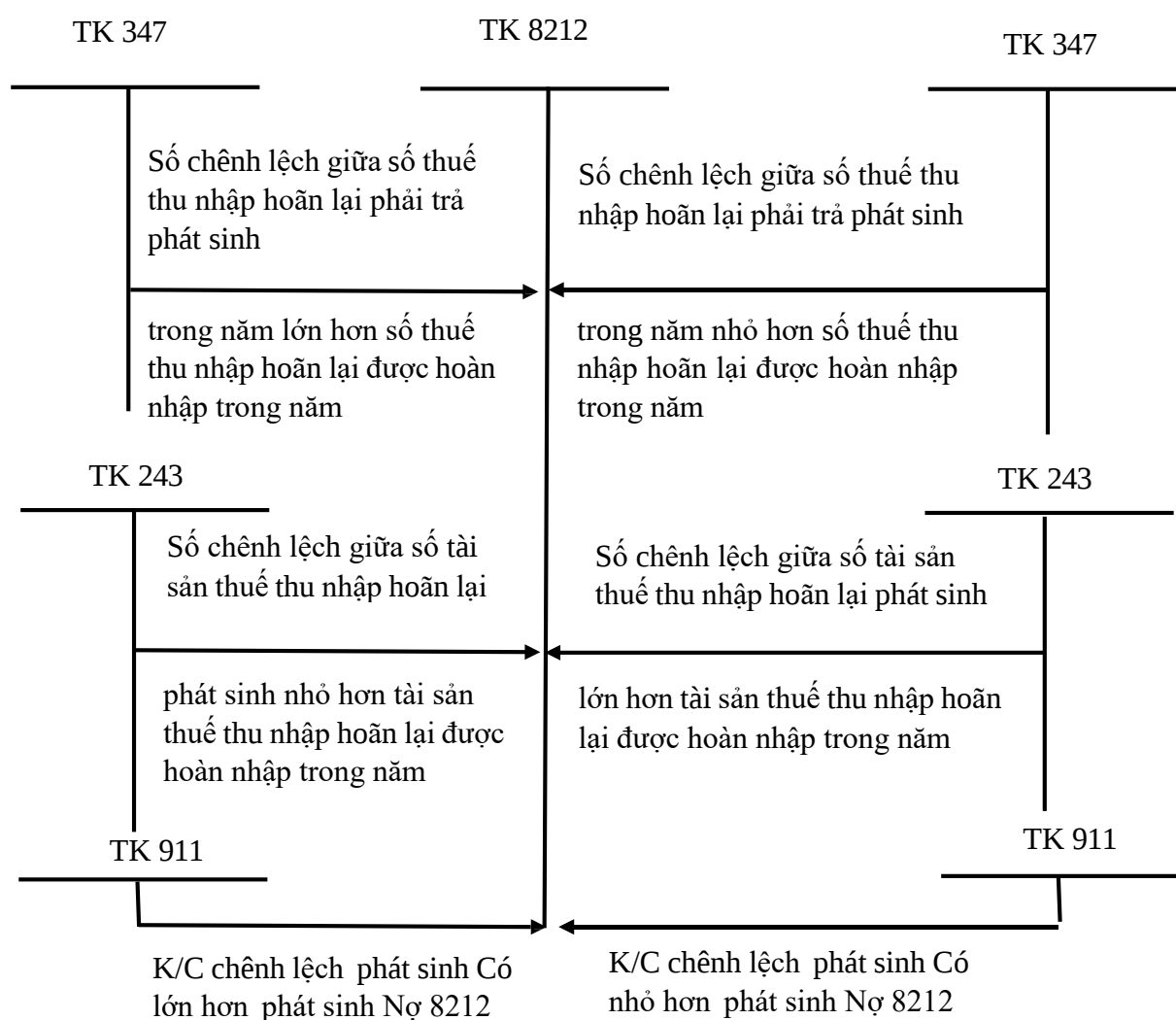
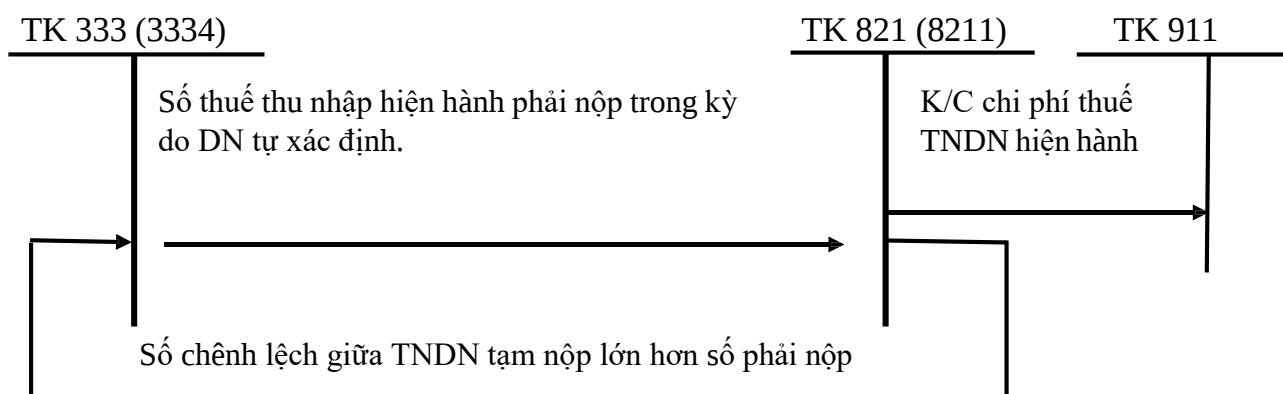
- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm phát sinh	- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập tạm thời phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại - Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh bên Nợ	Tổng phát sinh bên Có
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ	



2.10.4. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế TNDN
- Biên lai nộp thuế
- Giấy báo Nợ
- Hóa đơn đóng thuế của Kho bạc

2.10.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.9. Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 821

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.10.6. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

(1) Hàng quý khi tạm nộp thuế TNDN, kế toán ghi:

- Số thuế TNDN phải nộp, kế toán ghi:

Nợ TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334 – Thuế TNDN

- Khi nộp thuế TNDN, kế toán ghi:

Nợ TK 3334 – Thuế TNDN

Có TK 111,112 – Số tiền nộp thuế

(2) Cuối năm tài chính, căn cứ vào số thuế TNDN thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế hoặc số thuế do cơ quan thuế thông báo

- Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế TNDN tạm phải nộp, kế toán ghi:

Nợ TK 8211 – Thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334 – Thuế TNDN

- Khi nộp thuế TNDN vào ngân sách Nhà nước, kế toán ghi:

Nợ TK 3334 – Thuế TNDN

Có TK 111,112 – Số tiền phải nộp

- Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm nộp thì ghi giảm chi phí thuế TNDN

Nợ TK 3334 – Thuế TNDN

Có TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

(3) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành, kế toán ghi:

- Nếu TK 8211 có số phát sinh Nợ lớn hơn số phát sinh Có, kế toán ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

- Nếu TK 8211 có số phát sinh Nợ nhỏ hơn số phát sinh Có, kế toán ghi:

Nợ TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.11. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

2.11.1. Khái niệm

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.11.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.
- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

2.11.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

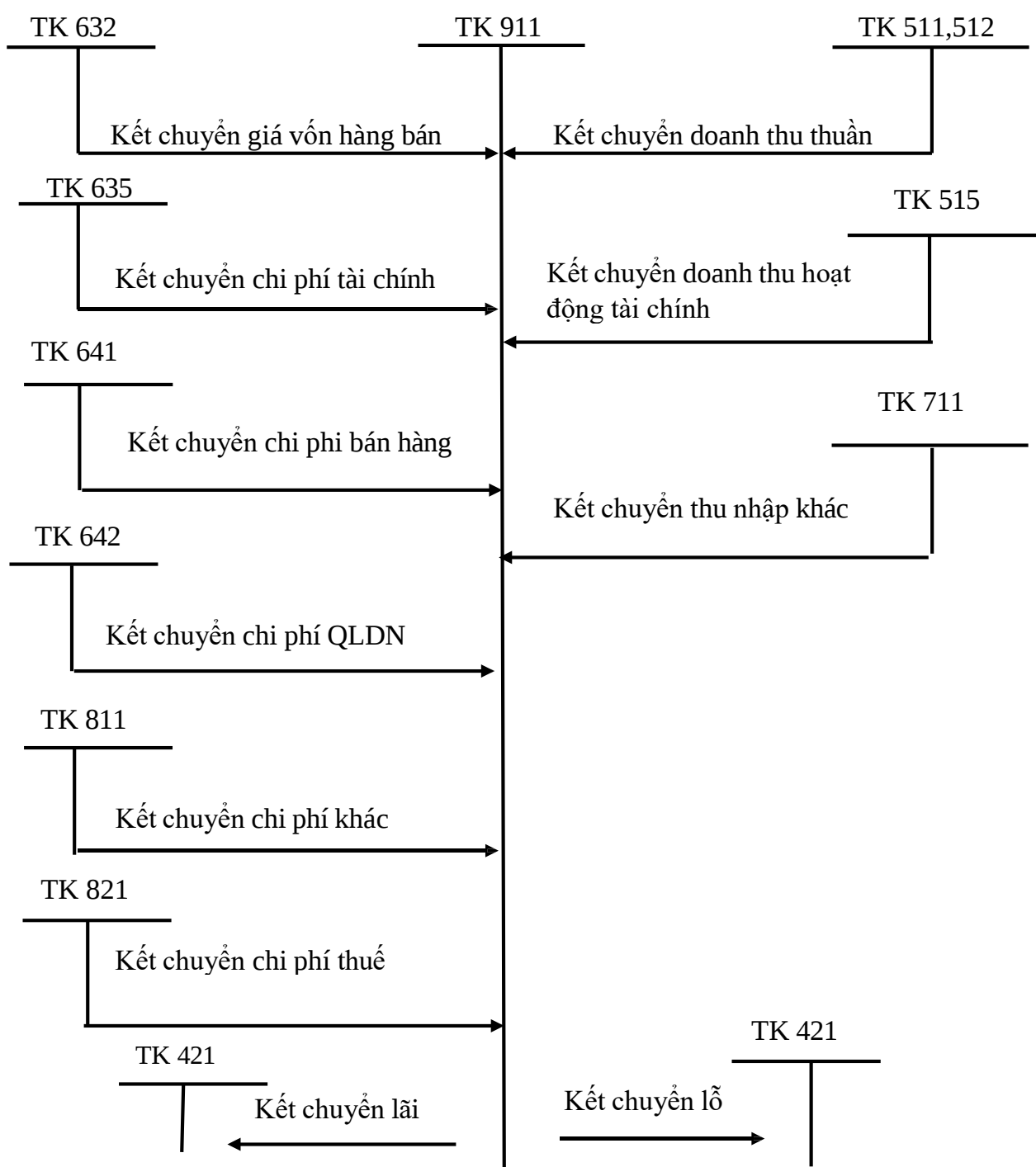
- Nội dung kết cấu TK 911

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ		

2.11.4. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng
- Bảng tính kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động khác
- Phiếu nhập – xuất – tồn
- Sổ chi tiết các tài khoản.
- Các giấy tờ khác có liên quan.
- Phiếu kết chuyển

2.11.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 911

(Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

2.11.6. Công thức xác định kết quả kinh doanh

- $\text{Doanh thu bán hàng thuần} = \text{Doanh thu bán hàng hóa} - (\text{CKTM} + \text{Hàng bán bị trả lại} + \text{Giảm giá hàng bán})$
- $\text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$
- $\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu tài chính} - \text{Các khoản chi phí} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$
- $\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$
- $\text{Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác}$
- $\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN} - \text{Chi phí thuế TNDN}$

2.11.7. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ

(1) Kết chuyển các khoản doanh thu thuần của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ bên ngoài, kế toán ghi

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

(2) Kết chuyển doanh thu hoạt động khác, kế toán ghi

Nợ TK 711 – Thu nhập khác

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

(3) Kết chuyển các khoản chi phí

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

- Kết chuyển chi phí bán hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 641 – Chi phí bán hàng

- Kết chuyển chi phí QLDN, kế toán ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 642 – Chi phí QLDN

- Kết chuyển chi phí khác, kế toán ghi

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 811 – Chi phí khác

- (4) Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, kế toán ghi:

- Số lãi trước thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận như sau:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

- Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận như sau:

Nợ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

- Trong chương 2 của đề tài em đã hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp trên các khía cạnh: khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trên phương diện kế toán tài chính và kế toán quản trị.
- Những cơ sở lý luận này là tiền đề để em đi sâu vào phân tích thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ và Đầu Tư Quốc Tế ở chương 3.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

3.1. KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

3.1.1. Doanh thu của công ty

- Công ty phát sinh các khoản doanh thu chủ yếu từ việc kinh doanh về dịch vụ viễn thông, in ấn, dịch vụ liên quan đến in, bên cạnh đó doanh thu công ty còn qua việc bán giấy in màu cho công ty khách hàng

3.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

3.1.3. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT: Gồm có 3 liên

- Liên 1: Lưu tại văn phòng
- Liên 2: Giao cho khách hàng để thanh toán
- Liên 3: Dùng để hạch toán và thanh toán

Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng hóa, công cụ dụng cụ

Hợp đồng kinh tế và các biên bản nghiệm thu

Phiếu thu, phiếu chi

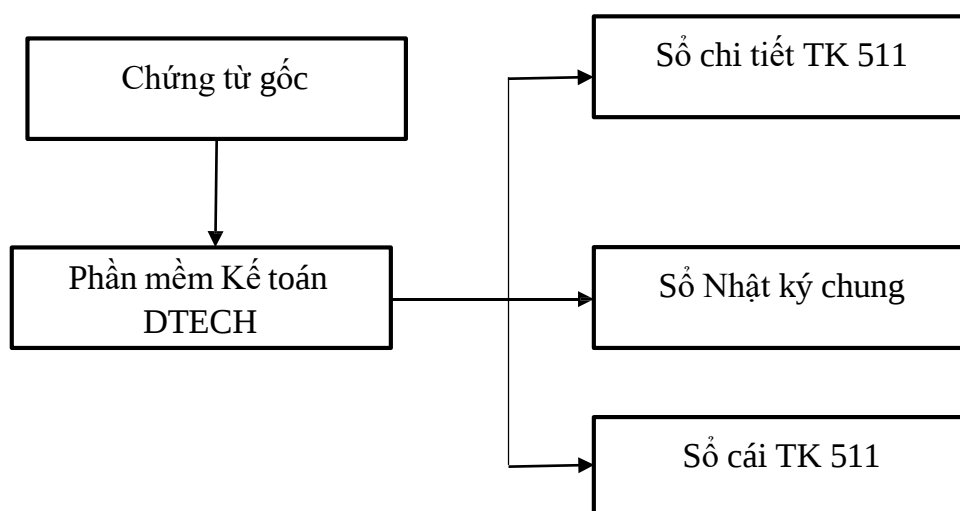
Giấy báo của Ngân hàng

Các chứng từ khác có liên quan

- Sổ sách sử dụng

- ❖ Sổ cái
- ❖ Sổ chi tiết

3.1.4. Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 511

3.1.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023

Nghiệp vụ 1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 100, ngày 03/10/2023 (chứng từ HD10/23-0001) bán dịch vụ hệ thống viễn thông cho Viễn thông Bà Rịa -Vũng Tàu, số tiền: 27.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VNPT	27.000.000 đồng
Có TK 5113	24.300.000 đồng
Có TK 33311	2.700.000 đồng

Nghiệp vụ 2: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 104, ngày 06/10/2023 (chứng từ HD10/23-0005) bán dịch vụ quay phim chụp hình cho Chi Nhánh Tổng Công Ty Trục Thăng Việt Nam - Công Ty TNHH Trục thăng Miền Nam, số tiền: 40.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311TRUETHANG	40.000.000 đồng
Có TK 5113	36.000.000 đồng
Có TK 33311	4.000.000 đồng

Nghiệp vụ 3: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 107, ngày 30/10/2023 (chứng từ HD10/23-0008) bán dịch vụ quay phim chụp hình cho Công Đoàn Cơ sở Liên doanh Việt - Nga VIETSOVPETRO, số tiền: 7.407.407 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1111CDLDVN	7.407.407 đồng
------------------	----------------

Có TK 5113 6.666.666 đồng

Có TK 33311 740.741 đồng

Nghiệp vụ 4: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 112, ngày 14/11/2023 (chứng từ HD11/23-0004) bán dịch vụ quay phim chụp hình cho Bộ Chỉ Huy Quân Sự Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, số tiền: 22.222.222 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311-0060 22.222.222 đồng

Có TK 5113 20.000.000 đồng

Có TK 33311 2.222.222 đồng

Nghiệp vụ 5: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 115, ngày 27/11/2023 (chứng từ HD11/23-0007) bán dịch vụ hệ thống viễn thông cho VIETTEL Bà Rịa Vũng Tàu-Chi nhánh Tập Đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, số tiền: 3.159.470 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VTBRVT 3.159.470 đồng

Có TK 5113 2.843.523 đồng

Có TK 33311 315.947 đồng

Nghiệp vụ 6: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 120, ngày 05/11/2023 (chứng từ HD12/23-0003) bán dịch vụ hệ thống viễn thông cho Viễn thông Bà Rịa -Vũng Tàu, số tiền: 156.487.500 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VNPT 156.487.500 đồng

Có TK 5113 140.838.750 đồng

Có TK 33311 15.648.750 đồng

Nghiệp vụ 7: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 124, ngày 19/12/2023 (chứng từ HD12/23-0007) bán dịch vụ quay phim chụp hình cho Liên Doanh Việt - Nga VIETSOVPETRO, số tiền: 349.194.000 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VIETSOV 349.194.000 đồng

Có TK 5113 314.274.600 đồng

Có TK 33311 34.919.400 đồng

Nghiệp vụ 8: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 127, ngày 25/12/2023 (chứng từ HD12/23-0010) bán dịch vụ hệ thống viễn thông cho TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN

VTQĐ (Viettel Networks), số tiền: 459.799.392 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VIETTEL	459.799.392 đồng
Có TK 5113	413.819.453 đồng
Có TK 33311	45.979.939 đồng

Nghiệp vụ 9: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 129, ngày 28/11/2023 (chứng từ HD12/23-0012) bán dịch vụ hệ thống viễn thông cho TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQĐ (Viettel Networks), số tiền: 220.017.720 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VIETTEL	220.017.720 đồng
Có TK 5113	198.015.948 đồng
Có TK 33311	22.001.772 đồng

Nghiệp vụ 10: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 133, ngày 29/12/2023 (chứng từ HD12/23-0007) bán dịch vụ quay phim chụp hình cho Liên Doanh Việt - Nga VIETSOVPETRO, số tiền: 6.380.000 đồng, thuế suất GTGT 10%. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1311VIETSOV	6.380.000 đồng
Có TK 5113	5.742.000 đồng
Có TK 33311	638.000 đồng

Trong kỳ không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế trong năm 2023 là: 8.273.125.806 đồng

Ngày 31/12/2023 kế toán kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 5113	8.273.125.806 đồng
Có TK 911	8.273.125.806 đồng

3.2. KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

3.2.1. Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư lãi tiền gửi và lãi suất áp dụng, lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận (nếu có).

3.2.2. Tài khoản sử dụng

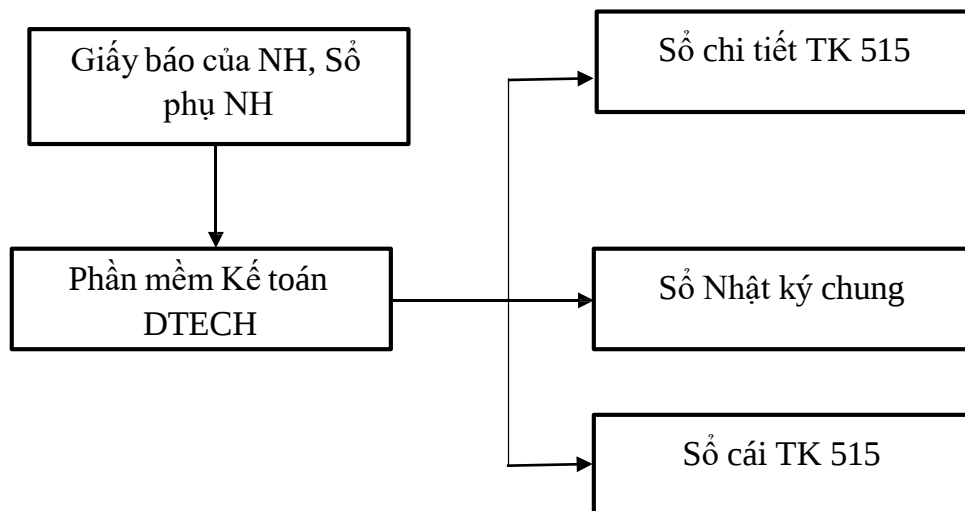
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

3.2.3. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Sổ phụ ngân hàng
- Sổ chi tiết TK 515
- Sổ cái TK 515
- Các chứng từ khác có liên quan

3.2.4. Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 3.2. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 515

3.2.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023

Nghiệp vụ 1: Ngày 25/10/2023 nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng theo chứng từ BC10/23-0005, số tiền là 9.305 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121	9.305 đồng
Có TK 515	9.305 đồng

Nghiệp vụ 2: Ngày 31/10/2023 nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng theo chứng từ BC10/23-0009, số tiền là 5.698 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121	5.698 đồng
Có TK 515	5.698 đồng

Nghiệp vụ 3: Ngày 25/11/2023 nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng theo chứng từ BC11/23-0006, số tiền là 6.587 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121	6.587 đồng
Có TK 515	6.587 đồng

Nghiệp vụ 4: Ngày 30/11/2023 nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng theo chứng từ BC11/23-0007, số tiền là 3.675 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121	3.675 đồng
Có TK 515	3.675 đồng

Nghiệp vụ 5: Ngày 30/12/2023 nhận lãi nhập vốn từ ngân hàng theo chứng từ BC12/23-0012, số tiền là 4.295 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121	4.295 đồng
Có TK 515	4.295 đồng

Nghiệp vụ 6: Ngày 31/12/2023 nhận lãi nhập vốn từ ngân hàng theo chứng từ BC12/23-0013, số tiền là 4.215 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121	4.215 đồng
Có TK 515	4.215 đồng

- Tổng doanh thu hoạt động tài chính của công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế trong năm 2023 là: 199.720 đồng

Ngày 31/12/2023 kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh, số hiệu chứng từ PKKQ2312-0001

Nợ TK 515	199.720 đồng
Có TK 911	199.720 đồng

3.3. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

3.3.1. Giá vốn hàng bán của công ty

- Khi sản phẩm đã xác định tiêu thụ, bên cạnh việc ghi nhận doanh thu thì kế toán cũng phản ánh giá vốn hàng bán
- Giá vốn là chi phí thực tế tập hợp trên toàn bộ trên tài khoản 154 - kết chuyển sang tài khoản 632 (chi phí vật tư, nhân công, vật tư phụ, chi phí sản xuất của từng công trình khi vào kế toán tách ngay từ đầu và tập hợp vào tài khoản 154).
- Dựa vào hóa đơn chứng từ, kế toán phân bổ và hạch toán trên tài khoản 154. Cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

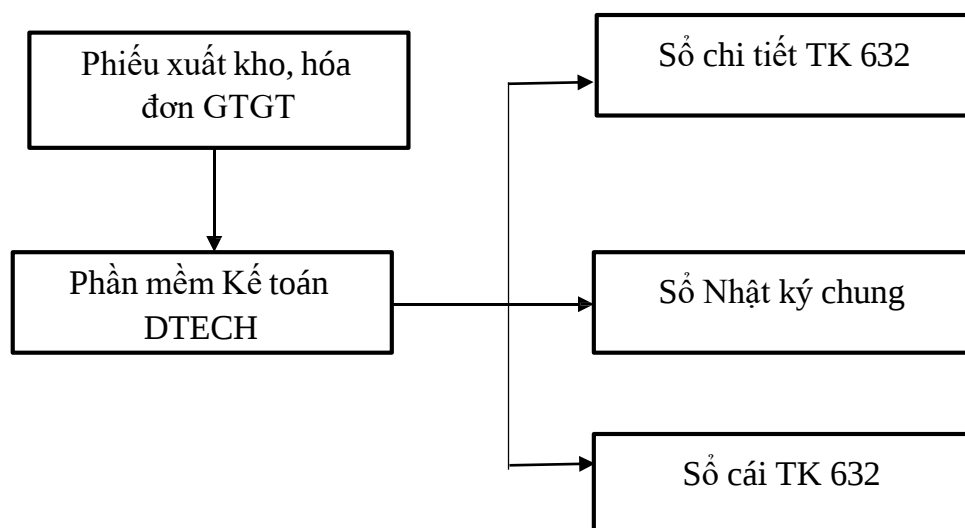
3.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

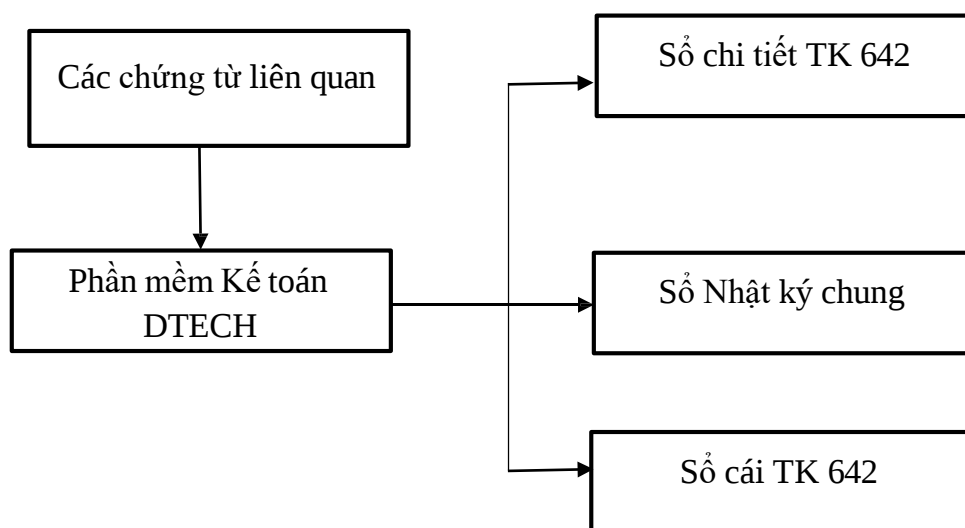
3.3.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 632

3.3.4. Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 3.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 632



Sơ đồ 3.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 642

3.4.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023

❖ Định khoản Chi phí nhân viên quản lý – TK 6421

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/10/2023, tính lương cho nhân viên văn phòng tháng 10 theo chứng từ PK10/23-0008, số tiền: 25.958.676 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6421 25.958.676 đồng

Có TK 3341 25.958.676 đồng

Nghiệp vụ 2: Ngày 31/10/2023, tính lương cho nhân viên văn phòng tháng 11 theo chứng từ PK11/23-0005, số tiền: 21.444.324 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6421 21.444.324 đồng

Có TK 3341 21.444.324 đồng

Nghiệp vụ 3: Ngày 31/10/2023, tính lương cho nhân viên văn phòng tháng 12 theo chứng từ PK12/23-0012, số tiền: 83.973.380 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6421 83.973.380 đồng

Có TK 3341 83.973.380 đồng

❖ Định khoản Chi phí vật liệu quản lý – TK 6422

Nghiệp vụ 4: Ngày 03/10/2023, căn cứ vào chứng từ PC10/23-0001 công ty chi tiền mặt mua xăng theo HĐ 00001243, số tiền 925.855 đồng, thuế suất GTGT 10%, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6422	925.855 đồng
Nợ TK 1331	92.586 đồng
Có TK 1111	1.018.441 đồng

Nghiệp vụ 5: Ngày 18/11/2023, căn cứ vào chứng từ PC11/23-0001, công ty chi tiền mặt mua xăng theo HĐ 00001526, số tiền 919.809 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6422	919.809 đồng
Nợ TK 1331	91.981 đồng
Có TK 1111	1.011.790 đồng

Nghiệp vụ 6: Ngày 25/12/2023, căn cứ vào chứng từ PC12/23-0006, công ty chi tiền mặt mua xăng theo HĐ 00010463, số tiền 1.437.382 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6422	1.437.382 đồng
Nợ TK 1331	143.738 đồng
Có TK 1111	1.581.120 đồng

❖ **Định khoản Chi phí đồ dùng văn phòng – TK 6423**

Nghiệp vụ 7: Ngày 31/10/2023, phân bổ chi phí máy in HP LaserJet, theo chứng từ PBCP10/23-0001, số tiền 85.581 đồng, kế toán hạch toán

Nợ TK 6423	85.581 đồng
Có TK 242	85.581 đồng

Nghiệp vụ 8: Ngày 31/10/2023, phân bổ chi phí lốp xe ô tô Michelin, theo chứng từ PBCP11/23-0001, số tiền 85.581 đồng, kế toán hạch toán

Nợ TK 6423	212.126 đồng
Có TK 242	212.126 đồng

Nghiệp vụ 9: Ngày 07/12/2023, chi tiền mua đồ dùng văn phòng theo hóa đơn 2838 và chứng từ PC12/23-0002 với số tiền là 1.274.537 đồng, thuế suất GTGT 8%. Kế toán hạch toán:

Nợ TK 6423	1.274.537 đồng
Nợ TK 1331	101.963 đồng
Có TK 1111	1.376.500 đồng

❖ **Định khoản Chi phí khấu hao TSCĐ –TK 6424**

Nghiệp vụ 10: Ngày 31/10/2023, trích khấu hao TSCĐ ô tô Ford Everest 1996c, theo chứng từ PK10/23-0002, số tiền 13.891.951 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6424	13.891.951 đồng
Có TK 2141	13.891.951 đồng

Nghiệp vụ 11: Ngày 31/11/2023, trích khấu hao TSCĐ máy quay phim creative pro ILME-FX3, theo số HĐ 2924 và chứng từ KH11/23-0001, số tiền 437.500 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6424	437.500 đồng
Có TK 2141	437.500 đồng

Nghiệp vụ 12: Ngày 31/12/2023, trích khấu hao TSCĐ Ống kính máy ảnh SEL2470GM2/QSYX, theo chứng từ KH12/23-0001, số tiền 399.306 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6424	399.306 đồng
Có TK 2141	399.306 đồng

Định khoản Chi phí dịch vụ mua ngoài – TK 6427

Nghiệp vụ 14: Ngày 25/10/2023, chi phí tiếp khách theo HĐ 64444, chứng từ PC10/23-0005, số tiền 2.850.630 đồng, thuế suất GTGT 10%, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6427	2.850.630 đồng
Nợ TK 1331	228.050 đồng

Có TK 1111 3.078.680 đồng

Nghiệp vụ 15: Ngày 16/11/2023, chi phí tiếp khách theo HĐ 1267, chứng từ PC11/23-0005, số tiền 4.212.963 đồng, thuế suất GTGT 8%, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6427 4.212.963 đồng

Nợ TK 1331 337.037 đồng

Có TK 1111 4.550.000 đồng

- Tổng chi phí QLDN của công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế trong năm 2023 là: 898.177.279 đồng

Ngày 31/12/2023 kế toán kết chuyển chi phí QLDN sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh, số hiệu chứng từ PKKQ2312-0001

Nợ TK 911 898.177.279 đồng

Có TK 6421 427.289.490 đồng

Có TK 6422 29.559.705 đồng

Có TK 6423 18.076.463 đồng

Có TK 6424 169.066.876 đồng

Có TK 6425 2.000.000 đồng

Có TK 6427 252.184.745 đồng

3.5. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

3.5.1. Chi phí hoạt động tài chính tại công ty

- Nội dung chi phí hoạt động tài chính tại công ty là nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí lãi vay tín dụng.

3.5.2. Tài khoản sử dụng

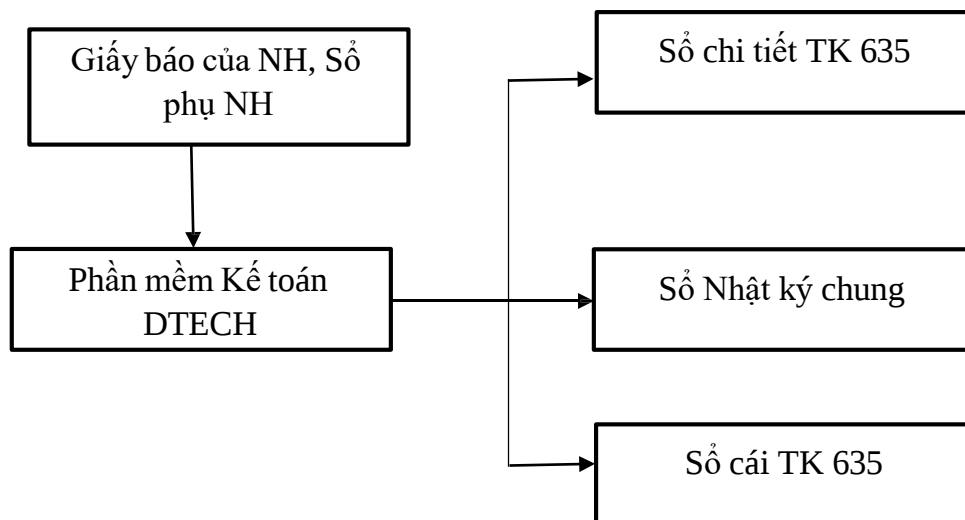
Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

3.5.3. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ của NH, sổ phụ ngân hàng
- Hợp đồng tín dụng
- Thông báo lãi suất tín dụng của ngân hàng

- Sổ chi tiết TK 635 năm 2023
- Sổ cái TK 635 năm 2023

3.5.4. Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 3.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 635

3.5.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023

Nghiệp vụ 1: Ngày 26/10/2023, nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng thanh toán nợ gốc TKV 1024233106 theo chứng từ BN10/23-0007, số tiền 4.276.899 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6351 4.276.899 đồng

Có TK 1121 4.276.899 đồng

Nghiệp vụ 2: Ngày 27/11/2023, nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng thanh toán nợ gốc TKV 1024233106 theo chứng từ BN11/23-0008, số tiền 4.174.236 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6351 4.174.236 đồng

Có TK 1121 4.174.236 đồng

Nghiệp vụ 3: Ngày 26/12/2023, nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng thanh toán lãi tiền vay TKV 1024233106 theo chứng từ BN12/23-0012, số tiền 555.572 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6351 555.572 đồng

Có TK 1121 555.572 đồng

Nghiệp vụ 4: Ngày 28/12/2023, nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng Thanh toán nợ gốc TKV 1024233106 theo chứng từ BN12/23-0013, số tiền 2.944.573 đồng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 6351 2.944.573 đồng

Có TK 1121 2.944.573 đồng

- Tổng chi phí hoạt động tài chính của công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế trong năm 2023 là: 56.920.547 đồng

Ngày 31/12/2023 kế toán kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh, số hiệu chứng từ PKKQ2312-0001

Nợ TK 911 56.920.547 đồng

Có TK 635 56.920.547 đồng

3.6. CHI PHÍ KHÁC

3.6.1. Khái niệm

Chi phí khác là những khoản thu mà DN không dự tính trước được hoặc có dự tính trước nhưng ít có khả năng thực hiện. Thu nhập khác của DN khác bao gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, các khoản thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng.

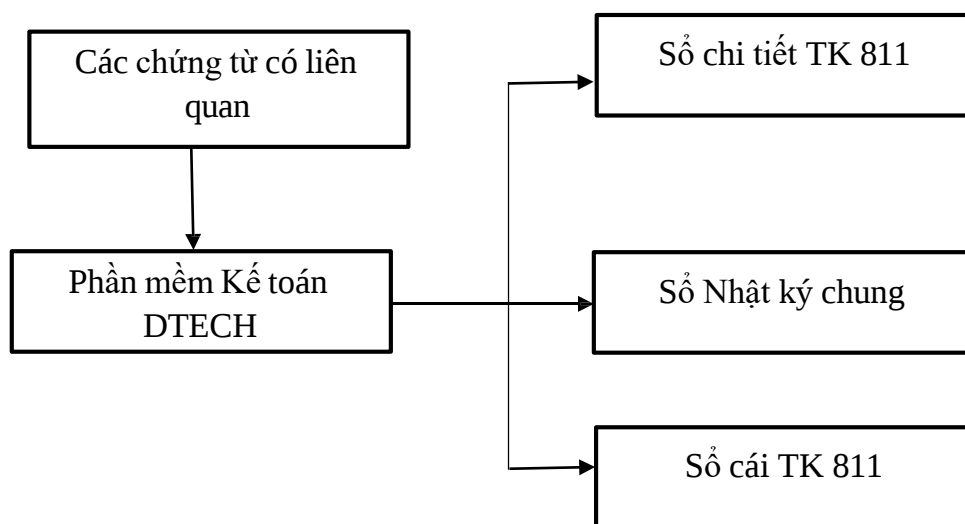
3.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811: Chi phí khác

3.6.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Sổ cái tài khoản 811
- Sổ chi tiết tài khoản 811
- Các chứng từ có liên quan

3.6.4. Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 3.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ TK 811

3.6.5. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023

Nghiệp vụ 1: Ngày 11/04/2023, căn cứ vào số hiệu chứng từ PC04/23-0003 ghi nhận chi phí khác do chi tiền mua văn phòng phẩm (giấy PaperOne A4 70gsm, Giấy A5 Excel 70 Gsm, ...)

Nợ TK 8118 2.500.000 đồng

Có TK 1121 2.500.000 đồng

Nghiệp vụ 2: Ngày 23/05/2023, căn cứ vào số hiệu chứng từ PC04/23-0003 ghi nhận chi phí khác do chi tiền Chi tiền mua Bánh, kẹo, nước tiếp khách CÔNG TY TNHH Sản Xuất Thương Mại Thực Phẩm Bắc Hà số hóa đơn 1779

Nợ TK 8118 2.000.000 đồng

Có TK 1121 2.000.000 đồng

- Tổng chi phí khác của công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế trong năm 2023 là: 4.500.099 đồng

Ngày 31/12/2023 kế toán kết chuyển chi phí khác sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh, số hiệu chứng từ PKKQ2312-0001

Nợ TK 911 4.500.099 đồng

Có TK 811 4.500.099 đồng

3.7. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỎ DANG

3.7.1. Khái niệm

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí trực tiếp (như nguyên liệu, nhân công trực tiếp) và chi phí gián tiếp (chi phí sản xuất chung) đã bỏ ra cho các sản phẩm, công việc, hoặc dịch vụ nhưng chưa hoàn thành hoặc chưa được bàn giao trong kỳ.

3.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

3.7.3. Chứng từ sử dụng

- Sổ cái tài khoản 154
- Sổ chi tiết tài khoản 154
- Các chứng từ có liên quan

3.7.4. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại công ty trong năm 2023

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/12/2023, căn cứ vào chứng từ KCPB2312-0001, kế toán kết chuyển đích danh 62 sang 154, kế toán ghi:

Nợ TK 621	72.952.931 đồng
Nợ TK 622	485.469.000 đồng
Nợ TK 627	5.952.951.258 đồng
Có TK 154	6.511.373.189 đồng

Nghiệp vụ 2: Ngày 31/12/2023, căn cứ vào chứng từ KCPB2312-0002, kế toán kết chuyển đích danh 154 đích danh sang 632, kế toán ghi:

Nợ TK 632	6.511.373.189 đồng
Có TK 154	6.511.373.189 đồng

- Tổng giá chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế trong năm 2023 là: 6.511.373.189 đồng

Ngày 31/12/2023 kế toán kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang sang tài khoản 632 để tính giá vốn hàng bán, số hiệu chứng từ PKKQ2312-0002

Nợ TK 632	6.511.373.189 đồng
Có TK 154	6.511.373.189 đồng

3.8. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- Căn cứ vào tất cả doanh thu và chi phí trong kỳ đã được tổng kết trên sổ cái, sổ chi tiết, tiến hành kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính vào bên Có của tài khoản 911 và những chi phí giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ của tài khoản 911. Phần mềm sẽ tiến hành xác định kết quả kinh doanh, sau đó được xuất ra file cứng kế toán đóng thành cuốn và lưu lại kho tài liệu

3.8.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

3.8.3. Chứng từ sử dụng

- Sổ cái TK 911
- Sổ chi tiết TK 911

3.8.4. Kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh

- DT bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511): 8.273.125.806 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515): 199.720 đồng
- Giá vốn hàng bán (TK 632): 6.511.373.189 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642): 898.177.279 đồng
- Chi phí hoạt động tài chính (TK 635): 56.920.547 đồng
- Chi phí khác (TK 811): 4.500.099 đồng

Nghiệp vụ 1: Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 511	8.273.125.806 đồng
Có TK 911	8.273.125.806 đồng

Nghiệp vụ 2: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.

Nợ TK 515	199.720 đồng
Có TK 911	199.720 đồng

Nghiệp vụ 3: Kết chuyển giá vốn hàng bán.

Nợ TK 911	6.511.373.189 đồng
Có TK 632	6.511.373.189 đồng

Nghiệp vụ 4: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.

898.177.279 đồng

898.177.279 đồng

Nghiệp vụ 5: Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.

56.920.547 đồng

56.920.547 đồng

Nghệp vụ 6: Kết chuyển chi phí khác.

4.500.099 đồng

4.500.099 đồng

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần = Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ

$$= 8.273.125.806 - 0 = 8.273.125.806 \text{ đồng}$$

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

$$= 8.273.125.806 - 6.511.373.189 = 1.761.752.617 \text{ đồng}$$

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$= 199.720 - 56.920.547 = (56.720.827) \text{ đồng}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần} = (\text{Lợi nhuận gộp} + \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính}) - (\text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí QLDN})$$

$$= 1.761.752.617 + 199.720 - 56.920.547 - 0 + 898.177.279 = 806.854.511 \text{ đồng}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$= 0 - 4.500.099 = (4.500.099) \text{ đồng}$$

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$= 806.854.511 + (4.500.099) = 802.354.412 \text{ đồng}$$

Thuế TNDN phải nộp tạm tính theo quy định hiện hành là 20%. Mức thuế TNDN phải nộp:

$$= 802.354.412 \times 20\% = 161.370.902 \text{ đồng}$$

Nghiệp vụ 7: Kế toán hạch toán thuế TNDN phải nộp :

161.370.902 đồng

161.370.902 đồng

Nghiệp vụ 8: Kết chuyển tiền thuế TNDN phải nộp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 161.370.902 đồng

Có TK 821 161.370.902 đồng

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế TNDN phải nộp

= 802.354.412 - 161.370.902 = 640.983.510 đồng

Nghiệp vụ 8: Ngày 31/12/2023, kế toán tiến hành kết chuyển lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp trong

Nợ TK 911 640.983.510 đồng

Có TK 4212 640.983.510 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.273.125.806	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.273.125.806	
4. Giá vốn hàng bán	11		6.511.373.189	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.761.752.617	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		199.720	
7. Chi phí tài chính	22		56.920.547	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		56.920.547	
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		898.177.279	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		806.854.511	

11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		4.500.099	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(4.500.099)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		802.354.412	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		161.370.902	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		640.983.510	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			
Lợi nhuận sau thuế kết chuyển			640.983.510	

Lập ngày....tháng....năm....

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Quang Tuấn

Bảng 3.2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế)

3.9. PHÂN TÍCH TỔNG QUÁT CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2022/2021		NĂM 2023/2022	
				+/-	%	+/-	%
Doanh thu bán hàng	4.364.040.292	4.406.351.703	8.273.125.806	42.311.411	1%	3.866.774.103	88%
Giá vốn hàng bán	3.244.126.446	3.310.531.930	6.511.373.189	66.405.484	2%	3.200.841.259	97%
Lợi nhuận gộp	1.119.913.846	1.095.819.773	1.761.752.617	(24.094.073)	(2%)	665.932.844	61%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.080.035	9.892.997	199.720	7.812.962	376%	(9.693.277)	(98%)
Chi phí tài chính	7.680.000	54.307.908	56.920.547	46.627.908	607%	2.612.639	5%
Chi phí bán hàng	-	191.000.000	-	96.000.000	101%	32.000.000	(100%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	744.798.144	600.632.285	898.177.279	(144.165.859)	(19%)	297.544.994	50%
Lợi nhuận thuần	369.515.737	259.772.577	806.854.511	(109.743.160)	(30%)	547.081.934	211%
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	6.500.000	12.018.314	4.500.099	5.518.314	85%	(7.518.215)	(63%)
Lợi nhuận khác	(6.500.000)	(12.018.314)	(4.500.099)	(5.518.314)	85%	7.518.215	(63%)
Lợi nhuận trước thuế	363.015.737	247.754.263	802.354.412	(115.261.474)	(32%)	554.600.149	224%
Lợi nhuận sau thuế	289.112.590	195.014.748	640.983.510	(94.097.842)	(33%)	445.968.762	229%

Bảng 3.2. Bảng so sánh số liệu 2021, 2022 và năm 2023

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế)

❖ Nhận xét

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty trong năm 2023 có thể nắm được hiệu quả hoạt động kinh doanh, trình độ quản lý cũng như khả năng tồn tại và phát triển của công ty

- Doanh thu bán hàng tăng năm 2022 tăng nhẹ so với năm 2021, chỉ tăng 1% (tương ứng 42 triệu đồng), nhưng tới năm 2023 tăng trưởng vượt bậc so với năm 2022, đạt 88% (tương ứng 3.866 tỷ đồng). Điều này cho thấy công ty đã đạt được bước tiến lớn trong việc mở rộng quy mô hoặc cải thiện doanh số trong năm 2023.

.- Giá vốn hàng bán: Giá vốn tăng tăng 2% vào năm 2022 so với 2021 (66 triệu đồng). Năm 2023, giá vốn tăng mạnh 97% so với 2022, cho thấy chi phí sản xuất hoặc mua hàng hóa tăng đáng kể, có thể do sự gia tăng quy mô kinh doanh hoặc biến động giá nguyên liệu

.- Lợi nhuận gộp lợi giảm nhẹ 2% so với năm 2021 (24 triệu đồng). Năm 2023, lợi nhuận gộp tăng 61% so với năm 2022 (666 triệu đồng), phản ánh hiệu quả kinh doanh được cải thiện dù chi phí giá vốn tăng mạnh.

- Doanh thu hoạt động tài chính: doanh thu từ hoạt động tài chính Tăng mạnh 376% vào năm 2022 so với 2021 (7,8 triệu đồng), năm 2023, giảm đáng kể 98% (9,6 triệu đồng), có thể do công ty giảm phụ thuộc vào các nguồn thu tài chính hoặc thay đổi chiến lược đầu tư.

- Chi phí tài chính trong năm 2022, chi phí tài chính tăng đột biến 607% (46,6 triệu đồng), có thể do công ty vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh và năm 2023, chi phí tài chính chỉ tăng 5% (2,6 triệu đồng), cho thấy công ty đã kiểm soát tốt hơn chi phí vay nợ hoặc chi phí liên quan.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Có xu hướng giảm 19% vào năm 2022 nhưng tăng 50% vào năm 2023 (297 triệu đồng), có thể do công ty tuyển dụng nhân sự hoặc triển khai các dự án lớn.

- Lợi nhuận thuần: Năm 2022 giảm 30% so với 2021 (109 triệu đồng), chủ yếu do chi phí tài chính tăng cao, năm 2023 tăng vượt trội 211% (547 triệu đồng), phản ánh sự phục hồi và cải thiện rõ rệt trong hoạt động kinh doanh.

- Lợi nhuận trước thuế: giảm 32% vào năm 2022 nhưng tăng 224% vào năm 2023 (554 triệu đồng), và lợi nhuận sau thuế cũng có sự chuyển biến tích cực tương tự, tăng 229% trong năm 2023 (445 triệu đồng), cho thấy hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện mạnh mẽ.

Thuận lợi:

- Có sự tăng trưởng doanh thu, doanh thu bán hàng năm 2023, doanh thu bán hàng tăng 88% so với năm 2022, chứng tỏ công ty đã mở rộng quy mô hoạt động và khai thác tốt thị trường, nhờ đó cải thiện được vị thế kinh doanh.
- Lợi nhuận gộp tăng 61% và lợi nhuận thuần tăng vượt trội 211% vào năm 2023 so với năm trước. Điều này phản ánh sự cải thiện về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lợi nhuận trước thuế tăng 224%, lợi nhuận sau thuế tăng 229% trong năm 2023, khẳng định sự ổn định và bền vững của dòng lợi nhuận, đồng thời gia tăng năng lực tài chính của công ty.
- Chi phí tài chính trong năm 2023 chỉ tăng 5%, cho thấy công ty đã quản lý tốt hơn các khoản vay nợ hoặc lãi vay so với mức tăng đột biến năm 2022.

Khó khăn:

- Giá vốn hàng bán tăng 97% trong năm 2023, gần như ngang bằng với mức tăng doanh thu (88%). Điều này cho thấy chi phí đầu vào hoặc sản xuất tăng cao, có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận nếu không được kiểm soát tốt.
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng cao: Chi phí bán hàng tăng 17% trong năm 2023, đòi hỏi công ty phải đánh giá lại chiến lược tiếp thị và phân phối.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 50%, có thể là do việc mở rộng bộ máy quản lý hoặc đầu tư cho các dự án mới, nhưng điều này cũng gây áp lực lớn lên lợi nhuận.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 31% trong , điều này tạo áp lực lớn lên lợi nhuận dù doanh thu giảm không nhiều
- Doanh thu hoạt động tài chính suy giảm năm 2023, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm tới 98%, cho thấy sự suy giảm hiệu quả từ các khoản đầu tư

hoặc các nguồn thu tài chính khác. Điều này có thể gây khó khăn nếu công ty phụ thuộc quá lớn vào các nguồn tài chính bổ sung.

- Thu nhập khác không phát sinh trong năm 2023, trong khi chi phí khác vẫn tồn tại ở mức 4,5 triệu đồng. Đây là yếu tố cần xem xét để tối ưu hóa tài chính.

Phương hướng phát triển:

- Công ty cần phải kiểm soát giá vốn hàng bán, xem xét chuỗi cung ứng, đàm phán với nhà cung cấp hoặc tìm cách tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm giá vốn.
- Tăng cường doanh thu tài chính đa dạng hóa nguồn doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính để bù đắp giảm sút từ hoạt động tài chính
- Công ty nâng cao hiệu suất kinh doanh và xem xét lại chiến lược kinh doanh để duy trì mức doanh thu ổn định trong khi kiểm soát tốt chi phí, nhằm cải thiện lợi nhuận gộp.
- Đầu tư vào các giải pháp công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện quy trình và giảm chi phí vận hành.
- Tăng cường năng lực sản xuất và phân phối: Với doanh thu tăng mạnh, công ty nên tập trung vào phát triển quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.
- Đào tạo và nâng cao chất lượng nhân sự quản lý nhằm đảm bảo việc vận hành hiệu quả khi mở rộng quy mô kinh doanh.

Nhận xét: Qua bảng phân tích tình hình tài chính theo bảng số liệu cho thấy Công ty có sự tăng trưởng đột phá trong năm 2023 sau một năm 2022 đầy khó khăn. Các yếu tố nổi bật trong năm 2023 bao gồm:

- Doanh thu bán hàng tăng trưởng vượt bậc.
- Lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế tăng cao.
- Chi phí tài chính được kiểm soát tốt hơn, giúp cải thiện lợi nhuận thuần.

Tuy nhiên, công ty cần tiếp tục quản lý tốt chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Qua việc tìm hiểu về công ty ở chương 3, em đã trình bày được một phần về thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế Quý IV năm 2023 em nhận thấy rằng về cách thức ghi nhận các nghiệp vụ kế toán cũng như về cách hạch toán doanh thu và các chi phí có liên quan hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh và theo quy định. Với các minh họa thực tế đầy đủ, dựa trên cơ sở kiến thức về kế toán tiêu thụ đã làm rõ được thực trạng của công ty, từ đó đã xác định được lãi lỗ của công ty trong Quý IV năm 2023.

Từ những phân tích về thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh ở trên, chương 4 em sẽ trình bày đóng góp ý kiến của mình để giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác kế toán tại công ty.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

4.1. NHẬN XÉT

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ của Nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, rập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

Bên cạnh đó, công ty cũng hoàn thiện và phát triển hơn về mọi mặt trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh nói chung cũng như công tác kế toán nói riêng. Cùng sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong công ty, tập thể phòng kế toán không ngừng trau dồi và nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ của mình trở thành công cụ đắc lực trong công tác kế toán công ty, giúp Ban Tổng giám đốc có những quyết định và chiến lược kinh doanh kịp thời, hợp lý, hiệu quả

4.1.1. Ưu điểm

Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý hạch toán và kế toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường góp phần chủ động trong sản xuất kinh doanh, công tác kiểm tra cứng từ kế toán đúng yêu cầu, đảm bảo số lượng hạch toán, có căn cứ pháp lý, tránh sai lệch các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Về công tác quản lý

Công ty có hệ thống lắp đặt đầy đủ hệ thống thực hiện tốt các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy cho hệ thống kho phòng ngừa nguy cơ cháy nổ xảy ra dẫn đến mất mát, gây trì trệ cho quá trình sản xuất của công ty.

Đối với việc kiểm soát hàng hóa, dịch vụ, nguyên vật liệu: công ty thường xuyên tiến hành kiểm kê định kỳ nhằm đảm bảo về mặt số lượng cũng như chất lượng của từng loại lưu trữ trong kho, phát hiện các sai phạm, chênh lệch không khớp với số liệu trên sổ kế toán và có biện pháp xử lý kịp thời tránh hư hỏng, thất thoát trong quá trình lưu kho.

Về chứng từ kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ, sổ sách theo đúng chuẩn mực kế toán. Chứng từ được tổ chức một cách hợp lý, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được phân loại và sắp xếp có hệ thống thuận tiện cho việc kiểm tra và quản lý.

Bên cạnh việc sử dụng các chứng từ theo đúng chuẩn mực kế toán và áp theo đúng thông tư 200 của Bộ tài chính công ty cũng sử dụng một số chứng từ nội bộ khác để phù hợp và thuận tiện cho công tác quản lý các nghiệp vụ thực tế phát sinh tại công ty. Các mẫu chứng từ nội bộ mà công ty sử dụng.

Giấy đề nghị thanh toán: là những khoản chi phí hợp lý phát sinh trong mua vật liệu phục vụ văn phòng: đây là yêu cầu cung cấp công ty được nhân viên kiểm định và yêu cầu thanh toán. Giấy yêu cầu vật liệu phục vụ cho công việc của từng văn phòng do nhân viên chuyên trách trong văn phòng đó gửi lên từ đây kế toán sẽ thực hiện xuất kho cho từng văn phòng ; theo yêu cầu được gửi lên.

Giấy đi đường bản thanh toán công tác phí: giúp công khai lộ trình đi công tác của nhân viên trong công ty và từ đây có thể dựa vào để thanh toán công tác phí.

Công ty áp dụng hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”, có thể nói đây là hình thức đơn giản dễ sử dụng, dễ đối chiếu và kiểm tra phù hợp với loại hình sản xuất. Các chứng từ được cập nhật kịp thời, sổ sách được ghi chép rõ ràng thuận lợi cho việc quản lý.

Công tác lưu trữ, sắp xếp chứng từ của công ty được xây dựng rất khoa học, các chứng từ được sắp xếp theo thứ tự ghi sổ trong cùng một ngày, tùy vào mức độ phát sinh nhiều hay ít các nghiệp vụ kinh tế mà chứng từ được lưu lại văn phòng – phòng kế toán thường thì từ 3-6 tháng các chứng từ phát sinh trước thời gian đó sẽ được lưu trữ trong kho có kệ phân loại theo từ loại chứng từ và từng năm tài chính thuận tiện cho việc kiểm tra cũng như tìm kiếm.

Bộ máy quản lý: Gồm nhiều phòng ban chịu trách nhiệm về những mảng công việc khác nhau đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả thêm vào đó bộ máy quản lý với những nhân viên giỏi, giàu kinh nghiệm quản lý, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc.

- Thường xuyên theo dõi tiến độ công việc, kiểm tra chất lượng của các công việc trong mỗi bộ phận, phát hiện và khắc phục kịp thời những sai sót cũng như sự cố xảy ra trong từng bộ phận từ đó đảm bảo được hiệu suất công việc cao nhất.

Về mô hình kế toán: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, tất cả các nhân viên kế toán làm việc tập trung tại phòng tài chính, việc làm này giúp cho việc tổng hợp thông tin nhanh chóng và kịp thời, giúp cho công tác quản lý kế toán được tốt hơn.

Về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn theo hoạt động của công ty.
- Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề quan trọng mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ nhằm tránh lãng phí. Vì vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.
- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty đã đáp ứng hoàn toàn yêu cầu của Ban Tổng giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty

4.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác quản lý cũng như công tác kế toán, nếu trên công ty vẫn còn tồn tại một số những hạn chế làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Về công tác hạch toán và lưu trữ chứng từ:

Đối với các nghiệp vụ nhập xuất nguyên vật liệu, thông thường kế toán sẽ căn cứ vào nội dung trong phiếu nhập kho và phiếu xuất kho để hạch toán. Mà vậy lập phiếu lại do bộ phận kho thực hiện. Điều này làm có thể dẫn đến hạch nên sai sót và khi phát hiện, sửa chữa sẽ gặp khó khăn.

Là công ty có số lượng nghiệp vụ hạch toán cũng như số lượng chứng từ sản lưu trữ lớn, nhưng lại không có bộ phận kiểm soát nội bộ để kiểm soát quy trình và công việc kế toán nhằm hạn chế sai sót.

Việc lưu trữ chứng từ trong công ty còn nhiều bất cập đó là kho lưu trữ với không gian và diện tích quá nhỏ so với lượng chứng từ cần lưu trữ, điều này làm ảnh hưởng tới việc tìm kiếm cũng như kiểm tra chứng từ khi cần.

Về bộ máy quản lý:

Tuy bộ máy quản lý được phân chia cụ thể cho từng phòng ban, song là công ty có nhiều chi nhánh và phòng làm việc ở các vị trí địa lý khác nhau. Nên việc truyền thông tin qua mail và điện thoại gây khó khăn cho việc nhận thông tin kịp thời cũng như mất thời gian để các phòng ban có thể thống nhất công việc. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ của công việc trong công ty.

Về sổ sách, chứng từ kế toán:

Chứng từ sau khi xử lý và ghi nhận được chuyển về lại công ty cùng với sổ sách hoàn thiện quá trình di dời nhiều lần nên tồn tại rủi ro thất thoát lúc vận chuyển. Công ty không lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý gây khó khăn cho việc ra quyết định của ban lãnh đạo.

Về công tác kế toán doanh thu:

Vì công ty mới thành lập nên chưa có nhiều chiến lược, chính sách để quảng cáo hình ảnh công ty.

4.2. GIẢI PHÁP VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước và cả nước ngoài thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy các doanh nghiệp rất cần thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, về cơ bản em nhận thấy công ty đã tuân thủ theo đúng chế độ của nhà nước và phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay. Tuy nhiên, công ty vẫn còn một số vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý và chưa thật sự tối ưu. Với góc độ là một sinh viên thực tập em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

4.2.1. Giải pháp 1: Hoàn thiện công tác sắp xếp và lưu trữ chứng từ.

Chứng từ ghi sổ nên sắp xếp và lưu trữ theo ngày nếu có sự trùng lặp các ngày thì xếp theo số thứ tự. Điều này thuận tiện cho việc tìm kiếm chứng từ cũng như kiểm tra khi có sai sót xảy ra.

Hóa đơn GTGT thì được đánh số liên tục khi xuất ra nên khi sắp xếp và lưu trữ sẽ được xếp theo ngày tháng, nếu cùng xuất nhiều hóa đơn trong cùng một ngày thì sẽ được sắp xếp xếp theo số thứ tự, tránh tình trạng thiếu hoặc mất

Các chứng từ được đưa vào lưu trữ phải kiểm tra đủ, mỗi loại chứng từ thường đi kèm với các chứng từ liên quan khác như hợp đồng, biên bản kiểm tra... tránh trường hợp thiếu, sót sẽ ảnh hưởng khi có kiểm tra như kiểm toán hoặc trình duyệt khi tham gia đấu thầu.

Chứng từ khi đóng cuốn và lưu trữ chứng từ phải có bảng kê đính kèm bên ngoài để thuận tiện cho kiểm tra cũng như tìm kiếm chứng từ khi cần thiết.

Các loại chứng từ khi đóng cuốn lưu ngoài cần phải ghi rõ tên loại chứng từ, số cuốn phát sinh trong tháng, nên chọn màu sắc trang bìa để phân biệt dễ dàng.

Các chứng từ khi chuyển từ trên phòng kế toán xuống kho phải kiểm tra về mặt số lượng theo như bảng kê đính kèm. Ngoài ra còn phải được xếp vào kệ có đánh tên và vị trí theo số năm và tên của từng loại chứng từ thuận tiện cho việc kiểm tra, xác nhận, hay tìm kiếm phục vụ cho các hoạt động của công ty khi cần.

Đối với nhà kho lưu trữ chứng từ, phải có đủ không gian và điều kiện thuận lợi như khô thoáng, rộng rãi bố trí các kệ để xếp chứng từ tránh bị mục nát hoặc hỏng từ khi lưu trữ trong thời gian dài, phải để khoảng cách các kệ chứng từ có lối đi thuận tiện để dễ dàng cho nhân viên vào kiểm tra hoặc tìm chứng từ khi cần thiết

4.2.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện về bộ máy hoạt động.

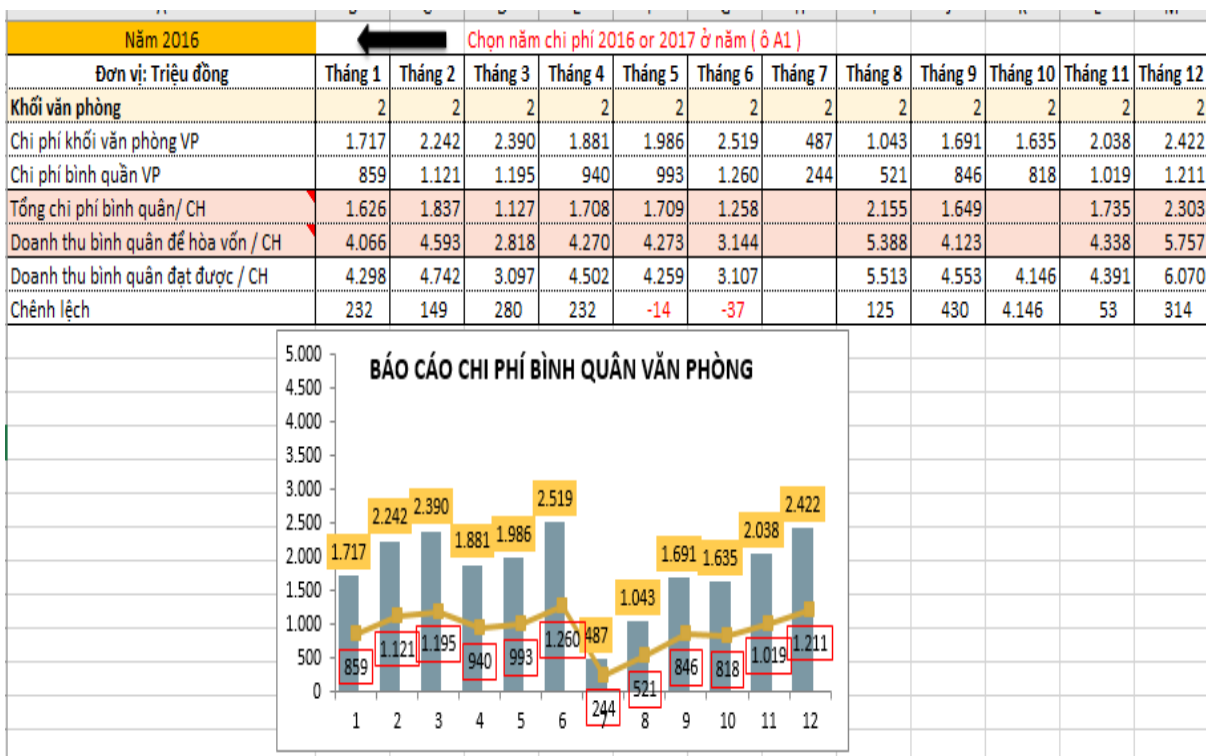
Thực hiện mô hình kết hợp

- + Xây dựng bộ máy kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính nhưng vẫn đảm bảo có sự phân công rõ ràng và tách biệt, tránh bị quá tải công việc trong việc cung cấp thông tin giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Như vậy với mô hình như trên sẽ giúp công ty tiết kiệm chi phí, tận dụng tối đa nguồn lực.
- + Công ty có thể vận dụng kế toán quản trị trong việc lập các báo cáo hoạt động kinh doanh. Phân tích, so sánh các kết quả thực tế so với dự toán để tìm ra nguyên nhân, đồng thời hỗ trợ việc ra quyết định thực hiện việc phân tích đánh giá biến động thực tế tình hình hoạt động công ty và hỗ trợ Ban giám đốc đưa ra quyết định.

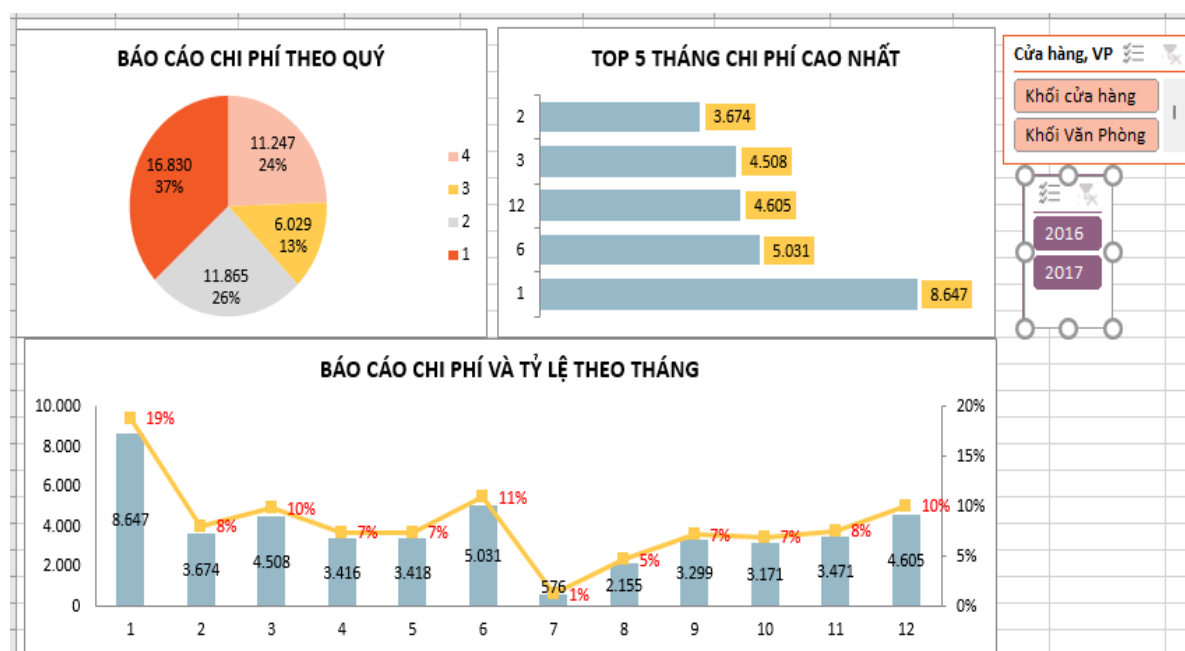
❖ Một số mẫu báo cáo.

Quý		Năm		Tháng	
1	2	2016	2017	1	2
3	4			3	4
Sum of Chi phí		Column Labels			
Chi phí (đơn vị : triệu đồng)		Số tiền		Tổng chi phí	
Chi Phí dịch vụ mua ngoài		692,35		7.345,22	
Chi phí kiểm định hàng hóa		2,37		200,19	
Công tác phí và tiếp khách		1.262,57		2.751,82	
Lương và thưởng		3.038,70		14.299,60	
Chi phí công cụ, dụng cụ		1.358,99		7.364,22	
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng		1.090,46		9.867,07	
Chi phí vận chuyển				843,76	
Chi phí điện, nước, điện thoại, Internet...		186,76		1.022,48	
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì				243,25	
Chi phí Marketing		966,87		1.604,20	
Chi phí khấu hao TSCĐ		0,56		428,36	
Tổng chi phí		8.599,64		45.970,16	

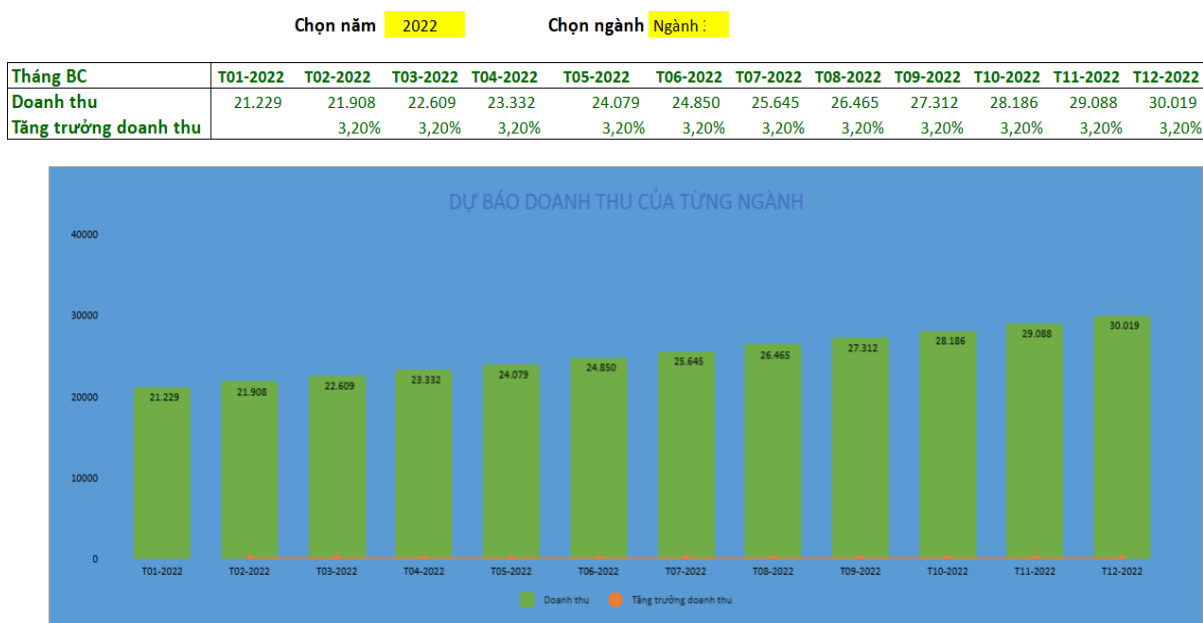
Hình 4.1. Mẫu báo cáo chi phí theo năm.



Hình 4.2. Mẫu báo cáo chi phí bình quân theo năm.



Hình 4.3. Mẫu báo cáo chi phí theo tháng – quý.



Hình 4.4. Mẫu báo cáo quản trị doanh thu theo từng tháng

4.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và chi phí.

➤ Về công tác kế toán doanh thu

- Công ty nên tìm hiểu kỹ hơn về khách hàng, về các hợp đồng kinh tế với khách hàng để giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng nợ quá hạn, nợ không thu hồi.
- Ban giám đốc phải vạch ra các chiến lược lâu dài có tính khả thi cao nhằm thúc đẩy nhanh quá trình thanh toán, thu hút thêm nhiều khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn.

+ Đưa ra một số phương án về các khoản chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm. Hoặc các khoản giảm giá hàng bán, thanh toán nhiều lần để thu hút thêm nhiều khách hàng.

+ Lập dự toán doanh thu chi tiết theo từng công trình dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ trước, điều kiện nền kinh tế, các hợp đồng kinh tế, các thay đổi về chính sách, cơ cấu sản phẩm,...để giúp nhà quản trị dự kiến doanh thu và có thể ước tính được các khoản doanh thu trả ngay hay trả chậm với từng khách hàng đồng thời có định hướng chỉ đạo để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Lập dự toán kết quả hoạt động kinh doanh để cung cấp số liệu phục vụ cho việc so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở so sánh giữa thực tế với dự toán, doanh nghiệp phát hiện những tồn tại, những khả năng tiềm tàng chưa được khai thác trong quá trình kinh doanh. Từ đó, có những biện pháp tích cực phát huy những điểm mạnh, tìm ra nguyên nhân và khắc phục những tồn tại để hướng mọi hoạt động của doanh nghiệp tới hiệu quả mong muốn.

+ Kế toán phải thường xuyên cung cấp thêm các công cụ quản lý cho ban lãnh đạo (hàng tháng hoặc hàng quý) thông qua hệ thống các báo cáo quản trị như: Báo cáo quản trị doanh thu, báo cáo quản trị lợi nhuận, báo cáo quản trị dòng tiền, báo cáo xác định điểm hòa vốn.

+ Phân tích, so sánh các kết quả thực tế so với các dự toán đã đưa ra để theo dõi và tìm ra nguyên nhân về biến động đó, đồng thời hỗ trợ việc ra quyết định thực hiện việc phân tích đánh giá biến động thực tế tình hình hoạt động Công ty và đưa ra những chiến lược kinh doanh tốt hơn nhằm tăng doanh thu.

➤ Về công tác quản trị chi phí

Công ty cần tập trung đưa ra các giải pháp về quản trị chi phí để thúc đẩy việc tăng lợi nhuận

+ Tiến hành phân loại chi phí thành định phí và biến phí để lập dự toán chi phí. Cụ thể như: Tài sản cố định, chi phí thuê xe, thuê văn phòng, chi phí máy móc, lương nhân viên,.. là những định phí. Còn một số chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động như: Chi phí nguyên vật liệu, nhân công, sửa chữa máy móc, chi phí ăn uống, các chi phí bằng tiền khác là những biến phí.

- + Căn cứ vào các nguồn thu về bản hàng và cung cấp dịch vụ. Hàng tháng, hàng quý, tiến hành lập dự toán xây dựng công trình, dự toán sử dụng nguyên vật liệu, dự toán tiền,...
- + Công ty thiết kế chi phí chi tiết khối quản lý để theo dõi chi phí một cách rõ ràng và cụ thể hơn. Mỗi dự án sẽ được sử dụng mức chi phí dựa theo % doanh thu dự kiến của dự án đó. Quản lý của từng dự án sẽ là người chịu trách nhiệm về các khoản chi phí phát sinh để làm sao các chi phí phát sinh trong cả quá trình hoạt động không vượt quá định mức cho phép.
- + Áp dụng phương pháp xây dựng định mức chi phí tiêu chuẩn dựa trên nhu cầu hoạt động thực tế của DN và các định mức thực tế của những kỳ trước đã xây dựng, dựa trên điều kiện kinh tế, đặc điểm sản xuất kỹ thuật và quy trình công nghệ sản xuất thực tế của DN để xây dựng định mức chuẩn cho kỳ này.
- + Kế toán cần theo dõi chặt chẽ và cẩn thận hơn đối với các khoản phải thu khó đòi và đưa ra các phương án dự phòng các khoản thu khó đòi.

4.2.4. Giải pháp 4: Tuyển thêm nhân sự kế toán để chuyên trách theo dõi về các nghiệp vụ công ty phát sinh.

- Để kiểm soát số liệu đòi hỏi kế toán viên phải có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn tốt thì mới kiểm soát được vì kế toán không tác động và kiểm soát được quá trình thực hiện mà chỉ có thể kiểm tra được kết quả thực hiện công tác kế toán xác định kết quả sản xuất kinh doanh do phần mềm thực hiện.
- Hiện nay, do số lượng nhân viên kế toán còn ít nên một người thường đảm nhận hai hoặc ba công việc. Hơn nữa, trong quá trình công tác vì một số lý do nào đó nên nhân viên phải tạm nghỉ trong một thời gian, người thay thế sẽ phải bắt đầu tìm hiểu lại những công việc mà nhân viên đó đảm nhận. Điều đó có thể làm cho khối lượng công việc tăng lên với những người còn lại. Việc luân chuyển công việc sang vị trí khác đôi khi gây khó khăn cho cả người đến và người đi vì chưa chuẩn bị kỹ về việc bàn giao công việc nên không thể không có sai sót.

4.3. Những kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế.

- Qua những gì em được thực hành, quan sát và nhận thấy rằng công tác kế toán nói riêng và cơ cấu tổ chức công ty nói chung đều có những ưu điểm nhất định phù hợp với điều kiện hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên bên cạnh ưu vẫn xuất hiện một vài

nhược điểm đã nêu trên, cần được công ty xem xét và khắc phục để giúp hoàn thiện hơn công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Em xin phép kiến nghị với Quý công ty nhằm để hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

- Về bộ máy kế toán, đội ngũ kế toán cần giữ thái độ làm việc hòa đồng, chuyên nghiệp, hiệu quả, đúng chức trách phần hành kế toán của bản thân. Tránh tình trạng một kế toán phải đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau. Hiện tại, doanh nghiệp cần phải tuyển dụng thêm nhân viên kế toán nhằm san sát công việc đồng thời giảm bớt trách nhiệm cho kế toán trưởng. Doanh nghiệp nên tổ chức nhiều hơn các lớp đào tạo nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, đặc biệt là nhân viên kế toán. Bộ phận nhân viên công ty không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành tốt mỗi phần hành của mình, mà nên trau dồi thêm các kỹ năng để phát triển bản thân.
- Cải thiện hệ thống quản lý và phần mềm kế toán nâng cấp phần mềm kế toán sử dụng phần mềm kế toán hiện đại, tích hợp các tính năng quản lý hàng hóa như theo dõi nhập, xuất, tồn kho theo thời gian thực, giúp giảm thiểu sai sót và tăng hiệu quả xử lý dữ liệu như phần mềm kế toán KTVN, MISA, FAST, DTECH,...
- Đáp ứng yêu cầu pháp lý và chuẩn mực kế toán đảm bảo các báo cáo kế toán hàng hóa tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành và chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán Quốc tế (IAS). Xây dựng quy trình lập báo cáo hàng hóa minh bạch, chi tiết, phục vụ tốt cho việc ra quyết định.

Những góp ý như trên đây em trình bày được đúc kết từ quá trình học tập, tìm hiểu, thực hành và quan sát thực tiễn tại công ty. Do giới hạn về thời gian thực tập nên em không thể tránh khỏi những sai sót, rất mong sự góp ý của các chị phòng kế toán và thầy cô để em hoàn thiện kiến thức hơn.

TÓM TẮT CHƯƠNG 4

Qua chương 4 em đã nêu ra được những ưu, nhược điểm còn tồn tại của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế. Và từ những lý thuyết đã được học trên trường và vì thời gian được tiếp cận thực tế ít nên em đưa ra một vài ý kiến để đóng góp hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty, do vậy bên cạnh các biện pháp quản lý chung, việc tổ chức hợp lý công tác kế toán bán hàng là rất cần thiết giúp doanh nghiệp có đầy đủ thông tin kịp thời và chính xác để đưa ra quyết định đúng đắn. Doanh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao là cơ sở để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động và quyết liệt.

KẾT LUẬN

Đối với một doanh nghiệp đặc biệt là đối với một doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm, thì yếu tố nguyên vật liệu luôn là một yếu tố vô cùng quan trọng, nó phản ánh nên giá trị của công ty thông qua số lượng sản phẩm, chất lượng và giá thành từ việc tạo nên sản phẩm đó. Do vậy có thể nói yếu tố nguyên vật liệu là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò của mình có hiệu lực, đòi hỏi việc tổ chức kế toán phải không ngừng đổi mới sao cho phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển, đặc biệt công tác kế toán NVL phải được cải tiến và hoàn thiện về hình thức tổ chức bộ máy và hình thức kế toán áp dụng để có thể phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời một cách toàn diện về tình hình nhập xuất tồn nguyên liệu vật liệu.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế đã giúp em rất nhiều trong việc củng cố kiến thức của mình đồng thời tiếp cận được với thực tế và vận dụng lý luận vào thực tế, tạo điều kiện để em hoàn thành báo cáo này. Tuy nhiên do thời gian có hạn và kinh nghiệm còn hạn chế nên bản báo cáo này không tránh khỏi những thiếu sót, kính mong nhận được sự góp ý của cô và cán bộ phòng kế toán của Công ty để bản báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế, cùng toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty và giáo viên hướng dẫn Th.s Nguyễn Thị Anh Thư đã tận tình quan tâm giúp đỡ em hoàn thành bản báo cáo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguồn Internet: Thuvienphatluat.vn; ketoanthienung.org; tintucketoan.com
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp: Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
(Website: <https://ketoanthienung.net/he-thong-tai-khoan-ke-toan-theo-thong-tu-200-moi-nhat.htm>)
3. Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Quốc tế
4. Giáo trình Kế toán tài chính 1,2,3.
5. Thư viện trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu
(Website: <http://thuvienso.bvu.edu.vn>)
6. Mẫu báo cáo quản trị chi phí.
(Website: <https://sanketoan.vn/he-thong-bao-cao-quan-tri-chi-phi-hoat-dong-theo-doi-duoc-nhieu-ky>)
7. Mẫu báo cáo quản trị doanh thu.
(Website: https://docs.google.com/spreadsheets/d/1gC_PQsljFh1wbc1FC4zi7Iy-NZLWPd9P/edit?pli=1&gid=1728162342#gid=1728162342)

PHỤ LỤC

1. Sổ cái tài khoản 511 năm 2023.
2. Sổ cái tài khoản 515 năm 2023.
3. Sổ cái tài khoản 632 năm 2023.
4. Sổ cái tài khoản 635 năm 2023.
5. Sổ cái tài khoản 642 năm 2023.
6. Sổ cái tài khoản 811 năm 2023.
7. Sổ cái tài khoản 154 năm 2023.
8. Sổ cái tài khoản 911 năm 2023.
9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023.
10. Hóa đơn giá trị gia tăng năm 2023.

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Mã đối tượn	Đơn vị tương	Tên đối tượng
		Số hiệu	Ngày thán			Nợ	Có					
5111				Sổ dư đầu kỳ								
5111	04/01/2023	H001/23-0001	04/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		81.818.182	1	04/01/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	04/01/2023	H001/23-0002	04/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		43.636.364	2	04/01/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	04/01/2023	H001/23-0003	04/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		43.636.364	3	04/01/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	07/01/2023	H001/23-0004	07/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		27.000.000	4	07/01/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	07/01/2023	H001/23-0005	07/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		52.500.000	5	07/01/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	07/01/2023	H001/23-0006	07/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		27.000.000	6	07/01/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	07/01/2023	H001/23-0007	07/01/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		27.000.000	7	07/01/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	11/05/2023	H001/23-0008	11/05/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		9.000.000	8	11/05/2023	090	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
5111	30/05/2023	H001/23-0009	30/05/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		4.211.869	9	30/05/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	15/05/2023	H002/23-0001	15/05/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		36.363.636	10	15/05/2023	090	Trung tâm VHVT - TT Huyện Đăk Rô	
5111	16/05/2023	H002/23-0002	16/05/2023	Doanh thu bán dịch vụ quay phim/ chụp hình HP 11	1311		10.000.000	11	16/05/2023	LONGSON	Công ty TNHH Hòa đầu Long Sơn	
5111	20/05/2023	H002/23-0003	20/05/2023	Bán hàng dịch vụ	1111		1.699.499	12	20/05/2023			
5111	24/05/2023	H002/23-0004	24/05/2023	Bán hàng dịch vụ	1111		3.000.000	13	24/05/2023			
5111	28/05/2023	H002/23-0005	28/05/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		3.052.659	14	28/05/2023	VTBRVT		
5111	02/06/2023	H003/23-0006	02/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		17.272.727	15	02/06/2023	LONGSON	Công ty TNHH Hòa đầu Long Sơn	
5111	06/06/2023	H003/23-0007	06/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		17.272.727	16	06/06/2023	LONGSON	Công ty TNHH Hòa đầu Long Sơn	
5111	10/06/2023	H003/23-0008	10/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		76.168.636	17	10/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	10/06/2023	H003/23-0009	10/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		54.546.465	18	10/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	10/06/2023	H003/23-0010	10/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		103.105.527	19	10/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	14/06/2023	H003/23-0011	14/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		96.298.124	20	14/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	14/06/2023	H003/23-0012	14/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		77.124.800	21	14/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	14/06/2023	H003/23-0013	14/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		74.771.402	22	14/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	14/06/2023	H003/23-0014	14/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		218.954.736	23	14/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	14/06/2023	H003/23-0015	14/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		61.148.236	24	14/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	14/06/2023	H003/23-0016	14/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		102.463.380	25	14/06/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	21/06/2023	H003/23-0017	21/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		8.000.000	26	21/06/2023	CS&DN	CÔNG ĐOÀN CỔ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOPEPETRO	
5111	27/06/2023	H003/23-0018	27/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		3.000.000	27	27/06/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	28/06/2023	H003/23-0019	28/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1111		4.000.000	28	28/06/2023			
5111	31/06/2023	H003/23-0020	31/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		66.436.489	29	31/06/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	31/06/2023	H003/23-0021	31/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		103.962.900	30	31/06/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	31/06/2023	H003/23-0022	31/06/2023	Bán hàng dịch vụ	1311		121.360.000	31	31/06/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	03/04/2023	H004/23-0001	03/04/2023	Cho thuê cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm BTS/NodeB từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023 theo hợp đồng số 18.VTU/HEKT-2020/VTU0108-VTU02018-19	1311		27.000.000	32	03/04/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	03/04/2023	H004/23-0002	03/04/2023	Cho thuê cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm BTS/NodeB từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023 theo Hợp đồng số 09/HEKT-2020/CSHT/VTBRVT-470QT-VTA0008	1311		25.108.000	33	03/04/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	03/04/2023	H004/23-0003	03/04/2023	Cho thuê cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm BTS/NodeB từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023 theo Hợp đồng số 09/HEKT-2020/CSHT/VTBRVT-470QT-VTU0013-12	1311		27.000.000	33	03/04/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	03/04/2023	H004/23-0004	03/04/2023	Thanh toán thuế cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm BTS/NodeB từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023 theo hợp đồng số 12.VTU/HEKT-2018/VTU0108-139 kỳ ngày 03/06/2019 (Trạm VTU0108-139 tại số 52 đường 30/4, phường Thắng Nhứt, thành phố Vũng Tàu, BRVT).	1311		27.000.000	34	03/04/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	03/04/2023	H004/23-0005	03/04/2023	Thanh toán tiền cho thuê cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm BTS/NodeB từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023 theo Hợp đồng số 14.VTU/HEKT-2020/VTU0108-35 kỳ ngày 01/04/2020 (Trạm VTU0108-35 tại Chung cư Nguyễn Hữu Cánh, số 242 đường Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhứt, thành phố Vũng Tàu, BRVT).	1311		27.000.000	35	03/04/2023	AMPT	VIỆN THÔNG BÀ RỊA -VŨNG TÀU	
5111	11/04/2023	H004/23-0006	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 01/01/2023 đến ngày V/V/VTR	1311		4.331.669	36	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0007	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 01/01/2023 đến ngày V/V/VTR	1311		17.087.590	36	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0008	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 01/01/2023 đến ngày V/V/VTR	1311		9.845.800	36	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0009	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 01/01/2023 đến ngày V/V/VTT	1311		3.730.000	36	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0010	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 01/01/2023 đến ngày V/V/VTR	1311		15.630.000	36	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0011	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 21/12/2022 đến ngày 30/03/2023 V/V/VTR	1311		12.637.590	37	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0012	11/04/2023	Tiền điện trạm BTS MobileFone từ ngày 21/12/2022 đến ngày 30/03/2023 V/V/VTR-Quận Mỹ	1311		36.290.126	37	11/04/2023	MEKOPONE	Trung tâm Mạng lưới MobileFone Miền Nam	
5111	11/04/2023	H004/23-0013	11/04/2023	Chợ thuê địa chỉ công dân	1111		3.000.000	38	11/04/2023			
5111	11/04/2023	H004/23-0014	11/04/2023	Dịch vụ làm phim và đạo diễn hình ảnh vụ sự kiện Kịch bản Hội Công đoàn Cơ quan điều hành Tổng công ty NN Việt Nam	1311		36.363.636	39	11/04/2023	COCTHON	Công đoàn Cơ quan điều hành - Tổng Công ty NN Việt Nam	
5111	27/04/2023	H004/23-0015	27/04/2023	Thanh toán tiền điện trạm VTU0610-11 theo Hợp đồng số 001/2020/ĐSC-VIETTEL (Kỳ ngày 08/12/2020) từ ngày 27/03/2023 đến 27/04/2023.	1311		3.124.461	40	27/04/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	28/04/2023	H004/23-0016	28/04/2023	Chợ thuê địa chỉ công dân	1111		2.000.000	41	28/04/2023			
5111	04/05/2023	H005/23-0001	04/05/2023	Quay phim, chụp hình sự kiện	1311		29.000.000	42	04/05/2023	090	Công ty TNHH Nenek Development Group	
5111	12/05/2023	H005/23-0002	12/05/2023	Quay dựng video phỏng sự kiện nghị sự kết 2 năm thực hiện kế toán số Đ&CT và nghị quyết số 89/QĐ-TTW	1111		9.000.000	43	12/05/2023	090	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
5111	12/05/2023	H005/23-0003	12/05/2023	Quay dựng phim tổng kết công tác tuyên truyền, gọi công nhân nghỉ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân năm 2023	1111		6.363.636	44	12/05/2023	090	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
5111	13/05/2023	H005/23-0004	13/05/2023	Quay dựng clip tuyên truyền biển đảo quê hương 1 năm 2023	1111		2.727.273	45	13/05/2023	090	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
5111	16/05/2023	H005/23-0005	16/05/2023	Chụp hình ảnh và quay phim công nhân, thành hành động và ATVSLĐ và phát động thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2023 và Chương trình Gala gặp mặt người lao động đầu khi tiêu biểu và đại biểu tuyên dương thực hiện Chi thị 05-CT/TW	1111		8.000.000	46	16/05/2023			
5111	25/05/2023	H005/23-0006	25/05/2023	Đẩy dựng video clip tham gia cuộc thi sáng tác, phổ biến tác phẩm văn học nghệ thuật để thi "Công dân, cầu nối" cho Bộ Công an	1311		16.363.636	47	25/05/2023	090	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
5111	26/05/2023	H005/23-0007	26/05/2023	Thanh toán tiền điện trạm VTU0610-11 theo Hợp đồng số 001/2020/ĐSC-VIETTEL (Kỳ ngày 08/12/2020) từ ngày 27/04/2023 đến 26/05/2023.	1311		2.954.800	48	26/05/2023	VTBRVT	VIETTEL BÀ RỊA-VŨNG TÀU CHI NHANH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUẢN ĐỐI	
5111	28/05/2023	H005/23-0008	28/05/2023	Cung cấp dịch vụ quay phim và dựng phim cho SCS Vietnam	1311		53.000.000	49	28/05/2023	40H	CÔNG TY TNHH SCS VIỆT NAM	
5111	31/05/2023	H005/23-0009	31/05/2023	Cung cấp dịch vụ chụp ảnh	1311		3.000.000	50	31/05/2023	090	CHI NHANH CÔNG TY TNHH MADISON LAND HỒ TRỆM	
5111	31/05/2023	H005/23-0010	31/05/2023	Quay tư liệu chương trình: Lễ Phát động tháng công nhân, tháng hành động và ATVSLĐ và phát động thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2023 và Chương trình Gala gặp mặt người lao động đầu khi tiêu biểu và đại biểu tuyên dương thực hiện Chi thị 05-CT/TW.	1111		10.000.000	51	31/05/2023	090	CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	
5111	31/05/2023	H005/23-0011	31/05/2023	Chụp hình chương trình: Lễ Phát động tháng công nhân, tháng hành động và ATVSLĐ và phát động thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2023 và Chương trình Gala gặp mặt người lao động đầu khi tiêu biểu và đại biểu tuyên dương thực hiện Chi thị 05-CT/TW	1111		8.000.000	51	31/05/2023	090	CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	
5111	06/06/2023	H005/23-0012	06/06/2023	Quay phim lễ giã gạo năm học 2022-2023 và lễ ra trường cho học sinh lớp 5	1111		6.363.636	52	06/06/2023			

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tỷ ứng	Số tiền		Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Mã đối tượng	Đối tượng	
		Số nội	Ngày thân			Nợ	Có				Tên đối tượng	
SI13	08/06/2023	HD06/23-002	08/06/2023	Quay, dựng clip video giới thiệu và quy hoạch hệ thống cảng biển Vũng Tàu và các hoạt động quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại cảng biển (có thuyết minh phụ đề bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh)	1311		44.000.000	53	08/06/2023	3789	CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU	
SI13	09/06/2023	HD06/23-003	09/06/2023	Thuê cơ sở hạ tầng để phủ sóng 5G- Building từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/06/2023. Theo Hợp đồng 09/2020/HĐKT-185/VTRVT-ISC ký ngày 01/01/2020 (Tòa nhà khách sạn đầu kh, tòa nhà xí nghiệp xây lắp và XN dịch vụ thực Vetsosvetro TP Vũng Tàu).	1311		66.426.460	54	09/06/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	09/06/2023	HD06/23-004	09/06/2023	Thuê cơ sở hạ tầng để phủ sóng 5G- Building từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/06/2023. Theo Hợp đồng 02/2021/HĐ/BS/VTRVT-ISC ký ngày 01/01/2021 (Tòa nhà Sơn Thịnh, Tòa nhà XN kho vận/Vetsosvetro, Tòa nhà PVC-HS).	1311		156.487.500	55	09/06/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	09/06/2023	HD06/23-005	09/06/2023	Thuê cơ sở hạ tầng để phủ sóng 5G- Building từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/06/2023. Theo Hợp đồng 01.07/2019/HĐ-185/VTRVT-ISC ký ngày 05/09/2019 (Tòa nhà Sơn Thịnh 2).	1311		121.260.000	56	09/06/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	23/06/2023	HD06/23-006	23/06/2023	Thành toán giá trị quyền toàn năm 2 theo Hợp đồng số 020804-QLDA/VIETTEL-ISC/DK2021 ngày 02/08/2021 và việc thuê hệ thống phủ sóng tại nhà Sơn Thịnh, địa chỉ: Số 23D đường Thùy Vân, TP. Vũng Tàu (từ ngày 11/08/2022 đến ngày 11/08/2023)	1311		247.260.000	57	23/06/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQĐ (Viettel Networks)	
SI13	23/06/2023	HD06/23-007	23/06/2023	Thành toán giá trị quyền toàn năm 2 theo Hợp đồng số 141004-QLDA/VIETTEL-ISC/DK2021 ngày 14/10/2021 và việc thuê hệ thống phủ sóng tại nhà Trung tâm Y tế Vetsosvetro, địa chỉ: Số 02 đường Pasteur, Phường 7, TP. Vũng Tàu (từ ngày 23/10/2022 đến ngày 23/10/2023)	1311		73.126.560	58	23/06/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQĐ (Viettel Networks)	
SI13	26/06/2023	HD06/23-008	26/06/2023	Quay phim, chụp ảnh VSP Run	1111		6.363.636	59	26/06/2023	COLDVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	26/06/2023	HD06/23-009	26/06/2023	Chụp hình, quay phim Ngày hội gia đình VSP	1111		2.000.000	60	26/06/2023	COLDVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	27/06/2023	HD06/23-010	27/06/2023	Thành toán tiền điện trạm VTU0610-11 theo Hợp đồng số 001/2020/ISC-VIETTEL/ ký ngày 08/12/2020 từ ngày 26/05/2021 đến 27/06/2023.	1311		4.277.786	61	27/06/2023	VTRBVT	VIETTEL BÀ RIA VŨNG TÀU-CHI NHẢNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUẢN ĐOỊ	
SI13	30/06/2023	HD06/23-011	30/06/2023	Thuê CSHT phục vụ phủ sóng trong tòa nhà Sơn Thịnh 2 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 theo hợp đồng số 20221205/ISC-TT-MLNN ký ngày 05/12/2022	1311		359.068.656	66	05/07/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	03/07/2023	HD07/23-001	03/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 62	1311		27.000.000	62	03/07/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/07/2023	HD07/23-002	03/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 63	1311		27.000.000	63	03/07/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/07/2023	HD07/23-003	03/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 64 (Được điều chỉnh bởi Hóa đơn 98 và 99 ngày 03/10/2023)	1311		27.000.000	64	03/07/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/07/2023	HD07/23-004	03/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 64 (Được điều chỉnh bởi Hóa đơn 98 và 99 ngày 03/10/2023)	1311		27.000.000	64	03/07/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/07/2023	HD07/23-004	03/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 65	1311		27.000.000	65	03/07/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	05/07/2023	HD07/23-005	05/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 67	1311		36.272.727	67	05/07/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	05/07/2023	HD07/23-005	05/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 67	1311		32.727.273	67	05/07/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	05/07/2023	HD07/23-005	05/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 67	1311		31.636.364	67	05/07/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	05/07/2023	HD07/23-006	05/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 68	1311		32.727.273	68	05/07/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	05/07/2023	HD07/23-006	05/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 68	1311		43.636.364	68	05/07/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	17/07/2023	HD07/23-007	17/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ quay phim/ chụp hình HD 72	1111		2.777.778	72	17/07/2023		VIETRAVEL CHI NHẢNH VŨNG TÀU	
SI13	27/07/2023	HD07/23-008	27/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 73	1311		95.096.976	73	27/07/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQĐ (Viettel Networks)	
SI13	27/07/2023	HD07/23-009	27/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 74	1311		460.155.972	74	27/07/2023		Networks	
SI13	28/07/2023	HD07/23-010	28/07/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ viễn thông HD 75	1311		4.132.314	75	28/07/2023	VTRBVT	CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUẢN ĐOỊ	
SI13	07/08/2023	HD08/23-001	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 76	1311		96.293.124	76	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	07/08/2023	HD08/23-002	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 77	1311		192.463.392	77	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	07/08/2023	HD08/23-003	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 78	1311		81.148.236	78	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	07/08/2023	HD08/23-004	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 79	1311		77.324.820	79	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	07/08/2023	HD08/23-005	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 80	1311		218.954.736	80	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	07/08/2023	HD08/23-006	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 81	1311		74.721.402	81	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	07/08/2023	HD08/23-007	07/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 82	1311		376.016.916	82	07/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	16/08/2023	HD08/23-008	16/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 83	1311		45.000.000	83	16/08/2023	DPITH	Báo phát thanh và truyền hình tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
SI13	18/08/2023	HD08/23-009	18/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 84	1111		3.000.000	84	18/08/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI12	28/08/2023	HD08/23-010	28/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 85	1311		3.884.100	85	28/08/2023	VTRBVT	VIETTEL BÀ RIA VŨNG TÀU-CHI NHẢNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUẢN ĐOỊ	
SI13	29/08/2023	HD08/23-011	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 86	1311		4.495.000	86	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	29/08/2023	HD08/23-011	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 86	1311		25.082.500	86	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	29/08/2023	HD08/23-012	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 87	1311		10.293.318	87	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	29/08/2023	HD08/23-012	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 87	1311		25.212.500	87	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	29/08/2023	HD08/23-012	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 87	1311		15.101.200	87	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	29/08/2023	HD08/23-012	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 87	1311		22.847.500	87	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	29/08/2023	HD08/23-012	29/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 87	1311		26.445.372	87	29/08/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	31/08/2023	HD08/23-013	31/08/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 88	1111		2.000.000	88	31/08/2023	COLDVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	05/09/2023	HD09/23-001	05/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 89	1111		14.000.000	89	05/09/2023	Q211	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	
SI13	11/09/2023	HD09/23-002	11/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 90	1111		1.500.000	90	11/09/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	14/09/2023	HD09/23-003	14/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 91	1311		18.163.993	91	14/09/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	15/09/2023	HD09/23-004	15/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 92	1311		121.260.000	92	15/09/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	15/09/2023	HD09/23-005	15/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 93	1311		156.487.500	93	15/09/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	15/09/2023	HD09/23-006	15/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 94	1311		66.426.460	94	15/09/2023	MOBFONE	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	15/09/2023	HD09/23-007	15/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 95	1311		21.818.182	95	15/09/2023	MOBFONE	Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam	
SI13	19/09/2023	HD09/23-008	19/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 96	1111		18.500.000	96	19/09/2023	4094	Công Ty Cổ Phần Kien Cui Kim Loai và Lắp Máy Dầu Khí	
SI13	27/09/2023	HD09/23-009	27/09/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 97	1311		3.368.596	97	27/09/2023	VTRBVT	VIETTEL BÀ RIA VŨNG TÀU-CHI NHẢNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUẢN ĐOỊ	
SI12	02/10/2023	HD10/23-001	02/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 100 (VTU2018-29)	1311		27.000.000	100	02/10/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/10/2023	HD10/23-002	03/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 101 (VTU6008)	1311		27.000.000	101	03/10/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/10/2023	HD10/23-003	03/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 101 (VTU2013-12)	1311		27.000.000	101	03/10/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/10/2023	HD10/23-003	03/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 102 (VTU2018-136)	1311		27.000.000	102	03/10/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	03/10/2023	HD10/23-004	03/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 103 (VTU2018-36)	1311		27.000.000	103	03/10/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ RIA - VŨNG TÀU	
SI13	06/10/2023	HD10/23-005	06/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 104 (chụp hình)	1311		40.000.000	104	06/10/2023	TRUTHANG	CHI NHẢNH TỔNG CÔNG TY TRỰC THUANG VIỆT NAM - CÔNG TY TRỰC THUANG HIEN NAM	
SI13	19/10/2023	HD10/23-006	19/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 105 (Quay phim)	1311		18.500.000	105	19/10/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	26/10/2023	HD10/23-007	26/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 106 (điện VTU0610-11)	1311		3.352.675	106	26/10/2023	VTRBVT	VIETTEL BÀ RIA VŨNG TÀU-CHI NHẢNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUẢN ĐOỊ	
SI13	30/10/2023	HD10/23-008	30/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 107 (quay phim, chụp hình)	1111		7.407.407	107	30/10/2023	COLDVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	31/10/2023	HD10/23-009	31/10/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 108 (quay phim, chụp ảnh, dựng video)	1111		12.000.000	108	31/10/2023	COLDVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	01/11/2023	HD11/23-001	01/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 109	1111		1.388.889	109	01/11/2023	COLDVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO	
SI13	07/11/2023	HD11/23-002	07/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 110	1111		3.000.000	110	07/11/2023		CÔNG TY LIÊN DOANH VŨNG TÀU PARADISE	

khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tỷ ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Đối tượng	
		Số hiệu	Ngày toán			Nợ	Có			Mã đối tượng	Tên đối tượng
S113	13/11/2023	HD11/23-0003	13/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 111	1111		11.111.111	111	13/11/2023		Công Đoàn Tổng Công ty CP Khuân và Dịch vụ Khuân Cầu Lộ
S113	14/11/2023	HD11/23-0004	14/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 112	1311		22.222.222	112	14/11/2023	0060	Bộ Chỉ Huy Quân Sự Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
S113	20/11/2023	HD11/23-0005	20/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 113	1111		14.000.000	113	20/11/2023	3716	Công ty CP Hàng Hải Dầu Khí Hải Dương (Hadoo)
S113	22/11/2023	HD11/23-0006	22/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 114	1311		3.000.000	114	22/11/2023		CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC INSPIRE BRVT
S113	27/11/2023	HD11/23-0007	27/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 115	1311		3.199.470	115	27/11/2023	VI-BRVT	VIETTEL BÀ Rịa VŨNG TÀU-CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
S113	27/11/2023	HD11/23-0008	27/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 116	1111		4.400.000	116	27/11/2023	CONH	Công đoàn Cơ sở Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh BRVT
S113	28/11/2023	HD11/23-0009	28/11/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 117	1111		5.000.000	117	28/11/2023	CUDEVN	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
S113	01/12/2023	HD12/23-0001	01/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 118	1111		12.800.000	118	01/12/2023	CONHTMCP	Công Đoàn Cơ Sở Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi nhánh BRVT
S113	05/12/2023	HD12/23-0002	05/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 119	1311		66.426.480	119	05/12/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ Rịa -VŨNG TÀU
S113	05/12/2023	HD12/23-0003	05/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 120	1311		156.487.500	120	05/12/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ Rịa -VŨNG TÀU
S113	05/12/2023	HD12/23-0004	05/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 121	1311		121.260.000	121	05/12/2023	VNPT	VIỄN THÔNG BÀ Rịa -VŨNG TÀU
S113	14/12/2023	HD12/23-0005	14/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 122	1311		14.000.000	122	14/12/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
S113	18/12/2023	HD12/23-0006	18/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 123	1311		117.122.937	123	18/12/2023	MOBIFONE	Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam
S113	19/12/2023	HD12/23-0007	19/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 124	1311		349.194.000	124	19/12/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
S113	19/12/2023	HD12/23-0008	19/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 125	1311		2.276.727	125	19/12/2023	VI-BRVT	VIETTEL BÀ Rịa VŨNG TÀU-CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
S113	25/12/2023	HD12/23-0009	25/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 126	1311		95.096.976	126	25/12/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQB (Viettel Networks)
S113	25/12/2023	HD12/23-0010	25/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 127	1311		499.799.392	127	25/12/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQB (Viettel Networks)
S113	28/12/2023	HD12/23-0011	28/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 128	1311		43.900.000	128	28/12/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
S113	28/12/2023	HD12/23-0012	28/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 129	1311		230.017.730	129	28/12/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQB (Viettel Networks)
S113	28/12/2023	HD12/23-0013	28/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 130	1311		90.300.000	130	28/12/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
S113	28/12/2023	HD12/23-0014	28/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 131	1311		64.727.832	131	28/12/2023	VIETTEL	TCT mạng lưới Viettel-CN tập đoàn CN VTQB (Viettel Networks)
S113	29/12/2023	HD12/23-0015	29/12/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 132	1311		45.000.000	132	29/12/2023		KHÁCH SẠN VIETSOVPETRO
S113	29/12/2023	HD12/23-0016	29/12/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 133	1111		6.380.000	133	29/12/2023	VIETSOV	LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
S113	29/12/2023	HD12/23-0017	29/12/2023	Doanh thu bán hàng dịch vụ HD 134	1111		3.000.000	134	29/12/2023		CÔNG TY LIÊN DOANH VŨNG TÀU PARADISE
S113	31/12/2023	HD12/23-0018	31/12/2023	Doanh thu nhân sự HD 66	3387		6.000.000	66	31/12/2023	KCS	CNVTCKVN-CTCP-Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn
S113	31/12/2023	HD12/24-0001	31/12/2023	Doanh thu bán dịch vụ HD 135	1311		285.000.000	135	31/12/2023		BẢO TẮNG TỈNH BÀ Rịa - VŨNG TÀU
S113	31/12/2023	PKKQ2312-000	31/12/2023	Kết chuyển doanh thu bán hàng	901	8.273.125.806					
S113				Cộng số phát sinh		8.273.125.806	8.273.125.806				
S113				Số dư cuối kỳ							

Lập ngày...tháng...năm.....

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Quang Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ
Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

SỐ CÁI

Năm 2023

Tài Khoản : [515 - Doanh thu hoạt động tài chính]

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Ngày Hóa đơn
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
5151				Số dư đầu kỳ				
				Tất toán tiền gửi số				
5151	13/01/2023	BC01/23-0005	13/01/2023	14532802507016	1121		6.893	
5151	25/01/2023	BC01/23-0008	25/01/2023	Lãi tiền gửi	1121		10.066	
5151	31/01/2023	BC01/23-0011	31/01/2023	Lãi tiền gửi	1121		783	
5151	25/02/2023	BC02/23-0008	25/02/2023	Lãi tiền gửi	1121		12.556	
5151	28/02/2023	BC02/23-0009	28/02/2023	Lãi tiền gửi	1121		5.712	
5151	25/03/2023	BC03/23-0010	25/03/2023	Lãi tiền gửi	1121		11.500	
5151	31/03/2023	BC03/23-0013	31/03/2023	Lãi tiền gửi	1121		3.095	
5151	25/04/2023	BC04/23-0018	25/04/2023	Lãi tiền gửi	1121		12.937	
5151	28/04/2023	BC04/23-0020	28/04/2023	Lãi tiền gửi	1121		13.537	
5151	25/05/2023	BC05/23-0004	25/05/2023	Lãi tiền gửi	1121		12.098	
5151	31/05/2023	BC05/23-0005	31/05/2023	Lãi tiền gửi	1121		3.792	31/05/2023
5151	25/06/2023	BC06/23-0008	25/06/2023	Lãi tiền gửi	1121		12.405	25/06/2023
5151	30/06/2023	BC06/23-0010	30/06/2023	Lãi tiền gửi	1121		6.223	
5151	26/07/2023	BC07/23-0015	26/07/2023	Lãi tiền gửi	1121		16.091	26/07/2023
5151	31/07/2023	BC07/23-0016	31/07/2023	Lãi tiền gửi	1121		1.425	31/07/2023
5151	25/08/2023	BC08/23-0007	25/08/2023	Lãi nhập vốn	1121		12.792	
5151	31/08/2023	BC08/23-0005	31/08/2023	Lãi tiền gửi	1121		1.360	31/08/2023
5151	25/09/2023	BC09/23-0017	25/09/2023	Lãi nhập vốn	1121		12.560	
5151	30/09/2023	BC09/23-0016	30/09/2023	Lãi tiền gửi	1121		10.120	30/09/2023
5151	25/10/2023	BC10/23-0005	25/10/2023	Lãi tiền gửi	1121		9.305	
5151	31/10/2023	BC10/23-0009	31/10/2023	Lãi tiền gửi	1121		5.698	
5151	25/11/2023	BC11/23-0006	25/11/2023	Lãi tiền gửi	1121		6.587	
5151	30/11/2023	BC11/23-0005	30/11/2023	Lãi tiền gửi	1121		3.675	
5151	30/12/2023	BC12/23-0012	30/12/2023	Lãi nhập vốn	1121		4.295	
5151	31/12/2023	BC12/23-0013	31/12/2023	Lãi nhập vốn	1121		4.215	
5151	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	199.720		
5151				Cộng số phát sinh		199.720	199.720	
5151				Số dư cuối kỳ				

Lập ngày....tháng....năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Quang Tuấn

SỔ CÁI

Năm 2023

Tài Khoản : [632 - Giá vốn hàng bán]

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
632				Số dư đầu kỳ			
632	31/12/2023	KCPB2312-0002	31/12/2023	[...Kết chuyển 154 đích danh sang 632]	154	811.302.957	
632	31/12/2023	KCPB2312-0002	31/12/2023	[...Kết chuyển 154 đích danh sang 632]	154	5.700.070.232	
632	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển giá vốn	911		6.511.373.189
632				Cộng số phát sinh		6.511.373.189	6.511.373.189
632				Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lập ngày....tháng....năm.....

Phạm Quang Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2023

Tài Khoản : [635 - Chi phí tài chính]

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Ngày Hóa đơn
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
6351				Số dư đầu kỳ				
6351	27/01/2023	BN01/23-0010	27/01/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	649.523		
6351	31/01/2023	BN01/23-0013	31/01/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	5.184.238		
6351	25/02/2023	BN02/23-0007	25/02/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	1.318.318		
6351	03/03/2023	BN03/23-0002	03/03/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	3.888.689		
6351	27/03/2023	BN03/23-0013	27/03/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	2.612.811		
6351	02/04/2023	BN04/23-0002	02/04/2023	Thanh toán nợ gốc TKV 1024233106	1121	2.235.222		
6351	26/04/2023	BN04/23-0015	26/04/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	4.267.715		
6351	28/04/2023	BN04/23-0019	28/04/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	807.340		
6351	02/06/2023	BN06/23-0002	02/06/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	4.943.418		02/06/2023
6351	02/06/2023	BN06/23-0003	02/06/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	12.792		02/06/2023
6351	04/07/2023	BN07/23-0002	04/07/2023	Thanh toán lãi TKV 1024233106	1121	5.024.023		04/07/2023
6351	03/08/2023	BN08/23-0008	03/08/2023	Thanh toán nợ TKV 1024233106	1121	4.750.843		
6351	28/08/2023	BN08/23-0010	28/08/2023	Lãi tiền vay TKV 1024233106	1121	3.444.856		
6351	30/08/2023	BN08/23-0011	30/08/2023	Thanh toán gốc vay TKV 1024233106	1121	1.579.865		
6351	26/09/2023	BN09/23-0013	26/09/2023	Thanh toán gốc vay TKV 1024233106	1121	4.249.614		
6351	26/10/2023	BN10/23-0007	26/10/2023	Thanh toán nợ gốc TKV 1024233106	1121	4.276.899		
6351	27/11/2023	BN11/23-0008	27/11/2023	Thanh toán nợ gốc TKV 1024233106	1121	4.174.236		
6351	26/12/2023	BN12/23-0012	26/12/2023	Thanh toán lãi tiền vay TKV 10242331	1121	555.572		
6351	28/12/2023	BN12/23-0013	28/12/2023	Thanh toán nợ gốc TKV 1024233106	1121	2.944.573		
6351	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí tài chính	911		56.920.547	
6351				Cộng số phát sinh		56.920.547	56.920.547	
6351				Số dư cuối kỳ				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lập ngày....tháng....năm.....

Phạm Quang Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,
Việt Nam

SỐ CÀI

Năm 2023

Tài Khoản : [642 - Chi phí quản lý kinh doanh]

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Đối tượng	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có			Mã đối tượng	Tên đối tượng
6421				Số dư đầu kỳ							
6421	31/01/2023	PK01/23-0007	31/01/2023	Thuế TNCN tháng 01 NVVP	3335	576.383					
6421	31/01/2023	PK01/23-0009	31/01/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 01	3341	20.524.083					
6421	31/01/2023	PK01/23-0010	31/01/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T01	3383	883.750					
6421	31/01/2023	PK01/23-0010	31/01/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T01	3384	151.500					
6421	31/01/2023	PK01/23-0010	31/01/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T01	3386	50.500					
6421	28/02/2023	PK02/23-0009	28/02/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 02	3341	12.673.248					
6421	28/02/2023	PK02/23-0009	28/02/2023	Thuế TNCN tháng 2	3335	20.650					
6421	28/02/2023	PK02/23-0011	28/02/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T02	3383	883.750					
6421	28/02/2023	PK02/23-0011	28/02/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T02	3384	151.500					
6421	28/02/2023	PK02/23-0011	28/02/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T02	3386	50.500					
6421	31/03/2023	PK03/23-0008	31/03/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 03	3341	37.457.595					
6421	31/03/2023	PK03/23-0009	31/03/2023	Thuế TNCN tháng 03 NVVP	3335	3.389.469					
6421	31/03/2023	PK03/23-0010	31/03/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T03	3383	883.750					
6421	31/03/2023	PK03/23-0010	31/03/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T03	3384	151.500					
6421	31/03/2023	PK03/23-0010	31/03/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T03	3386	50.500					
6421	28/04/2023	PK04/23-0004	28/04/2023	Thuế TNCN tháng 04 NVVP	3335	958.962			28/04/2023		
6421	29/04/2023	PK04/23-0006	29/04/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 04	3341	23.653.328					
6421	29/04/2023	PK04/23-0007	29/04/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T04	3383	883.750					
6421	29/04/2023	PK04/23-0007	29/04/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T04	3384	151.500					
6421	29/04/2023	PK04/23-0007	29/04/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T04	3386	50.500					
6421	31/05/2023	PK05/23-0005	31/05/2023	Thuế TNCN tháng 05 NVVP	3335	561.436			31/05/2023		
6421	31/05/2023	PK05/23-0006	31/05/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 05	3341	20.374.612					
6421	31/05/2023	PK05/23-0007	31/05/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T05	3383	883.750					
6421	31/05/2023	PK05/23-0007	31/05/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T05	3384	151.500					
6421	31/05/2023	PK05/23-0007	31/05/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T05	3386	50.500					
6421	30/06/2023	PK06/23-0008	30/06/2023	Thuế TNCN tháng 06 NVVP	3335	3.447.264			30/06/2023		
6421	30/06/2023	PK06/23-0010	30/06/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 06	3341	37.746.570					
6421	30/06/2023	PK06/23-0011	30/06/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T06	3383	883.750					
6421	30/06/2023	PK06/23-0011	30/06/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T06	3384	151.500					
6421	30/06/2023	PK06/23-0011	30/06/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T06	3386	50.500					
6421	31/07/2023	PK07/23-0005	31/07/2023	Thuế TNCN tháng 07 NVVP	3335	2.740.075			31/07/2023		
6421	31/07/2023	PK07/23-0006	31/07/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 07	3341	34.210.623					
6421	31/07/2023	PK07/23-0007	31/07/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T07	3383	883.750					
6421	31/07/2023	PK07/23-0007	31/07/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T07	3384	151.500					
6421	31/07/2023	PK07/23-0007	31/07/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T07	3386	50.500					
6421	31/08/2023	PK08/23-0002	31/08/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 08	3341	30.525.731					
6421	31/08/2023	PK08/23-0003	31/08/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T08	3383	883.750					
6421	31/08/2023	PK08/23-0003	31/08/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T08	3384	151.500					
6421	31/08/2023	PK08/23-0003	31/08/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T08	3386	50.500					
6421	31/08/2023	PK08/23-0008	31/08/2023	Thuế TNCN tháng 08	3335	2.003.096			31/08/2023		
6421	30/09/2023	PK09/23-0005	30/09/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 09	3341	32.071.604					
6421	30/09/2023	PK09/23-0006	30/09/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T09	3383	883.750					
6421	30/09/2023	PK09/23-0006	30/09/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T09	3384	151.500					
6421	30/09/2023	PK09/23-0006	30/09/2023	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T09	3386	50.500					
6421	30/09/2023	PK09/23-0012	30/09/2023	Thuế TNCN tháng 09	3335	2.312.271			30/09/2023		
6421	31/10/2023	PK10/23-0008	31/10/2023	Chi phí lương nhân viên văn phòng tháng 10	3341	25.958.676					
6421	31/10/2023	PK10/23-0009	31/10/2023	Trích thuế TNCN	3335	1.304.764					
6421	31/10/2023	PK10/23-0010	31/10/2023	Khoản trích BHXH	3383	883.750					
6421	31/10/2023	PK10/23-0010	31/10/2023	Khoản trích BHYT	3384	151.500					
6421	31/10/2023	PK10/23-0010	31/10/2023	Khoản trích BHTN	3386	50.500					
6421	30/11/2023	PK11/23-0005	30/11/2023	Chi phí lương NVVP T11/2023	3341	21.444.324					
6421	30/11/2023	PK11/23-0006	30/11/2023	Khoảng trích DN chịu - BHXH	3383	883.750					
6421	30/11/2023	PK11/23-0006	30/11/2023	Khoảng trích DN chịu - BHYT	3384	151.500					
6421	30/11/2023	PK11/23-0006	30/11/2023	Khoảng trích DN chịu - BHTN	3386	50.500					
6421	30/11/2023	PK11/23-0006	30/11/2023	Khoảng trích thuế TNCN	3335	668.407					
6421	31/12/2023	PK12/23-0012	31/12/2023	Chi phí lương NVVP T12/2023	3341	83.973.380					
6421	31/12/2023	PK12/23-0013	31/12/2023	Khoảng trích DN chịu - BHXH	3383	883.750					
6421	31/12/2023	PK12/23-0013	31/12/2023	Khoảng trích DN chịu - BHYT	3384	151.500					
6421	31/12/2023	PK12/23-0013	31/12/2023	Khoảng trích DN chịu - BHTN	3386	50.500					
6421	31/12/2023	PK12/23-0013	31/12/2023	Khoảng trích thuế TNCN	3335	15.663.939					
6421	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		427.289.490				
6421				Cộng số phát sinh		427.289.490	427.289.490				
6421				Số dư cuối kỳ							
6422				Số dư đầu kỳ							
6422	17/01/2023	PC01/23-0002	17/01/2023	Thanh toán tiền mua xăng HD 16653	1111	1.090.909		16653	17/01/2023		
6422	08/02/2023	PC02/23-0002	08/02/2023	Thanh toán tiền mua xăng HD 33247	1111	909.192		33247	08/02/2023		
6422	23/02/2023	PC02/23-0004	23/02/2023	Thanh toán tiền mua xăng HD 48856	1111	909.091		48856	23/02/2023		

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Mã đối tượng	Đối tượng	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có				Tên đối tượng	
6422	10/03/2023	PC03/23-0003	10/03/2023	Chi tiền mua xăng HD 64444	1111	909.091		64444	10/03/2023			
6422	21/03/2023	PC03/23-0005	21/03/2023	Chi tiền mua xăng HD 75911	1111	909.091		75911	21/03/2023			
6422	31/03/2023	PC03/23-0006	31/03/2023	Chi tiền mua xăng HD 87147	1111	909.091		87147	31/03/2023			
6422	11/04/2023	PC04/23-0002	11/04/2023	Xăng RON95-III	1111	909.091		99435	11/04/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	14/04/2023	PC04/23-0005	14/04/2023	Xăng Ron 95-III	1111	1.101.818		00000269	14/04/2023		CHI NHANH CÔNG TY CỔ PHẦN HOA DẦU THUẬN THAO TẠI TỈNH BÀ RỊA-VÙNG TÀU	
6422	25/04/2023	PC04/23-0006	25/04/2023	Xăng RON 95 -III	1111	816.309		00000221	25/04/2023		CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI	
6422	10/05/2023	PC05/23-0003	10/05/2023	Xăng Ron 95-III	1111	913.091		00000335	10/05/2023		CHI NHANH CÔNG TY CỔ PHẦN HOA DẦU THUẬN THAO TẠI TỈNH BÀ RỊA-VÙNG TÀU	
6422	19/05/2023	PC05/23-0004	19/05/2023	Xăng RON95-III	1111	909.091		144121	19/05/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	31/05/2023	PC05/23-0007	31/05/2023	Xăng RON95-III	1111	909.091		157283	31/05/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	08/06/2023	PC06/23-0003	08/06/2023	Xăng RON95-III	1111	909.091		165964	08/06/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	21/06/2023	PC06/23-0005	21/06/2023	Xăng RON95-III	1111	454.545		180668	21/06/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	22/06/2023	PC06/23-0006	22/06/2023	Xăng RON95-III	1111	454.545		181737	22/06/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	29/06/2023	PC06/23-0008	29/06/2023	Xăng RON95-III	1111	936.425		193719	29/06/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	04/07/2023	PC07/23-0001	04/07/2023	Chi tiền mua xăng CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI số hó	1111	739.964		00001304	04/07/2023		CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI	
6422	24/07/2023	PC07/23-0005	24/07/2023	Chi tiền mua xăng CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU số hóa	1111	939.901		236914	24/07/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	31/07/2023	PC07/23-0007	31/07/2023	Chi tiền mua xăng CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU VÙNG TÀU số hóa đơn 0000085	1111	911.600		00000852	31/07/2023		CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU VÙNG TÀU	
6422	13/08/2023	PC08/23-0002	13/08/2023	Xăng RON95-III	1111	890.923		272075	13/08/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	24/08/2023	PC08/23-0003	24/08/2023	Xăng RON95-III	1111	909.462		292466	24/08/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	31/08/2023	PC08/23-0006	31/08/2023	Chi tiền mặt mua xăng số hóa đơn 00001067	1111	469.636		00001067	31/08/2023		CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU VÙNG TÀU	
6422	11/09/2023	PC09/23-0001	11/09/2023	Chi tiền mặt mua xăng số hóa đơn 322376	1111	909.135		322376	11/09/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	21/09/2023	PC09/23-0003	21/09/2023	Chi tiền mặt mua xăng số hóa đơn 00000727	1111	1.017.409		00000727	21/09/2023		CHI NHANH CÔNG TY CỔ PHẦN HOA DẦU THUẬN THAO TẠI TỈNH BÀ RỊA-VÙNG TÀU	
6422	03/10/2023	PC10/23-0001	03/10/2023	Chi tiền mặt mua xăng HD 00001243	1111	925.855		00001243	03/10/2023			
6422	12/10/2023	PC10/23-0002	12/10/2023	Chi tiền mặt mua xăng HD 371904	1111	909.091		371904	12/10/2023			
6422	23/10/2023	PC10/23-0004	23/10/2023	Chi tiền mặt mua xăng HD 00001369	1111	921.600		00001369	23/10/2023			
6422	07/11/2023	PC11/23-0002	07/11/2023	Chi phí tiền xăng HD 413075	1111	976.371		413075	07/11/2023			
6422	18/11/2023	PC11/23-0001	18/11/2023	Chi phí mua xăng HD 00001526	1111	919.809		00001526	18/11/2023		CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU VÙNG TÀU	
6422	30/11/2023	PC11/23-0003	30/11/2023	Chi phí tiền xăng HD 449161	1111	909.604		449161	30/11/2023			
6422	11/12/2023	PC12/24-0001	11/12/2023	Thanh toán tiền xăng HD 00001655	1111	913.091		00001655	11/12/2023		CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU VÙNG TÀU	
6422	25/12/2023	PC12/23-0006	25/12/2023	Thanh toán tiền xăng HD 00010463	1111	1.437.382		00010463	25/12/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	29/12/2023	PC12/23-0008	29/12/2023	Thanh toán chi phí xăng dầu HD 491437	1111	909.310		491437	29/12/2023		CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VÙNG TÀU	
6422	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		29.559.705					
6422				Cộng số phát sinh		29.559.705		29.559.705				
6422				Số dư cuối kỳ								
6423				Số dư đầu kỳ								
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/01/2023	PBCP01/23-0001	31/01/2023	Chi phí mua văn phòng phẩm HD 00002317	2421	373.303						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	28/02/2023	PBCP02/23-0001	28/02/2023	Chi phí mua văn phòng phẩm HD 00002317	2421	373.303						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/03/2023	PBCP03/23-0001	31/03/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Mã đối tượng	Đối tượng	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có				Tên đối tượng	
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bút bi TL-08	1111	54.000		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bút chì gỗ Bizer BIZ-P01	1111	12.000		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bút dạ quang FO-HL009/VN vàng	1111	35.500		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bút lông bảng WB-03	1111	28.500		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	File kẹp tài liệu A4 nhựa 5387	1111	66.800		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bia 20 lá nhiều màu V051, V053,V054	1111	62.600		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Túi da nâng ngang 89-V102,103,104,105	1111	141.000		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bia 6 ngăn nút cài	1111	48.800		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bia công 50F4 FO-BC13 xanh đậm	1111	36.422		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bia da 140 lá A4 (TD)	1111	111.400		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Bia lá A4 88-V20	1111	42.000		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Chìa file lá bằng nhựa A10101	1111	39.300		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Khay nhựa 2 ngăn	1111	56.400		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	12/07/2023	PC07/23-0004	12/07/2023	Giấy Photocopy 70 A4	1111	205.556		1535	12/07/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	03/08/2023	PC08/23-0001	03/08/2023	Giấy Double A 70 A4	1111	370.370		1762	03/08/2023		CÔNG TY TNHH ĐĂNG NGUYỄN	
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.121						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Lốp xe ô tô Michelin	2422	212.126						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Máy tính bảng iPad 10 Wifi 64GB Blue (ST990X59FFW)	2421	379.697						
6423	07/12/2023	PC12/23-0002	07/12/2023	Chi phí mua văn phòng phẩm HD 2838	1111	1.274.537		2838	07/12/2023			
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Hóa đơn điện tử 3 năm HD 0664797	2422	58.333						
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Máy in HP LaserJet	2422	85.581						
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Điện thoạiApple ĐTDĐ iPhone 13 mini 128GB Midnight MLK03VN/A HD 048469	2422	461.364						
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Lốp xe ô tô Michelin HD 0001426	2422	220.679						
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Chi phí gia hạn chữ ký số HSM 3 năm HD 390359	2422	73.460						
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Thanh toán tiền mua chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử HD 102351	2422	42.500						
6423	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Máy tính bảng iPad 10 Wifi 64GB Blue (ST990X59FFW)	2421	813.636						
6423	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		18.076.463					
6423				Cộng số phát sinh		18.076.463	18.076.463					
6423				Số dư cuối kỳ								
6424				Số dư đầu kỳ								
6424	31/01/2023	PK01/23-0004	31/01/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	28/02/2023	PK02/23-0004	28/02/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	31/03/2023	PK03/23-0002	31/03/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	30/04/2023	PK04/23-0010	30/04/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	31/05/2023	PK05/23-0002	31/05/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	30/06/2023	PK06/23-0004	30/06/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	31/07/2023	PK07/23-0002	31/07/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Mã đối tượng	Đối tượng	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có				Tên đối tượng	
6424	31/08/2023	PK08/23-0001	31/08/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	30/09/2023	PK09/23-0004	30/09/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	31/10/2023	PK10/23-0002	31/10/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	30/11/2023	KH11/23-0001	30/11/2023	Máy quay phim creative pro ILME-FX30 HD 2924	2141	437.500						
6424	30/11/2023	PK11/23-0001	30/11/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	31/12/2023	KH12/23-0001	31/12/2023	Máy chụp hình KTS ILCE-7M4/BQ AP2 (1)	2141	450.829						
6424	31/12/2023	KH12/23-0001	31/12/2023	Máy chụp hình KTS ILCE-7M4/BQ AP2 (2)	2141	450.829						
6424	31/12/2023	KH12/23-0001	31/12/2023	Ống kính máy ảnh SEL2470GM2/QSYX	2141	399.306						
6424	31/12/2023	KH12/23-0001	31/12/2023	Máy quay phim creative pro ILME-FX30 HD 2924	2141	625.000						
6424	31/12/2023	PK12/23-0001	31/12/2023	Ô tô Ford Everest 1996c	2141	13.891.951						
6424	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		169.066.876					
6424				Cộng số phát sinh		169.066.876	169.066.876					
6424				Số dư cuối kỳ								
6425				Số dư đầu kỳ								
6425	01/01/2023	PK01/23-0002	01/01/2023	Chi phí lễ phí môn bài 2023	3339	2.000.000						
6425	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		2.000.000					
6425				Cộng số phát sinh		2.000.000	2.000.000					
6425				Số dư cuối kỳ								
6427				Số dư đầu kỳ								
6427	07/01/2023	BN01/23-0002	07/01/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00004868	1121	50.000		00004868	07/01/2023			
6427	07/01/2023	BN01/23-0003	07/01/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00005239	1121	50.000		00005239	07/01/2023			
6427	28/01/2023	BN01/23-0011	28/01/2023	Thanh toán phí quản lý tài khoản HD 15386	1121	100.000		15386	28/01/2023			
6427	31/01/2023	PK01/23-0005	31/01/2023	Chi phí dịch vụ kế toán tháng 01/2023 HD 49	3311	2.500.000		49	31/01/2023	RONGVIET	Công ty TNHH DV TC KT Thuê Rõng Việt	
6427	31/01/2023	PK01/23-0011	31/01/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ
6427	31/01/2023	PK01/23-0012	31/01/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	04/02/2023	BN02/23-0003	04/02/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00020982	1121	50.000		00020982	04/02/2023			
6427	04/02/2023	BN02/23-0004	04/02/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00020872	1121	50.000		00020872	04/02/2023			
6427	10/02/2023	PC02/23-0003	10/02/2023	Thanh toán tiền dịch vụ ăn uống tiếp khách HD 372	1111	2.727.272		372	10/02/2023			
6427	28/02/2023	PK02/23-0006	28/02/2023	Chi phí dịch vụ kế toán tháng 02/2023 HD 169	3311	2.500.000		169	28/02/2023	RONGVIET	Công ty TNHH DV TC KT Thuê Rõng Việt	
6427	28/02/2023	PK02/23-0012	28/02/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ
6427	28/02/2023	PK02/23-0013	28/02/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	04/03/2023	BN03/23-0003	04/03/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00038465	1121	50.000		00038465	04/03/2023			
6427	04/03/2023	BN03/23-0004	04/03/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00038528	1121	50.000		00038528	04/03/2023			
6427	10/03/2023	PC03/23-0002	10/03/2023	Chi tiền mua bánh, nước ngọt, trà tiếp khách HD 622	1111	1.818.181		622	10/03/2023			
6427	10/03/2023	PC03/23-0004	10/03/2023	Chi tiền dịch vụ ăn uống tiếp khách HD 736480	1111	2.489.000		736480	10/03/2023			
6427	25/03/2023	BN03/23-0012	25/03/2023	Phí quản lý tài khoản HD 81449	1121	100.000		81449	25/03/2023			
6427	31/03/2023	PK03/23-0005	31/03/2023	Chi phí dịch vụ kế toán tháng 03/2023 HD 269	3311	2.500.000		269	31/03/2023	RONGVIET	Công ty TNHH DV TC KT Thuê Rõng Việt	
6427	31/03/2023	PK03/23-0011	31/03/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ
6427	31/03/2023	PK03/23-0012	31/03/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	08/04/2023	BN04/23-0004	08/04/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00055653	1121	50.000		00055653	08/04/2023			
6427	08/04/2023	BN04/23-0005	08/04/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00055669	1121	50.000		00055669	08/04/2023			
6427	11/04/2023	PC04/23-0004	11/04/2023	Dịch vụ ăn uống tiếp khách	1111	5.500.000		1551	11/04/2023			CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHÀ HÀNG SỰ KIỆN HUƠNG XÚA
6427	28/04/2023	PK04/23-0005	28/04/2023	Dịch vụ kế toán tháng 04 đến tháng 12/2023	3311	22.500.000		388	28/04/2023	RONGVIET	Công ty TNHH DV TC KT Thuê Rõng Việt	
6427	29/04/2023	PK04/23-0008	29/04/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ
6427	29/04/2023	PK04/23-0009	29/04/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	30/04/2023	PBCP04/23-0001	30/04/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970						
6427	06/05/2023	BN05/23-0001	06/05/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00071488	1121	50.000		00071488	06/05/2023			
6427	06/05/2023	BN05/23-0002	06/05/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00072385	1121	50.000		00072385	06/05/2023			
6427	08/05/2023	PC05/23-0002	08/05/2023	Dịch vụ ăn uống tiếp khách	1111	2.586.364		00000680	08/05/2023			CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN LỢI
6427	23/05/2023	PC05/23-0006	23/05/2023	Dịch vụ ăn uống tiếp khách	1111	3.181.818		941	23/05/2023			CÔNG TY TNHH TM DV NHÀ HÀNG VÀ SỰ KIỆN VƯỜN NHÀ MÂY
6427	27/05/2023	BN05/23-0005	27/05/2023	Phí quản lý tài khoản HD 157862	1121	100.000		157862	27/05/2023			
6427	31/05/2023	PBCP05/23-0001	31/05/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970						
6427	31/05/2023	PK05/23-0008	31/05/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ
6427	31/05/2023	PK05/23-0009	31/05/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	09/06/2023	PC06/23-0004	09/06/2023	Công bảo dưỡng định kỳ ES 72A-53073	1111	2.206.000		2224	09/06/2023			CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO – CHI NHANH BA RIA
6427	10/06/2023	BN06/23-0004	10/06/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00088352	1121	50.000		00088352	10/06/2023			
6427	10/06/2023	BN06/23-0005	10/06/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00089475	1121	50.000		00089475	10/06/2023			
6427	24/06/2023	BN06/23-0007	24/06/2023	Phí quản lý tài khoản HD 191577	1121	100.000		191577	24/06/2023			
6427	25/06/2023	BN06/23-0008	25/06/2023	Thanh toán phí quản lý tài khoản HD 00096089	1121			00096089	25/06/2023			
6427	26/06/2023	PC06/23-0007	26/06/2023	Chi tiền mặt Dịch vụ ăn uống tiếp khách CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN LỢI số	1111	5.000.000		00000081	26/06/2023			CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN LỢI
6427	30/06/2023	PBCP06/23-0001	30/06/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970						
6427	30/06/2023	PK06/23-0012	30/06/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ
6427	30/06/2023	PK06/23-0013	30/06/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	04/07/2023	PC07/23-0002	04/07/2023	Chi tiền phí đăng ký lần đầu nhà thầu TRUNG TÂM ĐẦU THẦU QUA MANG QUỐC	1111	500.000		65264	04/07/2023			TRUNG TÂM ĐẦU THẦU QUA MANG QUỐC GIA
6427	07/07/2023	BN07/23-0003	07/07/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00104876	1121	50.000		00104876	07/07/2023			
6427	08/07/2023	BN07/23-0004	08/07/2023	Thanh toán phí SMS chủ động HD 00104882	1121	50.000		00104882	08/07/2023			
6427	13/07/2023	BN07/23-0009	13/07/2023	Thanh toán phí thực hiện hợp đồng bảo lãnh HD 00012024	1121	758.114		00012024	13/07/2023			
6427	13/07/2023	BN07/23-0010	13/07/2023	Thanh toán phí thực hiện hợp đồng bảo lãnh HD 00012022	1121	600.000		00012022	13/07/2023			NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHANH VÙNG TÂY
6427	25/07/2023	PC07/23-0006	25/07/2023	Chi tiền phí nộp hồ sơ đề xuất thông báo mời thầu số IB2300164218 CÔNG TY	1111	200.000		00208563	25/07/2023			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐẦU THẦU QUA MANG QUỐC GIA
6427	29/07/2023	BN07/23-0017	29/07/2023	Phí quản lý tài khoản HD 228742	1121	100.000		228742	31/07/2023			
6427	31/07/2023	PBCP07/23-0001	31/07/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970						
6427	31/07/2023	PK07/23-0008	31/07/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000					PVT	PHẠM VĂN TỰ

Tài khoản	Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Đối tượng	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có			Mã đối tượng	Tên đối tượng
6427	31/07/2023	PK07/23-0009	31/07/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000					
6427	05/08/2023	BN08/23-0009	05/08/2023	Thu phí dịch vụ SMS chủ động HD 00118722	1121	50.000		00118722	05/08/2023	NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	05/08/2023	BN08/23-0009	05/08/2023	Thu phí dịch vụ SMS chủ động HD 00119608	1121	50.000		00119608	05/08/2023		
6427	26/08/2023	BN08/23-0006	26/08/2023	Phí DV quản lý TK HD 266632	1121	100.000		266632	26/08/2023		
6427	29/08/2023	PC08/23-0004	29/08/2023	Chi tiền dịch vụ ăn uống tiếp khách số hóa đơn 542	1111	4.768.519		542	29/08/2023		CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG QUÂN NHÀ
6427	31/08/2023	PBCP08/23-0001	31/08/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970					
6427	31/08/2023	PK08/23-0004	31/08/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000				PVT	PHẠM VĂN TỤ
6427	31/08/2023	PK08/23-0005	31/08/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000				NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	09/09/2023	BN09/23-0012	09/09/2023	Phí dịch vụ SMS chủ động HD 00132809	1121	50.000		00132809	09/09/2023		
6427	09/09/2023	BN09/23-0012	09/09/2023	Phí dịch vụ SMS chủ động HD 00132811	1121	50.000		00132811	09/09/2023		
6427	20/09/2023	PC09/23-0002	20/09/2023	Chi tiền mặt dịch vụ ăn uống tiếp khách số hóa đơn 712	1111	4.166.667		712	20/09/2023		CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG HỘI TỤ QUÂN
6427	30/09/2023	PBCP09/23-0001	30/09/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970					
6427	30/09/2023	PK09/23-0007	30/09/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000				PVT	PHẠM VĂN TỤ
6427	30/09/2023	PK09/23-0008	30/09/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000				NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	07/10/2023	BN10/23-0002	07/10/2023	Phí dịch vụ SMS chủ động T09/2023	1121	50.000		00148043	07/10/2023		
6427	07/10/2023	BN10/23-0003	07/10/2023	Phí dịch vụ SMS chủ động T9/2023	1121	50.000		00148045	07/10/2023		
6427	21/10/2023	PC10/23-0003	21/10/2023	Chi phí tiếp khách HB 00000470	1111	4.433.000		00000470	21/10/2023	ANHDAO	HKD BUI THI ANH DAO (VUA HAI SAN TRUONG CUA)
6427	25/10/2023	PC10/23-0005	25/10/2023	Chi phí tiếp khách HD 64444	1111	2.850.630		64444	25/10/2023		
6427	28/10/2023	BN10/23-0008	28/10/2023	Phí quản lý tài khoản	1121	100.000		338826	31/10/2023		
6427	31/10/2023	PBCP10/23-0001	31/10/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970					
6427	31/10/2023	PK10/23-0003	31/10/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000				PVT	PHẠM VĂN TỤ
6427	31/10/2023	PK10/23-0004	31/10/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000				NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	04/11/2023	BN11/23-0006	04/11/2023	Thu phí SMS chủ động HD 00160443	1121	50.000		00160443	04/11/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VŨNG TÀU
6427	04/11/2023	BN11/23-0007	04/11/2023	Thu phí SMS chủ động HD 00161516	1121	50.000		00161516	04/11/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VŨNG TÀU
6427	14/11/2023	PC11/23-0011	14/11/2023	Chi phí trúng thầu thông báo mời thầu số IB2300164218 HD 399687	1111	61.582		399687	14/11/2023		CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HÉ THONG ĐÀU THAU QUẢ MANG QUỐC GIA
6427	16/11/2023	PC11/23-0005	16/11/2023	Chi phí tiếp khách HD 1267	1111	4.212.963		1267	16/11/2023		CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG QUÂN NHÀ
6427	23/11/2023	BN11/23-0009	23/11/2023	Phí dịch vụ ngân hàng HD 00168025	1121	400.000		00168025	23/11/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VŨNG TÀU
6427	30/11/2023	BN11/23-0005	30/11/2023	Phí quản lý TK HD 374804	1121	100.000		374804	30/11/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
6427	30/11/2023	PBCP11/23-0001	30/11/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970					
6427	30/11/2023	PC11/23-0008	30/11/2023	Chi phí tiếp khách HD 1402	1111	2.314.815		1402	30/11/2023		
6427	30/11/2023	PK11/23-0002	30/11/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000				PVT	PHẠM VĂN TỤ
6427	30/11/2023	PK11/23-0003	30/11/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000				NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	04/12/2023	PC12/23-0001	04/12/2023	Chi phí tiếp khách HD 171	1111	718.900		171	04/12/2023		CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHÁO LỬA
6427	07/12/2023	BN12/23-0002	07/12/2023	Chi phí bảo lãnh HD 411674	1121	437.500		411674	31/12/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
6427	07/12/2023	BN12/23-0003	07/12/2023	Chi phí bảo lãnh HD 411674	1121	700.000		411674	31/12/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
6427	09/12/2023	BN12/23-0001	09/12/2023	Phí dịch vụ ngân hàng HD 00177724	1121	50.000		00177724	09/12/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VŨNG TÀU
6427	09/12/2023	BN12/24-0001	09/12/2023	Phí dịch vụ ngân hàng HD 00177784	1121	50.000		00177784	09/12/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VŨNG TÀU
6427	11/12/2023	PC12/23-0003	11/12/2023	Chi phí tiếp khách HD 1567	1111	4.861.111		1567	11/12/2023		CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG QUÂN NHÀ
6427	25/12/2023	PC12/23-0007	25/12/2023	Chi phí tiếp khách HD 92	1111	1.088.889		92	25/12/2023		CÔNG TY TNHH ASAHI SUSHI
6427	28/12/2023	BN12/23-0004	28/12/2023	Chi phí bảo lãnh HD 411674	1121	1.565.690		411674	31/12/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
6427	29/12/2023	PK12/23-0009	29/12/2023	Chi phí in ấn hóa đơn chứng từ phát sinh năm 2022 HD 1470	3311	500.000		1470	29/12/2023	RONGVIET	Công ty TNHH DV TC KT Thuê Rõng Việt
6427	30/12/2023	BN12/24-0002	30/12/2023	Chi phí bảo lãnh HD 411674	1121	100.000		411674	31/12/2023		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
6427	31/12/2023	PBCP12/23-0001	31/12/2023	Chi phí đăng ký tên miền quốc gia và email hosting HD 162719	2422	381.970					
6427	31/12/2023	PK12/23-0002	31/12/2023	Chi phí thuê văn phòng	1111	6.500.000				PVT	PHẠM VĂN TỤ
6427	31/12/2023	PK12/23-0003	31/12/2023	Chi phí thuê xe	1111	6.500.000				NTM	NGUYỄN TIẾN MẠNH
6427	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		252.184.745				
6427				Cộng số phát sinh		252.184.745	252.184.745				
6427				Số dư cuối kỳ							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lập ngày....tháng....năm.....

Phạm Quang Tuấn

Tài khoản	Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Số tiền		Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Đối tượng
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có			Tên đối tượng
8113				Số dư đầu kỳ						
8113	19/01/2023	BN01/23-0008	19/01/2023	Nộp tiền chậm nộp tiền thuê	1121	99				
8113	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí khác	911		99			
8113				Cộng số phát sinh		99	99			
8113				Số dư cuối kỳ						
8118				Số dư đầu kỳ						
8118	11/04/2023	PC04/23-0003	11/04/2023	Văn phòng phẩm (Giấy PaperOne A4 70gsm, Giấy A5 Excel 70 Gsm, ...)	1111	2.500.000		719	11/04/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHẠM GIA VŨNG TÀU
8118	23/05/2023	PC05/23-0005	23/05/2023	Chi tiền mua Bánh, kẹo, nước tiếp khách CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM BẮC HÀ	1111	2.000.000		1779	23/05/2023	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM BẮC HÀ
8118	31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí khác	911		4.500.099			
8118				Cộng số phát sinh		4.500.099	4.500.099			
8118				Số dư cuối kỳ						

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lập ngày....tháng....năm.....

Phạm Quang Tuấn

SỔ CÁI

Năm 2023

Tài Khoản : [154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang]

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ		Số HD	Tên khách hàng	Tên khoản mục	Tên vật tư
	Số hiệu	Ngày tháng			Ps nợ	Ps có	Dư nợ	Dư có				
			Số dư đầu kỳ									
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	6274	240.073.071							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	6277	139.156.812							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	6277	2.144.748.425							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	622	485.469.000							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	6273	3.405.278.736							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	6274	7.469.078							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	6273	16.225.136							
31/12/2023	KCPB2312-0001	31/12/2023	[...Kết chuyển dịch danh 62 sang 154]	621	72.952.931							
31/12/2023	KCPB2312-0002	31/12/2023	[...Kết chuyển 154 dịch danh sang 632]	632		811.302.957						
31/12/2023	KCPB2312-0002	31/12/2023	[...Kết chuyển 154 dịch danh sang 632]	632		5.700.070.232						
			Cộng số phát sinh		6.511.373.189	6.511.373.189						
			Số dư cuối kỳ									

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày....tháng....năm.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk Đối ứng	Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ		Số HD	Tên khách hàng	Tên khoản mục	Tên vật tư
	Số hiệu	Ngày tháng			Ps nợ	Ps có	Dư nợ	Dư có				
			Số dư đầu kỳ									
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6437	252.184.745							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí khác	8118	4.500.000							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí tài chính	6351	56.920.547							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6424	169.066.876							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6423	18.076.463							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6425	2.000.000							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển giá vốn	632	6.511.373.189							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	29.559.705							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6421	427.289.490							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển chi phí khác	8113	99							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển thuế	8211	161.370.902							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ	4212	640.983.510							
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5113		8.273.125.806						
31/12/2023	PKKQ2312-0001	31/12/2023	Kết chuyển doanh thu tài chính	5151		199.720						
			Cộng số phát sinh		8.273.325.526	8.273.325.526						
			Số dư cuối kỳ									

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày....tháng....năm.....

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Nay	Kỳ Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.273.125.806	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.273.125.806	
4. Giá vốn hàng bán	11		6.511.373.189	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.761.752.617	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		199.720	
7. Chi phí tài chính	22		56.920.547	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		56.920.547	
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		898.177.279	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		806.854.511	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		4.500.099	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-4.500.099	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		802.354.412	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		161.370.902	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		640.983.510	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			
Lợi nhuận sau thuế kết chuyển			640.983.510	
Chênh lệch (<>0 là sai)				

Lập ngày....tháng....năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu (*Sign*): 1C23TTE

Số (No): 00000483

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày(Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Mã CQT: 000C97632284634D9AAB1C2EEEC18220DC

Đơn vị bán hàng (Company name) : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM PHÁT**

Địa chỉ (Address): Số 238 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 3500797798

Điện thoại (*Tel*): (0254) 3553355

Fax (0254) 3553539

Số tài khoản (*Bank account*): 0081 000 606 385 - Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Vũng tàu

Họ tên người mua hàng(Buyer):

Tên đơn vị(Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Địa chỉ (Address): Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Mã số thuế(Tax code): 3502364895

Hình thức thanh toán(*Payment method*): Chuyên khoản

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6= 4 x 5
1	Thẻ cào mệnh giá 100.000đ	Cái	3.500,00	87.454,55	306.090.909
2	Thẻ cào mệnh giá 50.000đ	Cái	2.000,00	43.727,27	87.454.545
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					393.545.454
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			39.354.546
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					432.900.000

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): **Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.**

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name

Ký bởi:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM
PHÁT

Ký ngày: 31/10/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 77TQCBQD4Q4

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 12 năm 2023

Mã QGT: 009FC1E3128E3E469B99A19B05E771CD91

Ký hiệu: 1C23TTH

Số: 2175

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THN

Mã số thuế: 0102360587

Địa chỉ: Căn C212B18, tầng 12B, tòa C2, Khu căn hộ D'.Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0462753352

Email: ngoclanthn@gmail.com

Website:

Số tài khoản (A/C No): 595900999

Tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng_CN Kinh Đô

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Mã số thuế: 3502364895

Địa chỉ: Số 509 Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Giấy in ảnh màu nhãn hiệu DNP - 15.2cm x 72m (4x6)	Hộp	4	3.538.889	14.155.556

Cộng tiền hàng: 14.155.556

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 1.132.444

Tổng cộng tiền thanh toán: 15.288.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU
THN
Ký ngày: 25/12/2023

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://newinvoice.com.vn> Mã tra cứu: F94ADBC70102360587

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

(Công ty Cổ phần Hóa Đơn Điện Tử NEW-INVOICE - MST: 0105937449 - Hotline: 1900 633 651)